

Tạp Chí Trần Hương 4

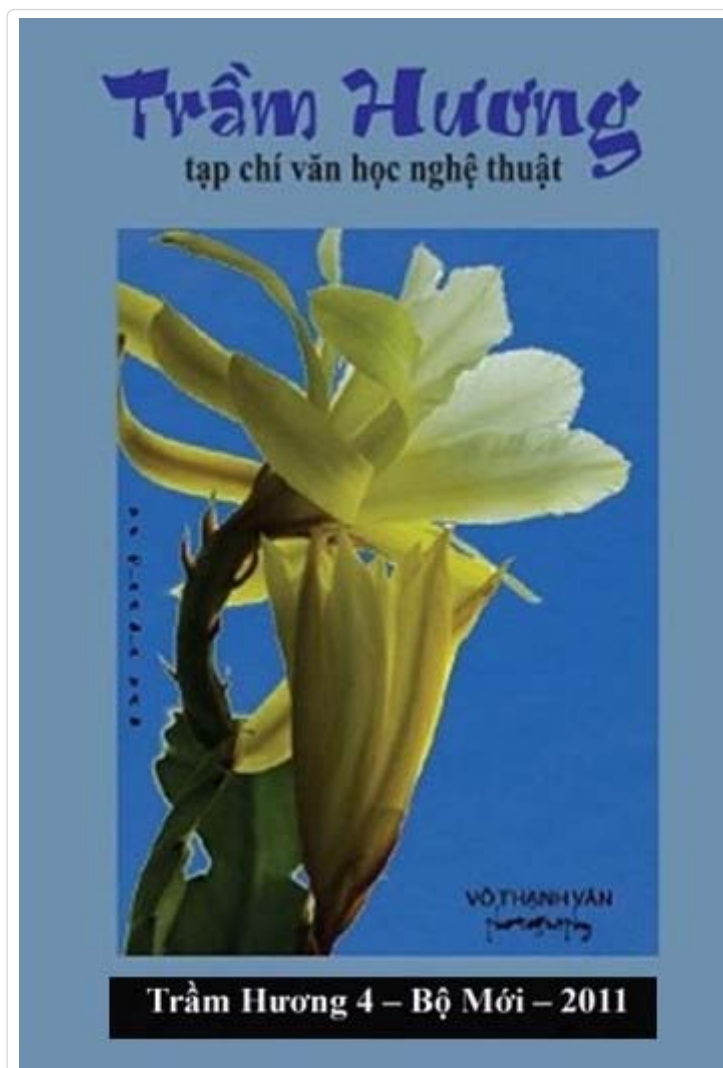
≡ Parent Category:

≡ Category: **Tạp Chí Trần Hương**

🕒 Last Updated: Saturday, 10 October 2015 17:54

🕒 Published: Tuesday, 19 February 2013 12:04

✍️ Tác giả



TRẦN HƯƠNG

Tạp chí văn học nghệ thuật

Năm Thứ 6 . Bộ Mới . Số 4

Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Nhơn

Chủ bút: Túy Hà

Thông Tin Liên Lạc

tuyha81@yahoo.com
doanthachngoc@yahoo.com
Website: <http://hoiquantramhuong.com>

Trình bày và layout: Nghi Hà

In tại

Mr.Print Ân Quán

THI VĂN ĐÀN TRÀM HƯƠNG THỰC HIỆN

MỤC LỤC

Lời vào (3)

Nguyễn Tôn Nhan thơ - viết về Hoài Nam Tử (8) * Nguyễn Đức Nhơn - Trần Văn Lệ - Phạm Tương như - Hoàng Xuân Sơn - Du Miên Đà Lạt thơ tưởng niệm Nguyễn Tôn Nhan (18) * Vũ Đăng Lư Dallas chiều thơ nhạc (24) * Đàm Trung Pháp Bút ký (30) * Trần Hoài Thư thơ (35) * Trần Yên Thảo thơ (37) * Hải Phương thơ (39) * Vũ Tiến Lập thơ (41) * Nguyễn Minh Triết biên khảo (42) * Nguyễn Lương Vỹ thơ (52) * Ngô Nguyên Nghiễm thơ (53) * Nguyễn Lập Đông thơ (56) * Trần Văn Lương văn (57) * Lan Đàm thơ (65) * Lãm Thúy thơ (68) * Trần Bang Thạch văn (71) * Như Phong thơ (75) * Kim Oanh thơ (78) * Phan Các Chiêu Hằng văn (80) * Phan Bá Thụy Dương thơ (94) * Dương Thượng Trúc thơ (96) * Lê Hữu Minh Toán thơ (98) * Yên Sơn văn (99) * Cù Hòa Phong thơ (101) * Tâm Thanh văn (102) * Xuân Bích thơ (112) * Kiệt Tấn thơ (114) * Trường Thy văn (116) * Cái Trọng Ty thơ (122) * Trọng Đạt Biên Khảo (124) * Túy Hà thơ (135) * Phan Các Chiêu Hằng thơ (138) * Nguyễn Thị Thanh Dương văn (141) * Dương Quân thơ (147) * Lan Cao thơ (149) * Xuân Du thơ (151) * Nguyễn Thị Thanh Dương thơ (153) * Tình Hoài Hương thơ (155) * Yên Sơn văn (156) * Song An Châu thơ (165) * Lưu Ca thơ (168) * Phan Xuân Sinh văn (170) * Nguyễn Tâm Hàn thơ (179) * Lưu Nguyễn Từ Thúc thơ (180) * Chu Thụy Nguyên thơ (181) * Luân Tâm thơ (183) * Tình Hoài Hương văn (185) * Chúc Anh thơ (191) * Mây Ngàn thơ (192) * Nguyễn Khoa Lộc thơ (193) * Song Thy thơ (194) * Phạm Tương Như thơ họa vận (195) * Nguyễn Thế Giác đọc sách (196) * Thái Bạch Vân thơ (202) * Tuấn Đình thơ (204) * Nhật Hạnh nhạc (205) * Thanh Ngọc nhạc (206) .

Lời Vào

Khi chúng tôi ghi lại những lời này thì:

Những ngày đông băng giá đầy cay nghiệt chưa qua, những bất an vẫn còn trên từng

khuôn mặt đời thường. Chắc hẳn đa phần đang chia sẻ lo âu. Lo cho cỏ cây khó trở mình đứng dậy, lo mùa đông trở chứng kéo dài, lo xăng dầu leo thang đòi nợ. Lo cho nền kinh tế đang có lết đi với tốc độ rùa bò. Tất cả những điều ấy trái lại không làm cho chúng tôi lo lắng, vì bên cạnh vẫn còn những người bạn chí cốt, kiên trì bám trụ trong thư phòng nhỏ hẹp của căn mobile home tồi tàn mà chiếc lò sưởi già nua không còn đủ hơi nhả ấm. Nơi ấy là chỗ để thai nghén Trầm Hương.

Nỗi lo riêng của chúng tôi chỉ xuất hiện khi có khá nhiều câu hỏi đến từ thân hữu và độc giả cùng một nội dung và có thể đúc kết là: Trầm hương có gì trục trặc, có gì thay đổi, mà sao vẫn chưa phát hành theo lịch đã ghi. Những câu hỏi ấy vô hình chung lại mang hai tích cách khác nhau: Lo âu và phấn khởi. Lo vì biết cách nào để trả lời độc giả, để giải thích với bạn văn sao cho hợp lý hợp tình. Phấn khởi vì tiếng nói của Trầm Hương vẫn còn người quan tâm và hưởng ứng. Như vậy chúng tôi không lẻ loi, chúng tôi vẫn đang khởi hành đúng hướng.

Tiếc thay câu trả lời lại chạm đến điều tế nhị, nhất là đối với giới cầm bút vẫn thường xem tài phú như không và ít khi bàn đến. Tuy nhiên sự thực không vui đôi khi cũng phải nói ra, đó là Tạp chí Trầm Hương mỗi ngày mỗi cố gắng thay đổi chính mình từ hình thức đến nội dung. Và qua kiểm chứng của người đọc, chúng tôi đã nhận được khá nhiều khích lệ, qua sự hưởng ứng đóng góp bài vở của nhiều người viết mới cũng như của những cây viết đã thành danh là chứng tỏ cụ thể nhất.

Thế nhưng, lại vẫn là hai chữ thế nhưng cay nghiệt trước đòi hỏi tự nhiên, thêm bài thì phải thêm trang và như thế đồng nghĩa với việc thêm phần... ấn phí. Trong khi đó sự giới hạn chung về mặt kinh tế khiến cho phần ủng hộ của thân chủ quảng cáo dưới hình thức mạnh thường quân cũng chùn tay giới hạn nghĩa là tài chính đang co lại và vì thế: đến hẹn nhưng vẫn... chưa lên.

Chưa lên nhưng không có nghĩa là không lên, vì anh em Trầm Hương nói riêng và thân hữu nói chung vẫn đang vận động góp sức để kéo Trầm Hương từ nhà in ra. Sự thực là như thế, nhưng Trầm Hương vẫn kiên trì lên đường bằng đôi chân thiếu sức của mình. Cuộc chơi nào mà không phải hao tốn, vận động cho một mong ước nào mà không phải hy sinh. Trong lãnh vực văn học nghệ thuật, sáng tác nào mà không phải đầu tư trí tuệ để góp phần thăng tiến tư duy. Chúng tôi vẫn lên đường.

Và trên đường chúng tôi đi, thông tin thời sự nóng bỏng vẫn không rời, hương hoa Nhài lan rộng từ Bắc phi sang Trung đông và còn nhiều nơi nữa, thế giới Á rập đang lên cơn sốt, chúng tôi kêu gọi sự hưởng ứng của những bạn cầm bút còn tâm huyết và xin được nhắc lại vận động của văn học không tách rời thời cuộc. Thơ văn không chỉ là ngợi ca cái đẹp mà còn phải ngợi ca tính nhân bản trong mọi bối cảnh hiện thực xã hội. Thơ văn không chỉ hiện diện trên những khung cảnh sang trọng mà thường xuất hiện khắp mọi

nơi, từ bùn lầy nước đọng, từ ruộng đồng khô hạn hoặc xanh tươi, như hoa mọc khắp mọi nơi. Thậm chí từ những bi thảm như chiến tranh và từ những hoan ca của hòa bình. Thơ văn phải mang thuộc tính quần chúng. Bởi vì từ quần chúng mới có bạn đọc. Có lẽ Quý bạn đọc đang chờ hương hoa ướp chữ, góp tình trong sáng tác. Và hỡi bạn cầm bút còn chờ gì, đề tài và cảm hứng vẫn đầy dẫy trước mặt ta. Ý nghĩa này thay cho lời cảm tạ bạn đồng hành đang cùng di chuyển trên một lộ trình. Chúng tôi hoan nghênh và chờ đợi những sáng tác mới trên tinh thần ấy. Kính mời Quý vị ghé thăm trang Web của chúng tôi:

www.hoiquantramhuong.net

Trân trọng

Ban Biên Tập.

Lời Tòa Soạn:

Trầm Hương số 4 đặc biệt tưởng niệm cố Thi hữu Nguyễn Tôn Nhan, chúng tôi đăng lại bài Cuộc Đời Tư Tưởng Hoài Nam Tử. Bài này là tựa của tập biên khảo và dịch thuật Hoài Nam Tử, anh đưa bản thảo tận tay tôi tại Sài Gòn, lúc sách vừa đem in.

NDN

Nguyễn Tôn Nhan

Cuộc đời tư tưởng Hoài Nam Tử

Tư tưởng triết học cổ đại ở Trung Quốc có ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng triết học cổ đại Việt nam. Đó là sự thực không cần lý giải và hầu như ai cũng công nhận. Trong khu rừng rậm tư tưởng triết học cổ đại (nhất là trước đời Tần – Tiên Tần – như cách nói quen thuộc). Bộ Hoài Nam Tử (hay Hoài Nam Hồng Liệt) có giá trị đặc biệt. Rất nhiều lần, trong nhiều dịp trao đổi với học giới (nhất là Hán học giới), chúng tôi lấy làm tiếc, một nền văn hóa lớn riêng biệt như Việt Nam mà xưa nay chưa hề tiếp thu bằng cách chuyển dịch toàn bộ thư tịch văn căn bản nhất của Trung Quốc vốn được nước ta kế thừa ảnh hưởng từ lâu.

Tại sao một nền văn hóa vừa Phật vừa Nho (có thể vừa Huyền học Đạo giáo nữa) thâm sâu như văn hóa Lý, Trần của Việt Nam mà chẳng ai quan tâm chuyển dịch những tác phẩm tổng hợp tư tưởng Tiên Tần sâu sắc, cụ thể như bộ Lã Thị Xuân Thu, Hoài Nam Tử?

Tại sao vào thời cận đại khi lớp những nhà Nho học cuối cùng phải bàn giao (miễn cưỡng?) di sản văn hóa tổ tiên lại cho lớp thanh niên Tây học đầu thế kỷ trước, họ chỉ chú ý chuyển dịch sơ sài vài bộ “tứ thư”, “ngũ kinh” (đã qua xác định của Tống Nho) không lưu ý gì đến “chư tử” hết sức quan trọng mà trong một bài ngắn này không thể nhắc đầy đủ hết được.

Là một hậu sinh, lại chỉ có công tự học ít nhiều, chúng tôi lấy làm tiếc khi phải tự nỗ lực đọc lấy từ nguyên tác các bộ kinh điển khó bậc nhất của tư tưởng triết học Tiên Tần. Có lẽ vì tiếc công, hay vì một cơ duyên “tiên thiên” nào đó, từ rất lâu, chúng tôi chìm đắm vào Đạo học Trung Hoa (như từ gần 20 năm trước, chúng tôi đã cho xuất bản Đạo Đức Kinh, Xung Hư chân kinh...)

Từ lâu Hoài Nam Tử đặc biệt quyến rũ chúng tôi, nhưng lại phải đợi đến “cơ duyên” gần đây, chúng tôi mới bắt đầu chuyển dịch bộ sách vô cùng quan trọng và hấp dẫn này. Trong lịch sử tinh thần của người Trung Quốc, thời “chư tử tiên Tần” rõ ràng là một thời đại huy hoàng. Thời đại này được coi là một “thời đại trực tâm” có sức hấp dẫn lớn. Đây cũng chính là thời kỳ tư tưởng Trung Quốc lên đến đỉnh cao nhất. “Chư tử” sống giữa thời loạn, cảm nhận được mọi sự đau khổ của kiếp nhân sinh, nhưng họ không đủ sức mạnh để quy định vào một dòng “chính thống” mà chỉ có khả năng tự do tư tưởng, từ đó tùy vào điều kiện riêng, tư tưởng của họ phát triển theo nhiều phương hướng để trở thành những học thuyết tư tưởng khác nhau. Giữa các loại tư tưởng khác nhau ấy cũng xảy ra nhiều cuộc luận chiến kịch liệt, từ đó hình thành nên cục diện tư tưởng “bách gia tranh minh” (trăm nhà đua tiếng) Đó cũng chứng minh cho sự tự do tư tưởng (vì chỉ có tự do tư tưởng mới “đua tiếng” được). Chính ở thời kỳ này, tư tưởng Trung Quốc đã bộc lộ khí chất cơ bản của nó; Khí chất cơ bản ấy là; tâm lý đạo đức được phát huy rất đầy đủ nhưng tâm lý trí thức lại không được triển khai như mong muốn. Đây là dấu ấn tư tưởng nhân sinh của Trung Quốc.

Quay trở lại thời đại huy hoàng này của Trung Quốc , chúng tôi muốn chọn bộ “Hoài Nam Tử” làm đối tượng vì tác phẩm này ra đời trong một xu thế phát triển tư tưởng rất đáng được chúng ta quan tâm. Xu thế này, chính là lúc tư tưởng Trung Quốc đang từ phân tán quay về hợp lưu tổng hợp. Phải chăng xu thế ấy có phần nào tương tự với xu thế ở Việt Nam trải qua “loạn thế” nửa thế kỷ qua?

Tư tưởng Trung Quốc thời kỳ tiên Tần biểu hiện thành “bách gia tranh minh”, đến đầu đời Hán đã được Thái sử công (Tư Mã Đàm, thân phụ Tư Mã Thiên) quy nạp thành sáu nhà (lục gia) Nho gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Đạo gia và Âm dương gia. Đến khi Hán Vũ đế độc tôn Nho thuật, cuối cùng hình thành cục diện cơ bản Nho và Đạo bổ sung, dựa dẫm lẫn nhau. Cục diện ấy kéo dài trong một thời gian dài đến tận lúc Phật giáo du nhập vào và phát triển đủ thành một thế lực, cục diện mới thay đổi biến thành

“tam giáo đỉnh lập” (ba tông giáo cùng tồn tại). Sự tổng hợp tư tưởng trong lịch sử Trung Quốc được hun đúc qua tiến trình đại thống nhất cuối cùng được định hình, đó là một tiến trình còn lâu dài nữa. Bộ “Hoài Nam Tử” ra đời giữa thời điểm tư tưởng tổng hợp, chưa tiến tới Nho thuật độc tôn, ra đời vào lúc chế độ đại thống nhất chính trị sắp sửa định hình nhưng chưa xác lập tối hậu, cho nên toàn bộ sách tư tưởng tự do để tiến hành chọn lọc, biểu hiện rất rõ nhiều tư tưởng mâu thuẫn, đưa ra rõ ràng tâm thái lưỡng lự giữa “thống nhất thiên hạ” và “giữ phong tục khác nhau”.

Vậy thì, chúng ta hãy tìm hiểu “Hoài Nam Tử” là tác phẩm ra sao? Khái quát đơn giản đặc điểm tác phẩm này, triết học sử Trung Quốc, đại khái thường dùng hai chữ “kỳ” (kỳ lạ) và “tạp” (lẫn lộn, phức tạp) để khái quát. Cho rằng Hoài Nam Tử kỳ lạ, có tới mấy tầng ý nghĩa: một là do số phận đầy bi kịch của tác giả, phủ lên tác phẩm nhiều màu sắc truyền kỳ. Tác giả Hoài Nam Tử là Hoài Nam Vương Lưu An và các tân khách môn nhân. Giới quý tộc vương giả đầu đời Hán đa số mê say chìm đắm vào thú vui nhan sắc, âm nhạc hoặc săn bắn rông dài, riêng Hoài Nam Vương Lưu An dốc chí vào học thuật, nhún nhường chiêu nạp kẻ sĩ, tỏ ra có tư thái phong nhã cao thượng. Một chư hầu vương cao khiết chí lớn như thế mà cuối cùng rơi vào kết cục phải tự sát, liên lụy đến vài ngàn người phải chết theo. Hoài Nam Vương là vật hy sinh để lịch sử Trung Quốc tiến vào cục diện chính trị đại nhất thống. Cái chết của ông là một bi kịch của lịch sử. Quyền lực của tước vương đầu đời Hán cực lớn, trong nội bộ vương quốc của mình, chư hầu vương có quyền hưởng thụ tiền thuế, quyền phân bổ quan lại, quyền hành chánh, thậm chí có cả quyền phát hành tiền riêng, triều đình chỉ sai một chức “thừa tướng” tới giúp đỡ, có tác dụng giám sát và liên hệ với triều đình, do vậy những “phong quốc” (quốc gia được phong cấp cho tước chư hầu vương) nghiễm nhiên là một triều đình nhỏ. Phong quốc đầu đời Hán tự có hệ thống ghi năm độc lập. Ở Trung Quốc cổ đại, quan niệm về “chính sóc” và màu sắc y phục tượng trưng cho chính quyền, do đó một chính quyền mới lên ngôi, việc đầu tiên là phải sửa đổi “chính sóc” và màu sắc y phục. Các vương quốc đầu đời Hán không tuân thủ cách làm lịch pháp triều đình (“chính sóc” là một khái niệm thuộc lịch pháp) mà tự ghi năm (theo lịch riêng) chứng minh lúc ấy vương triều Tây Hán chưa chính thức hoàn thành được thể chế đại thống nhất. Thế nhưng, bấy giờ đại thống nhất đang là xu thế phát triển của lịch sử, triều đình cũng đang mong muốn dùng sức mạnh thúc đẩy nhanh xu thế này. Nhân vậy, giữa các vương quốc (được phong) và triều đình trung ương xảy ra nhiều cuộc đấu tranh giành giật quyền lực. Các loại đấu tranh xoắn xít với giành giật ngôi đế diễn biến thành nhiều sự kiện trấn áp mưu phản bị buộc tự sát “liên lụy đến chết vài vạn người” (tọa tử giã số vạn nhân, như sử chép). Đó là sự việc chấn động lớn đương thời. Lúc Hoài Nam Vương biên soạn bộ “Hoài Nam Tử”, ông có ý dâng sách lên triều đình đầu đời Hán Vũ Đế

thay cho một kế sách, do đó ông còn tự đặt tên cho sách là “Lưu thị chi thư”: sách của họ Lưu hoặc kế sách (trị nước) của họ Lưu (họ Lưu tức họ đang thống trị triều đình Hán). Tâm nguyện ấy của ông cuối cùng bị lật ngược mặt trái vì kết quả tội mưu phản dẫn tới. Bối cảnh lịch sử như vậy phủ lên bộ “Hoài Nam tử” một màu sắc truyền kỳ.

Mặt kỳ lạ thứ hai của Hoài Nam tử là nó lưu giữ được rất nhiều tư liệu tư tưởng Tiên Tần cho đến lúc bấy giờ. Hoài Nam tử không phải một tác phẩm “trứ tác” theo ý nghĩa hiện đại, nó không phải một “sáng tác phẩm” của Hoài Nam Vương và các môn nhân, mà là sách “biên soạn”, là sách do họ giải thích, chỉnh lý, chọn lọc từ các tư tưởng Tiên Tần. Có người cho rằng bất cứ câu văn nào trong Hoài Nam tử cũng có nguồn gốc xuất xứ sợ rằng hơi quá đáng, nhưng rất nhiều văn cú tư tưởng trong Hoài Nam tử quen thuộc là sự thực quá rõ. Chính nhờ vậy, khá nhiều sách vở thư tịch đã mất mát có thể dựa vào tư tưởng lưu giữ trong Hoài Nam tử mà khôi phục lại. Giá trị sử liệu của Hoài Nam tử rất cao, đó là điều đã được công nhận. Ví dụ tên gọi hoàn chỉnh của 24 tiết khí nông lịch là do Hoài Nam tử xác định sớm nhất. Hoặc hai thiên “Thiên văn huấn” và “Địa hình huấn” của Hoài Nam tử đã bảo lưu nhiều kiến thức về thiên văn, địa lý cổ đại Trung Quốc. Hoặc như thiên “Mậu xứng huấn” bảo lưu tài liệu tư tưởng của học phái Tử Tư, mà không thư tịch nào khác có thể so được.

Điều kỳ lạ hơn chính là khí chất tư tưởng rộng lớn kỳ vĩ của bản thân Hoài Nam tử. Hoài Nam tử có hùng tâm “lung lạc trời đất” (lao lung thiên địa) với ý muốn dung nạp mọi lãnh vực tư tưởng, tri thức vào một bộ sách và tổ chức chúng thành một hệ thống lớn. Có lẽ vì vậy trật tự tư tưởng của Hoài Nam tử tương đối khá hỗn loạn, tạp nhạp. Thế nhưng với tầm nhìn tư tưởng cao xa, với khí thế tư tưởng cao lớn hoành đại, Hoài Nam tử đủ đạt tới danh tiếng của một bộ “kỳ thư”. Tóm lại đây chính là bộ sách “lạ kỳ” khó hiểu mà từ lâu chúng tôi đã lưu tâm nhưng chưa dám bắt tay chuyên dịch.

Còn mang tiếng là “tạp” (hỗn tạp, phức tạp), ngay từ bộ “Hán thư” phần Nghệ văn chí đã dùng hai chữ “tạp gia” ở dưới tên sách Hoài Nam tử, rồi các sách sử đời sau đều học theo, hoàn toàn đồng ý xếp Hoài Nam tử vào loại “tạp gia”. Hoài Nam tử ra đời đến nay đã hơn hai ngàn năm, vẫn lưu truyền với danh nghĩa “tạp gia”. Nay truy tìm về nguyên nhân tư tưởng hỗn tạp trong Hoài Nam tử, đại khái có thể nhận ra mấy điểm:

Một, văn phong Hoài Nam tử phần lớn dùng câu đối ngẫu, phô trương khoe khoang theo kiểu phú đời Hán, chữ dùng lại hoa lệ trùng điệp nhiều màu vẻ. Nhiều khi câu văn rườm rà có ý vị ẩn dụ nhưng vì vậy, có đôi lúc trùng điệp. Đọc Hoài Nam tử dễ có ấn tượng rục rịch, đồng thời lại có cảm giác bị hình ảnh rục rịch nọ làm mờ mịt ý nghĩa. Cách hành văn Hoài Nam tử hình như không theo một con đường tư tưởng duy nhất, mà chỉ dựa vào một ý hướng gần gũi nào đó rồi tưởng tượng phóng túng thêm đồng thời đưa vào nhiều kiến thức khác. Có lẽ phương thức truyền đạt và phong cách ngữ ngôn của

Hoài Nam tử là một trong nhiều nguyên nhân tạo nên ấn tượng phức tạp.

Kể đó, về tư tưởng, Hoài Nam tử ôm ấp hùng tâm quá lớn, hầu như tác giả muốn đưa vào sách mọi lãnh vực triết học tri thức. Một bộ sách như vậy cần có trật tự về kết cấu. Về mặt này Hoài Nam tử tỏ ra rất yếu. Chính vì vậy, nội dung càng nhiều, càng tạo cho người đọc cảm giác càng hỗn loạn. Nếu coi Hoài Nam tử như tài liệu tưởng, có thể gọi đây là một kho tàng quý giá, nhưng nếu coi đó là một hệ thống tư tưởng, chắc chắn Hoài Nam tử khó tránh được tên gọi “tạp gia”.

Sau cùng, lập trường tư tưởng của Hoài Nam tử chuyển biến du di không định hình. Lúng túng giữa truy cầu tự do của Đạo gia mà vẫn muốn bảo vệ trật tự Nho gia là nguyên nhân cơ bản dẫn đến rối loạn của Hoài Nam tử. Hoài Nam tử có ý muốn đứng trên lập trường Đạo gia để định hướng cho toàn bộ sách, điều đó rất rõ, nhất là dựa vào tư tưởng truyền thống của Trang Tử để đi tìm tự do. Hoài Nam tử coi giá trị bảo vệ trật tự Nho gia là gong cùm. Tư tưởng Trang Tử vốn nhiều mâu thuẫn khi ông muốn “tiêu dao du” đạt tới cảnh giới “chân nhân” khi vẫn còn ở trần gian hệ lụy. Hoài Nam tử cũng muốn vậy, nhưng với thân phận một “chư hầu vương”, rất cần trách nhiệm trị an đời, làm sao thoát ra khỏi giá trị về trật tự xã hội do nhà Nho khởi xướng. Khỏi mâu thuẫn, dù “bất đắc dĩ” đi nữa, dẫn tới nhiều lúc Hoài Nam tử ca ngợi tự do như Đạo gia nhưng nhiều lúc muốn điều hợp giữa Nho và Đạo, lập trường tư tưởng cứ lúng túng giữa hai bên là nguyên nhân căn bản tư tưởng hỗn loạn của Hoài Nam tử.

Sách Hoài Nam tử đại khái hoàn thành vào thời Hán Cảnh đế (ở ngôi từ năm 156 – 141 TCN). Hán Vũ đế lên nối ngôi (ở ngôi từ 140 – 87 TCN), khi được vào yết kiến vua mới, Hoài Nam vương dâng bộ sách lên cho cháu mình (tức Hán Vũ đế), vị hoàng đế mới trẻ tuổi, theo truyền thuyết rất thích văn nghệ tất nhiên vui vẻ nhận sách, “yêu sách nhưng cất kỹ” (ái bí chí như sử chép). Thế nhưng, vừa lên ngôi, Hán Vũ đế đã đưa ra “Thiên nhân tam sách” chứng tỏ để quan tâm nhất là muốn xây dựng và giữ gìn trật tự đại nhất thống, còn vấn đề trọng yếu Hoài Nam tử đặt ra lại là vấn đề tự do, ấy là việc Hán Vũ đế không quan tâm. Xét về tình huống thực tế phát triển tư tưởng đầu đời Hán, thời đại Hán Vũ đế là một bước chuyển biến, trước đây tư tưởng Hoàng Lão Đạo gia chiếm địa vị chủ lưu, sau khi Hán Vũ đế “độc tôn Nho thuật”, tư tưởng Đạo gia dần chuyển xuống thứ yếu, Nho gia trở thành chủ lưu. Phong cách tư tưởng thời đại thay đổi khiến vấn đề quan hệ xung đột giữa tự do và trật tự trong Hoài Nam tử không được chú ý nữa, đây là nguyên nhân sách Hoài Nam tử tuy được Hán Vũ đế thích nhưng cất kỹ trong bí các.

Suốt thời Tây Hán, không ai chú ý gì đến Hoài Nam tử, có lẽ vì vấn đề Hoài Nam tử đưa ra bị gác lại, hoặc có lẽ bị ảnh hưởng án ngục của Hoài Nam vương, người ta ngại nhắc tới tác phẩm ông. Phải tới đời Đông Hán, Hoài Nam tử mới trở thành sách thông

hành với hai bản chú giải của Hứa Thận và Cao Dụ. Cao Dụ từng lớn lời ca ngợi “người có học mà không luận về Hoài Nam tử tức không biết sôu thẳm của đạo lớn đó” (học giả bất luận “Hoài Nam” , tắc bất tri đại đạo chi nhân dã).

Trên đây, chúng tôi khái thuật sơ qua để giới thiệu một phần diện mạo địa vị của Hoài Nam tử trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc cổ đại, sau bài tựa, chúng ta sẽ còn dịp nghiên cứu kỹ hơn về tác phẩm lớn này. Xin nói thêm, riêng ở Việt Nam, điển cố văn học vẫn thường nhắc tới nhiều câu chuyện xuất xứ trong Hoài Nam tử như “mâu thuẫn”, “trăm sông về biển”, “Tái ông mất ngựa” mà chúng ta đã được biết từ lâu.

Gởi cho cõi im lặng

Rồi người đi tóc bỏ đuôi gà
Tôi lao đao về những sân ga
Chiều hôm hoa nở cảnh chim chết
Tặng cho người đôi cánh lông khô

Tôi giang hồ như triệu bóng mây điên
Biết về đâu người biết đâu tìm
Đời tan nát cả lòng bia mộ
Mây cũng không màu mây cố nhiên

Rồi người đi tôi khóc ướt đời
Mưa xuống cho hồn lạnh chết thôi
Thiên nhiên xanh quá tôi vừa thấy
Cũng đủ cho tôi dại cả đời

Chiều vui trời ướt nhẹp mây gù
Sãi về chùa, tôi sắp theo tu
Người không biết được thầy tăng nhỏ
Đã nhớ người rên suốt đêm thu

Người đâu biết được cụm mây kia
Nhớ run em, nên đã theo về
Nơi tôi có triệu cảnh vô sắc
Gửi cho người chết ngộp đam mê

Tôi nằm nghe cây chuyện nhựa non

Bóng thiên thâu một mảnh trăng còm
Tôi nhớ vô cùng con đé gáy
Tóc người gầy dầy dựa bay điên.

Một triệu bông mười giờ

Tôi ở lại bên Ni
Nửa ngày cơm gầy guộc
Ni giặt giũa sau nhà
Bóng trôi đầy mặt nước
Ni có hai con mắt
Đựng quá nhiều Như Lai
Ni có hai con người

Ni đựng cả hồn tôi
Trong giường Ni mới dọn
Chăn chiếu vẫn thơ ngây

Ni đựng cả tim tôi
Trong bào thai giá rét
Một triệu bông mười giờ
Nở êm đêm vĩnh biệt

Tôi đại đột biết Ni
Chỉ có hai con mắt
Chỉ có hai con người
Đỏ như hai viên gạch
Một triệu bông mười giờ
nở vô ưu tĩnh mịch

Tôi ghé lại bên Ni
Hồn quạnh hiu vô ngã
Chút điên cuồng cuối đời
Tôi gửi cho Ni giữ
Tôi ghé lại rồi đi

Rừng đầy mưa lạnh tóc

Tôi nhớ mắt Như Lai
Con mắt Ni có hai
Sao ngập trời Tây Tạng
Tôi khóc ướt cỏ đồi
Ngập suốt trời Tây Tạng.

Mùi thiên nhiên

Một nụ hoa thược dược
Chứa đựng cả càn khôn
Long lanh giọt sương nước
Mà dồn dập sóng cồn

Làm sao mà giải được
Ý nghĩa của mắt còn
Trăng mọc sau hay trước
Nắng nhạt hay mưa tuôn

Trăng mọc ở đầu non
Mờ đến giờ nguyệt tận
Bèo dạt dưới mưa tuôn
Tử sinh vòng lẩn quẩn

Cành hoa đưa hương phấn
Ngào ngạt mùi thiên nhiên.

Nguyễn Đức Nhơn

Khóc Nguyễn Tôn Nhan

Mới ngày nào
Ở Đất Phương Nam
Vui thật vui
Bốn thằng ngồi tán dóc
Chuyện văn chương
Chuyện giang hồ

Ngang dọc
Vui thật vui
Mi hồi Nguyễn Tôn Nhan!

Sao hôm nay
Mi vội vã lia đàn
Tao sừng sốt
Thương mày
Muốn rơi nước mắt
Ở bên này
Xa mi nửa vòng trái đất
Chỉ cầu xin
Mi thanh thản lên đường
Về cõi vĩnh hằng
Nơi không có tai ương
Không phiền não
Không bon chen
Như hạ giới

Tụi tao
Những thằng
Còn ở lại
Thương mày quá đỗi
Nguyễn Tôn Nhan!
Thôi từ đây
Thi hữu
Thi đàn
Thiếu một thằng
Tài hoa hết mức
Thôi Nhan ơi!
Tao thực tình
Muốn khóc
Tiễn mày đi
Mi hồi
Nguyễn Tôn Nhan!

Jan-31-2011

Nguyễn Đức Nhơn

Trần Văn Lệ

VĨNH BIỆT NGUYỄN TÔN NHAN

Sài Gòn báo tin hồi hã: “Nguyễn Tôn Nhan đã chết rồi!”. Nó chết là nó hết cười một thuở Sài Gòn vội vã. Người ta đưng nó, nó ngã. Người ta đưng nó bỏ đi, nó thì được khiêng đem về Nhà Thương rồi ra Nhà Xác. Không ai nghe tiếng nước mắt rơi trên hè phố Sài Gòn... Người ta chỉ nghe tiếng chuông của một Nhà Thờ gần đó, dĩ nhiên không dành cho nó... Oi Nguyễn Tôn Nhan dễ thương. Anh đi như chuyện bình thường hôm nào giòn tan phố Mỹ. Hôm nào là đầu Thế Kỷ, bây giờ là cuối đường xa... Nụ cười của anh như hoa, tôi nói với anh, anh nhớ?

Nguyễn Tôn Nhan không còn nợ, anh đi, thông thả anh đi...

Tôi viết mấy câu gửi về, hơi ơì lòng tôi đắm lệ. Một lần gặp nhau, không lẽ chỉ còn tái hội Thiên Thu? Phải chi có trái mù u tôi lặn theo dài ngọn lửa. Anh không được cho nắm mộ, cỏ hoa lỗi hẹn văn chương... Anh nằm trong bình tro xương, không co mà còn chút xiu! Sách vở từ nay nhẵn nhiu, từ nay bạc phếch thời gian...

Ở này anh Nguyễn Tôn Nhan, trên bàn để anh cái cốc, nhớ anh không ai đã khóc, rượu như tình rót cho anh...

Rượu như tình, rót cho anh. Biết nói câu nào cho phải? Gặp nhau, với nhau không ngại. Xa rồi, quan tái, Trời ơi!

Trần Văn Lệ

Hoàng Xuân Sơn

Vẻ trần

(tiễn bạn Nguyễn Tôn Nhan)

Bàng khe. chim quạ đau. nằm
mùa đưa bạn lữ
về trăm năm buồn
hạt chiều

buông một cầu sương
mơ hồ trăm chuyển
vô thường biệt ly
bạn văn
ôm đóa trường kỳ
hồ hoa
mị thảo
tường vi cũng là
rì rào
suối mộ. lãng ba
hường nhan sớm gọi
la đà
bướm
ong

Hoàng Xuân Sơn

31.1. 2011

Phạm Tương Như

Thương tiếc

Nguyễn Tôn Nhan

Nguyễn Tôn Nhan, Nguyễn Tôn Nhan
Tôi may mắn ở diễn đàn cùng anh
Trầm Hương Văn sĩ, Thi nhân
Việt Nam Âu Á tình thân kết thành
Mới hay định mệnh mong manh
Xuôi tay một kiếp miền xanh anh về
Cũng xa gia quyến, trời quê
Câu thơ ngộ nghĩnh, tứ thi đa tình
Một chàng nghệ sĩ lạ hình
Tóc, râu dáng vóc như khinh mạng đời
Văn thơ ý nhị gọi mời
Câu đầu đọc dẫn tới đuôi, hết bài
Hồn thơ hoa lá mây bay

Cám ơn đời có Thi Tài Tôn Nhan
Nay anh về cõi vĩnh hằng
Hồn thơ gửi lại thế gian hiểu mình
Người tài hoa lại đầy tình
Danh thơm đến ngát còn khuynh đảo đời
Thôi thì về cõi rong chơi
Thi Đàn Thi Hữu khóc lời tiễn anh!

Phạm Trương Như
Houston Tx. 01/02/ 11

Miên Du Đà Lạt

Thế là hết!

Là cát bụi trở về cát bụi,
là chuyện trần gian ta vĩnh biệt
là già từ tất cả những đau thương
là chia tay với nghiệt ngã vô thường
là thôi tiếc, thôi thương, thôi oán hận
thế là hết,
không còn gì nuôi tiếc,
Ôi! Trần gian
là quán trọ giữa đường
Ta, lữ khách
chỉ dừng chân nghỉ tạm,
thế là hết!
như cát bụi trở về cát bụi
như hình hài hóa thể lai sinh
Ôi! cõi diệt sinh, sinh diệt ...

Miên Du Đà Lạt
Vĩnh biệt Thi văn sĩ Nguyễn Tôn Nhan

Vũ Đăng Lư

Dallas Chiều Thơ Nhạc

*(Trích một vài đoạn và hình ảnh trong bài tường thuật
“Dallas Chiều Thơ Nhạc” của tác giả Vũ Đăng Lư)*

Buổi sinh hoạt văn nghệ chiều 16 tháng 5 được dư luận đánh giá là thành công vượt trội so với các buổi sinh hoạt diễn ra trước đây tại địa phương. Số người tham dự khoảng 300 gồm văn nghệ sĩ, chiến hữu, đồng hương, báo chí, truyền thanh, truyền hình (SBTN) tại địa phương và một số văn nghệ sĩ thuộc Văn Bút VNHN đến từ thành phố Houston xa xôi, như Nhà thơ Vĩnh Tuấn, Phó Chủ tịch, Nhà thơ Yên Sơn, Tổng Thư Ký và Phu nhân, Nhà văn Nguyễn Thế Giác, Chủ tịch Văn Bút khu vực Nam Hoa Kỳ và Phu nhân, các văn thi hữu Túy Hà, Lê Hữu Liệu, và nhạc sĩ Nguyễn Tuấn Chương. Ngoài ra còn có sự hiện diện của Giáo sư Ts. Đàm Trung Pháp, Ts. Walter Nguyễn, Cô Thu Nga, Giám đốc Đài SBTN/DFW, nhà thơ Hồng Phúc (Trưởng Nhóm Hương Thời Gian) và các niên trưởng Nguyễn Hữu Lý, dịch giả thơ song ngữ Việt-Anh, Tôn Thất Yến, Cao Văn Lâm... Trong buổi sinh hoạt, các nghệ sĩ diễn ngâm thơ: Chi Huệ, Ngô Trọng Cát, Tam Quỳnh, Đỗ Toại cũng như các nhạc sĩ đệm đàn sáo: Trúc An, Đỗ Toại, đã tỏ ra xuất sắc trong lối trình diễn độc đáo của mình. Đó là một điểm son của ban tổ chức. Quan khách đến dự buổi văn nghệ hôm nay không nhất thiết chỉ là để thưởng thức giọng ngâm, điệu nhạc của các nghệ sĩ trình diễn hoặc những món ăn ngon của nhà hàng trong ngày cuối tuần mà còn để nhận diện những văn nghệ sĩ gốc lính Thủ Đức nữa, hầu biết họ là ai và đã đóng góp được gì cho văn học nghệ thuật Việt Nam tại hải ngoại.

Chương trình buổi văn nghệ được chia làm hai phần: Giới thiệu 3 nhà thơ và 1 nhạc sĩ gốc lính xuất thân từ TSQ/TB/TĐ, và chương trình ca nhạc giúp vui với những ca sĩ tên tuổi ở địa phương. Ông Nguyễn Hân, Trưởng BTC lần lượt giới thiệu ba nhà thơ lên sân khấu. Nhà thơ Nguyễn Đức Nhơn được giới thiệu với quan khách trước tiên. Ông tốt nghiệp Khóa 18 Thủ Đức, đơn vị cuối cùng ông phục vụ là Tiểu Khu Bình Thuận. Đi tù cải tạo 6 năm. Ông định cư tại Hoa Kỳ theo diện tị nạn chính trị. Tác giả hai tập thơ : Mùa Gió Bắc, 2005; Giao Mùa, 2007. Ông hiện là Chủ nhiệm Thi Văn Đoàn Trầm Hương tại DFW. Tác phẩm “Như Qua Sông Dịch” sau đây được trình bày qua giọng ngâm của Nghệ sĩ Ngô Trọng Các:

Mưa chiều ghé quán ngòi nghe nhạc
Quán vắng nhạc buồn sầu miên man
“Ai lướt đi ngoài sương gió

Không dừng chân đến em bề bàng” (Văn Cao).

Guốc ai gõ nhịp trên hè vắng
Từng bước rơi đều qua lối mơ
Nửa chiều vàng vọt mưa và nắng
Ta nghe chừng đâu đó một hơi thơ

Cô bé ơi châm dùm ta điều thuốc
Cho cỏi lòng bớt lạnh lúc chia xa
Ta cũng muốn ngồi đây cho hết kiếp
Ngặt đường đời thì rộng đến bao la

Ta bỏ đi giữa trời mưa gió
Từng giọt rơi buồn trên bến sông
Như trắng sãi một lần qua sông Dịch
Biết có ai còn trở lại không?

Bến sông vắng lòng người cũng vắng
Khách giang hồ chọn kiếp phù vân
Cô lái ơi! Chở dùm ta qua đó
Nơi cuối trời nơi cuối nẻo băng khuâng.

Kế tiếp, nhà thơ Như Hoa Lê Quang Sinh được mời lên sân khấu. Ông tốt nghiệp Khóa II Trường Võ Bị Địa Phương Huế năm 1951. Từng chiến đấu tại chiến trường Quảng Ngãi những năm 64-65-66 trong chức vụ Tiểu Đoàn Trưởng tác chiến. Đơn vị cuối cùng ông phục vụ 8 năm là Trường Bộ Binh Thủ Đức, nơi đó ông giữ các chức vụ Giám Đốc Huấn Luyện, Liên Đoàn Trưởng LĐSV, Trưởng Khối Huấn Luyện và Yêu Khu Trưởng Yêu Khu TBB / Long Thành vào những ngày cuối cuộc chiến. Ông đi tù cải tạo 8 năm, định cư tại Hoa Kỳ năm 1991. Ông đã xuất bản tập thơ “Chuyện Ngày Xưa” năm 1999, được dịch sang Anh - Pháp năm 2000. Tác phẩm tam ngữ này được giải thưởng “Year 2001 New Works Award” do Sacramento Metropolitan Arts Commission trao tặng. Ông hiện là Hội Trưởng Hội Thơ Tài Tử VNHN. Bài thơ “Đường Trăng” sau đây của ông được nghệ sĩ Chi Huệ diễn ngâm:

Có những buổi tinh cầu lòa một nửa
Ôm con buồn man mác trộm nhìn em
Bước chân nhỏ âm thanh lửa khe cửa

Em điếm kiêu quen gánh nước trong đêm

Soi gương giếng đáng Hằng Nga óng ả
Thả gàu sòng sao em múc nàg trắng?
Đêm hời hả nghiêng mình soi bóng ngả
Gánh trắng về em chẳng chút nói năng

Qua lối trúc nỡ nào em chẳng ngó
Anh đỉnh hồn treo lũng lảng trái bần khoăn
Em gánh nước hay gánh tình ai đó
Để anh buồn quay quắt cả đường trăng

Đường trăng vẫn vô tình em dẫm nát
Xác tim anh tơi tả dẫu chân hồng
Bên hiên nhỏ nhánh sầu rơi lác đác
Hỏi đường trăng có thấy nhớ nhưng không?

Cuối cùng, nhà thơ Nguyễn Đắc Nguyên Khoa bước lên sân khấu. Ông tốt nghiệp Khóa 14 Thủ Đức, ra trường phục vụ ngành Công Binh. Vượt biên đến Thái Lan và định cư tại Hoa Kỳ năm 1981 dưới diện cựu tù nhân chính trị. Đồng sáng lập Thi Văn Đoàn Trầm Hương. Tổng thư ký Hội thơ Tài tử VNHN. Tác giả 3 tập thơ: Ngọc Ngà Xưa (2009), Cho Người Tình, Bằng Hữu và Quê Hương (2001), Tình Ta Nay Đâu Khác Tình Xưa (2006). Bài thơ “Nhìn Cuộc Đổi Đời” của ông đã được giới thiệu qua giọng ngâm của nghệ sĩ Tam Quỳnh:

Ta về nhìn cuộc đổi đời
Quê hương tan tác người người lâm than
Thấy em nước mắt hai hàng
Ta nay lỡ vận ngõ ngang xót thương

Ta về thù cũ chưa buông
Bao đòn hiểm ác chờn vờn bủa vây
Ngày đi tù tội trắng tay
Ngày về mang tâm thân gầy héo hon

Ta về thẹn với nước non
Cúi đầu tạ tội mảnh hồn nát tan

Từ khi rã ngũ tan hàng
Trái tim rỉ máu âm thầm lệ rơi

Ta về lỗi với đất trời
Mang thân lơ lảo giữa đời đổi thay
Ngày về tay lại trắng tay
Đốt buồn bên chén men cay rã rời

Ta về nhìn cuộc đời
Nước non xơ xác bởi ruột gan
Thấy em lệ nhỏ hai hàng
Ta thân ngã ngựa bàng hoàng đón đau.

Ngoài 3 bài thơ được trình bày ở trên, 3 bài thơ khác của tác giả Nguyễn Đức Nhơn, (Sau Mùa Chinh Chiến), Như Hoa Lê Quang Sinh (Thương Nhớ Nơi Đây), và Nguyễn Đắc Nguyên Khoa (Tìm Trầm) cũng đã được cử tọa nhiệt liệt tán thưởng.

Đàm Trung Pháp

Tại San Antonio College

San Antonio College là một trường đại học cộng đồng lớn trong tiểu bang Texas, với khuôn viên tọa lạc trong trung tâm thành phố San Antonio trên đại lộ huyết mạch San Pedro Avenue. Dân chúng ở đây gọi tắt tên trường này là “SAC” (phát âm như chữ “sack” vậy). Lúc đó, mùa hè 1976, tôi đã có việc dạy học toàn thời gian cho hãng Northrop trong căn cứ không quân Lackland, nhưng muốn xin vào dạy thêm tại SAC vào buổi chiều để kiếm thêm chút tiền, cũng như để sống lại cái bầu không khí đại học mà tôi đã đánh mất khi phải rời bỏ thành phố Saigon thân yêu vì quốc nạn 1975.

Tôi liên lạc bằng điện thoại vào văn phòng ban Anh văn và được nói chuyện với vị trưởng ban. Ông nhã nhặn lắm, và sau khi biết tôi từng du học tại Mỹ và dạy Anh văn bậc đại học ở Việt Nam, ông mời tôi đến gặp ông tại campus. Tôi như “mở cờ trong bụng” khi ông cho biết khóa học mùa thu 1976 ban Anh văn đang cần thêm một giảng viên (lecturer) buổi chiều để dạy lớp “English composition” cho các sinh viên năm thứ nhất. Ông còn căn dặn tôi nhớ mang theo bản tiểu sử (vita) cũng như phiếu ghi điểm (transcripts) của các đại học Mỹ đã cấp phát văn bằng cho tôi khi đến gặp ông và vị giám đốc các lớp buổi chiều (director of the evening division) ngay ngày hôm sau.

Ngạc nhiên vì sao lại có cả một “evening division” tại SAC, tôi tìm hiểu qua cuốn niên giám của trường thì được biết số sinh viên đi học buổi chiều rất đông, ngang ngửa với số sinh viên đi học ban ngày. Đại đa số các sinh viên buổi chiều là những người đã có công ăn việc làm ban ngày và do đó chỉ có thể đi học sau khi tan sở. Họ không còn trẻ như các cô cậu sinh viên vừa xong trung học là những người theo học các lớp ban ngày. Sơ đồ tổ chức của trường đại học hai năm cấp phát văn bằng “associate” này khá chặt chẽ. Đứng đầu là vị viện trưởng (president). Viện trưởng được sự trợ tá của các vị phó viện trưởng (vice presidents) phụ trách học vụ (academic affairs), sinh viên vụ (student affairs), cũng như của vị giám đốc thu nhận sinh viên (director of admissions). Dưới quyền vị phó viện trưởng học vụ là các khoa trưởng (deans) của các khoa nhân văn và khoa học (arts and sciences), giáo dục tiếp nối (continuing education), vân vân. Và phối trí việc giảng dạy các lớp học là nhiệm vụ chính của các trưởng ban (chairs) các bộ môn (departments). Nhân viên giảng huấn toàn thời gian mang các tước vị từ thấp lên cao là assistant professor, associate professor, và professor. Những nhân viên giảng huấn khác, đa số chỉ dạy một hay hai lớp mỗi khóa học buổi chiều, được gọi là lecturers. Tất cả đều phải có học vị master trở lên. Các lecturers chỉ được nhà trường trả tiền theo số lớp học phụ trách, không được bảo hiểm sức khỏe, không có văn phòng riêng, và trước mỗi khóa học mới phải ký lại hợp đồng dạy học (teaching contract) nếu nhà trường có nhu cầu dùng họ. Đó là cách để các đại học cộng đồng tiết kiệm ngân quỹ, vì trường nào cũng có khuynh hướng sử dụng nhiều lecturers hơn là các giáo sư toàn thời gian.

Ông trưởng ban Anh văn giới thiệu tôi với ông giám đốc các lớp buổi chiều tại văn phòng của ông giám đốc. Cả hai người đều lịch sự và hòa nhã vô cùng trong buổi “job interview” ấy, một điều tôi ghi nhớ mãi đến tận ngày nay. Họ xem xét bản tiểu sử và phiếu ghi điểm của tôi từ hai đại học Miami và Georgetown, và hỏi tôi vài câu về kinh nghiệm dạy học. Rồi sau khi tôi ký tên vào đơn xin việc để hoàn tất thủ tục tuyển dụng làm lecturer, họ bắt tay cảm ơn tôi đã hợp tác với SAC, tiễn tôi ra về và cho biết trong khoảng hai tuần nữa tôi sẽ nhận được hợp đồng dạy học gửi về nơi tôi cư ngụ. Ông trưởng ban cũng tặng tôi cuốn textbook để soạn học trình (syllabus) cho lớp. Đó là giây phút “lịch sử” nối kết cuộc đời tỵ nạn của tôi với nền giáo dục đại học Mỹ!

Tờ hợp đồng dạy học của tôi được gửi tới nhà y như lời họ hứa. Tôi không thể ngờ mức lương họ trả cho một lecturer lại khá như vậy. Mỗi lớp chỉ học một buổi chiều mỗi tuần trong khóa học, tức là tôi phải dạy 15 buổi, mỗi buổi 3 tiếng đồng hồ. Chỉ làm việc 45 tiếng đồng hồ mà tôi được trả 875 Mỹ kim cho lớp ấy, tính ra là gần 20 Mỹ kim mỗi giờ! Thêm một ngạc nhiên thú vị, vì lúc ấy 20 Mỹ kim có giá trị lắm.

Khóa mùa thu 1976 khai giảng vào cuối tháng 8, và sinh viên học với tôi vào các ngày thứ ba mỗi tuần, bắt đầu từ 6 giờ chiều. Tôi đã soạn một học trình kỹ lưỡng cho lớp này,

nắm vững nội dung cuốn textbook, và sẵn sàng “ra quân”! Buổi học đầu tiên cho tôi thấy San Antonio là một thành phố đa chủng tộc. Trong khoảng 20 sinh viên hiện diện thì gần nửa thuộc sắc tộc Mỹ tây cơ, số còn lại là da trắng và một hai người da đen. Tôi tự giới thiệu qua loa và gửi lời chào mừng họ, trước bằng tiếng Anh và sau bằng tiếng Tây ban nha. Các sinh viên gốc Mỹ tây cơ rất đỗi ngạc nhiên và lộ rõ niềm hân hoan vì tôi biết tiếng nói của họ! Sau khi giải thích cho họ rõ mục tiêu của lớp và những trách nhiệm của họ trong khóa học, tôi chia sẻ với họ về quá trình dạy học của tôi tại Việt Nam cũng như công việc tôi đang làm cho hãng Northrop trong căn cứ không quân Lackland. Phần thời giờ còn lại, tôi yêu cầu mọi người viết cho tôi một trang về cuộc đời của họ, để giúp tôi làm quen với họ. Tiện thể, đây cũng là phương cách thực tế nhất để tôi lượng giá khả năng viết tiếng Anh của họ. Trước khi cho lớp ra về, tôi còn nhắc nhở họ chịu khó đi học đều đặn và đọc kỹ các chương trong textbook như đã ghi trong học trình. Buổi học đầu tiên thuận buồm xuôi gió.

Khi đọc các trang sinh viên viết về cuộc đời họ thì tôi thấy khả năng viết tiếng Anh của họ không đồng đều chút nào. Vài ba người viết toàn hảo, đa số viết tạm được, và số còn lại viết dở lắm. Tôi biết là tôi sẽ phải để ý đến nhóm sau cùng này rất nhiều vì họ chưa nắm vững cú pháp và còn phạm nhiều lỗi chính tả. Qua những trang họ viết, tôi được biết họ làm nhiều công việc khác nhau để mưu sinh. Họ đều hy vọng khi tốt nghiệp SAC thì nghề nghiệp họ sẽ có cơ hội thăng tiến.

Kinh nghiệm gần một thập niên dạy Anh văn của tôi tại Đại Học Saigon thực đáng giá ngàn vàng! Bao nhiêu “tuyệt chiêu” tôi đều mang ra sử dụng để giúp sinh viên SAC tránh được những lỗi lầm tối kỵ trong khi viết luận văn, như dàn bài lỏng lẻo dẫn đến sự thiếu mạch lạc (lack of cohesion), các câu văn tràng giang không chịu ngừng nghỉ (run-on sentences) vì người viết chưa giỏi cách chấm câu (punctuation), các câu cụt ngủn vì thiếu chủ từ hoặc động từ (fragments), lỗi cú pháp và chính tả (syntactical and spelling errors) gây ra vì câu thả, vắn vỏi. Quả thực, tôi đã dùng khá nhiều mực đỏ khi chấm bài của họ! Sau khi trả lại các bài luận văn mà tôi đã chấm và sửa lỗi cho họ, tôi đều có phần tóm lược các lỗi chính và nhắc nhở họ cách tránh những “cạm bẫy” (pitfalls) ấy. Cuối khóa, tôi rất hài lòng với sự tiến bộ của học trò, và hãnh diện là không một người nào bị điểm “D” hay “F” trong lớp ra quân đầu tiên này của tôi!

Sau khi nộp bài thi cuối khóa cho tôi thì đa số sinh viên lặng lẽ ra về. Một vài người nói lời cảm ơn và ca ngợi lối dạy học hữu hiệu của tôi. Người cuối cùng lên nộp bài là một sinh viên Mỹ trắng đứng tuổi có khuôn mặt đầy vẻ phong sương, luôn luôn ngồi ở một góc cuối lớp và chẳng bao giờ lên tiếng trong lớp. Một cách chậm chạp, ông ta nói với tôi đại khái, “Giáo sư Đàm ơi, trước khi chúng ta chia tay, tôi xin ông nhận lời tạ lỗi của tôi. Thú thực tôi đã lấy làm khó chịu với ông lúc khóa học bắt đầu vì ông là người Việt.

Tôi là một cựu quân nhân Mỹ phục vụ tại Việt Nam, có bạn bè và thân nhân chết trận bên ấy. Tôi cũng lầm to khi cho rằng một người ngoại quốc như ông thì không thể nào dạy người Mỹ chúng tôi viết luận văn bằng tiếng mẹ đẻ của chúng tôi được.” Vừa ngỡ ngàng vừa xúc động, tôi trả lời ông, “Ông không có lỗi gì đâu, nhưng tôi đã tạ tẩm lòng thành khẩn rất dễ thương của ông.” Chúng tôi xiết tay nhau thật chặt và chúc lành cho nhau khi giã từ. Trên đường đi bộ ra bãi đậu xe, tôi còn nghe văng vẳng bên tai những lời nói thành khẩn bộc trực ấy của ông. Mắt tôi đã nhòa lệ lúc nào không hay.

*(Trích từ tập Hoài Niệm Giáo Dục
của GS Đàm Trung Pháp)*

Trần Hoài Thư

Ngày gặp bạn cũ

Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận
Thoắt giờ đây: tóc đã điểm hoa râu
Khi gặp lại từ phương này quả đất
Chợt nhìn lên: giờ vàng trán đã nhăn
Trong đôi mắt mỗi mê cùng cơm áo
Có chút gì phảng phất của quê hương
Mây Đèo Cả như hôm nào dừng lại
Chiều Pleiku như buổi nọ mù sương
Thấy như thể trời Bồng Sơn mưa đỏ
Chiều cuối năm quân chuyển xuống Đèo Nhông
Đường xe lửa ai ngồi chầm điếu thuốc
Áo tôi dầu che khuất dãy Cù Mông
Thấy như thể lon Guigoz cam khô
Chút đồ ăn còn trộn với tử sinh
Nhai hồi hả kịp xuống đồi đột kích
Mưa xóa dầm dề khu trại gia binh
Thấy như thể đêm qua về quận lỵ
Vài ba thằng trải chiếu dưới đêm trăng
Dầm trái ổi và bi đông rượu đế
Con cá khô thiêu chia chút tình thân
Thấy như thể mồ hôi và nước mắt

Mặn và đau từ núi nọ rừng kia
Qua An Lão mây tao còn gọi máy
Về Phù Ly hai đứa lại xa lìa
Thấy trở lại những chuyện đời dâu bể
Hôm nào đây miệng hò hét xung phong
Trong chớp mắt, cả cơ đồ sụp đổ
Buồn gì không hỡi thể hệ long đong
Thăng ra Bắc, kêu thầy, thầy bỏ xứ
Thăng vào Nam, gọi bạn, bạn lưu vong
Sông núi ấy bao hồn ma trở dậy
Kéo nhau về, kêu thăm một mùa xuân
Những thằng bạn buổi hôm nào áo trận
Thoắt giờ đây, tóc đã điểm hoa râu
Khi gặp lại từ phương trời viễn khách
Chợt nhìn nhau, sao nước mắt lưng tròng

Trần Yên Thảo

KHÚC TÌNH CA CỦA NÚI

1.

Khi qua suối Mán rừng Mường
thò tay hái nụ vô thường gởi nhau
mình về quên chuyện trước sau
ta đi rồi cũng hao hao như mình.

2.

Cho xong chén cuối quan hà
về thanh thảo giữa chiều tà M'Nông
dặn luôn em Thái em Nùng
có xuôi miệt dưới thì đừng rủ ta.

3.

Chào dòng nước mắt mới sa
ta từ gió Mán về qua mưa Nùng
quanh em trùng điệp núi rừng

thì cầm như cũng chưa từng có em.

PHẬT MẮNG

Hồ đồ tách bạch thị phi
sát sinh, âu có khác chi độ đời
hay cho ác thiện rạch ròi
mắt tinh anh, khác chi người mù đui.

RỪNG LÊN TIẾNG

Nửa đời quy gót tiêu dao
vực sâu không đáy đỉnh cao không cùng
phơi thân về giữa núi rừng
nằm nghe nhóm gốc trên từng sợi lông.

TIẾNG VỖ CỦA MỘT BÀN TAY

Bát Nhã Ba La Mật Đa
đơn thân hạt bụi phủ qua đại ngàn
tử sinh vừa xếp thành hàng
thoát nghe tiếng vỗ một bàn tay không.

Vũ Tiến Lập

heo may

cỏ bông cánh mỏng ngược đường
chơi vơi giữa đường đang thoái vị
nấp chiều đã đầy
độ phu còn khơi động mái
những con mắt tinh cầu thức giấc
ngoại thành
trăng vặc và tôi
gối tay nhìn trời tịnh độ.

khách trần

gió tru tréo thất thường
xua mùa đông vào cửa áo
thốc từng nổi niềm nghi hoặc
tháng giêng đầy vong đông
cảm giác vô về
mơn trớn trên vai khách trần
đêm mặc nhiên và thật nhất
ngoài trừ sự nhận biết không trách cứ

rời chuyển hóa như con đường
mặc vết lằn nghiền dẫm
giòng sông ảo thuật
đi tìm giấc mơ minh bạch
nhận ra tha lực đã chết khô
nhặt lại một dấu tích cũ
sao đôi trời tắt trên tay.

Nguyễn Minh Triết

NHỮNG NÉT

ĐẶC TRƯNG CỦA VĂN HOÁ VIỆT

Văn hoá là sự kết tinh của tư tưởng bằng kinh nghiệm sống thực của một dân tộc. Dân tộc Việt Nam trải qua hơn 4000 năm mở nước và dựng nước đã có một nền văn hoá thâm sâu với một cơ sở tư tưởng triết học vững chắc nhờ đó mà dân tộc Việt đã vượt qua được mọi cuộc thử thách của lịch sử để trường tồn cho đến ngày nay.

Nền văn hoá đó đã được hình thành qua những bước tiến của lịch sử dân tộc cũng như đã được kết tụ và lưu truyền qua huyền sử. Trong giai đoạn khởi nguyên của lịch sử, con người còn chưa có chữ viết nên huyền sử đã đóng một vai trò quan trọng trong việc ghi lại và lưu truyền sử liệu từ quá khứ xa thẳm cho đến khi có chữ viết. Lịch sử của các dân tộc từ Lưỡng hà, Ai cập, Hy lạp đến Trung hoa cổ xưa đều có phần huyền sử. Giá trị của huyền sử phải được hiểu một cách biểu kiến qua những hình ảnh ẩn dụ. Gần đây huyền sử đã được các sử gia thừa nhận tách cách sử liệu của nó sau khi được thẩm định một cách duy lý và gạn lọc các yếu tố không thực. Nhưng huyền sử còn nhằm đi xa hơn và sâu hơn lịch sử vì huyền sử không chỉ nhằm xác định như lịch sử mà còn muốn đi xa ra bên ngoài tầm với của sử liệu và đào sâu vào những ẩn tàng thâm

viễn mà sử ký không đủ khả năng truyền đạt. Lịch sử chỉ nhằm kể lại những biến cố còn huyền sử mới đi vào được khu vực tâm linh nói đến những khả thể sâu nhút của con người muôn thuở vượt giới hạn của thời gian và không gian. Do đó, một số nhà tư tưởng lịch sử Việt Nam đã đề nghị dùng danh từ sử thoại thay vì huyền sử để phân biệt giá trị sử liệu của các câu chuyện này đối với các chuyện thần thoại.

Là một dân tộc có 4000 năm văn hiến nên Việt Nam từ ngàn xưa đã có riêng một di sản phong phú về huyền sử. Trước tiên là huyền sử Tiên Rồng hay Một Bọc Trăm Con. Theo huyền sử này thì dân Lạc Việt khởi nguồn từ sự kết hợp của hai giống Tiên và Rồng. Rồng Lạc Long đã kết duyên cùng Tiên Âu Cơ và sinh ra một bọc chứa một trăm trứng nở được một trăm người con trai. Sau đó, cha Rồng nhớ nguồn cội của mình là Thuỷ cung nên chia con ra làm hai, 50 con theo cha xuống biển, 50 con ở lại với mẹ Tiên trên non.

Qua huyền sử Một Bọc Trăm Con này tiền nhân đã truyền cho hậu thế nhiều ẩn ý về nguồn gốc và triết lý của dân tộc Lạc Việt. Tiên và Rồng là hai biểu tượng không có thật nhưng Tiên đã được dùng như hình ảnh của con người đã thánh hoá, siêu thoát, tượng trưng cho sự thanh nhã, khoan ái, trường tồn. Trong khi Rồng biểu trưng cho oai dũng, cho sức mạnh, tính nhẫn nại và tài năng biến hoá vô cùng. Cuộc hôn nhân của Tiên và Rồng là sự kết hợp sinh động của nét thanh nhã hiền hoà với sức mạnh và tài năng thiên biến vạn hoá. Sự kết hợp đó đã tạo nên giống giống Việt, một giống dân vừa xinh đẹp, dịu hiền, vừa hùng dũng, cương quyết, vừa tình vừa lý, vừa linh động vừa thường hằng, vừa vật thể vừa siêu phàm. Và đó chính là ẩn ý mà tiền nhân muốn trao gởi lại cho hậu thế để tự hào về đặc tính của dân tộc Lạc Việt.

Mặt khác, vì cùng sinh ra một lượt trong một bọc nên tất cả đều bình đẳng không có người trước người sau. Với ý nghĩa này, tổ tiên Lạc Việt đã dạy chúng ta là không chỉ giống giống Tiên Rồng mà tất cả con người đều cùng một nguồn gốc sinh ra và tất cả các giống dân trên trái đất này đều bình đẳng và phải thân thương nhau trong tình ruột thịt.

Sự tích Tiên Rồng cũng thể hiện rõ rệt quan niệm về Đạo của Việt tộc. Đạo bao gồm ba yếu tố là âm, dương và hoá tức âm dương hoà hợp tạo nên Đạo. Bình thường người ta chỉ thấy có âm và dương: âm tán dương tụ. Muốn trở thành Đạo âm dương phải kết tụ, giao hoà để tạo nên mối liên hệ ràng buộc vạn vật với nhau một cách mật thiết. Tiên đã kết hợp với Rồng để tạo nên Đạo sống Việt.

Một huyền sử khác cũng chuyên chở những tư tưởng của tổ tiên Lạc Việt là chuyện Chử Đồng. Chuyện xưa kể rằng tại làng Chử xá có một gia đình nghèo mạt đến nỗi hai cha con chỉ có một cái khó vải, hai người phải thay đổi cho nhau dùng mỗi khi đi ra ngoài. Khi cha chết Chử Đồng không nỡ chôn cha không khó, vì vậy chàng không có gì

để che thân. Trần truồng đói rét, Chữ Đồng thường lân la ở các bụi lau sậy dọc bờ sông, xa các nơi có cư dân và câu cá mà sống.

Cùng lúc ấy công chúa Tiên Dung, con gái của vua Hùng Vương thứ 3 tuổi vừa đôi tám, dung nhan diễm lệ, tính tình cao nhã và thích dùng thuyền ngao du sơn thủy. Một hôm thuyền của công chúa ghé vào nơi chàng trú ngụ. Sợ hãi Chữ Đồng vội vàng trốn vào bụi lau, đào một hố sâu ẩn mình rồi lấp cát lên trên. Không ngờ một lát sau, công chúa lại cho vây màn quanh khóm lau đó để tắm. Khi nước làm trôi cát, Tiên Dung phát giác ra Chữ Đồng và hai người cùng nhìn thấy thân hình lồ lộ của nhau. Chữ Đồng sợ hãi bày tỏ sự tình nhưng công chúa cho là duyên trời xui khiến nên cùng Chữ Đồng kết duyên chồng vợ. Vua Hùng biết chuyện lấy làm giận, cấm không cho công chúa trở về cung nữa. Tiên Dung chấp nhận cuộc sống mới đem của cải cùng chồng gầy dựng làm ăn với dân chúng trong vùng và với thương nhân ở các vùng xa. Dần dần nhà cửa phố xá nơi ấy trở nên khang trang đẹp đẽ, cuộc sống của dân chúng trong vùng cũng ngày một phát đạt và sung túc.

Chữ Đồng ra biển đi buôn một hôm gặp quý nhân truyền cho phép thần thông và nhờ phép thuật này, Chữ Đồng biến khu nhà ở ra cung điện, thành quách nguy nga có kẻ hầu người hạ. Dân chúng hay tin đến dâng lễ vật và tôn xưng hai người làm tiểu vương. Hùng Vương được tin cho là công chúa muốn làm phản nên cho quân đi đánh dẹp. Đến nơi khi quân chuẩn bị tấn công thì phố xá, thành quách bỗng chuyển động mạnh rồi bay về trời.

Qua câu chuyện vừa kể ta thấy đây là một cuộc tình độc đáo và khác thường. Sự khác thường ở đây là cuộc tình này không kết thúc bằng cuộc sống vương giả của Chữ Đồng mà lại đem nàng công chúa Tiên Dung cảnh vàng lá ngọc vào sống với đại chúng. Mỗi tình của Chữ Đồng và Tiên Dung đã nói lên nguyên lý Mẹ hay sự vượt trội của nữ quyền trong văn hoá Việt Nam cổ xưa. Vai nữ Tiên Dung trong sự tích Chữ Đồng là một công chúa giàu sang có kẻ hầu người hạ nên dĩ nhiên quen với đời sống đầy uy quyền. Trong khi đó Chữ Đồng nghèo kiết xác xơ thì làm sao mà có quyền uy với vợ được. Điều này cho ta thấy rõ ở Việt Nam thời xưa người mẹ làm chủ gia đình. Danh từ “nội tướng” còn lưu truyền đến ngày nay đã phản ánh điều này và nói lên quyền của người mẹ.

Công chúa đã bỏ thuyền lên bờ, vây màn ngăn cách với đám hầu cận, ngăn cách với giàu sang quyền tước. Nàng lại còn cởi bỏ xiêm y dùng nước gội sạch mọi bụi bặm vướng bám trên người. Kỳ diệu thay, chính dòng nước gội sạch bụi bám trên người nàng cũng rửa hết cát bùn trên người chàng. Và họ đã tìm thấy nhau rõ ràng, lồ lộ, trong một tư thế không còn bị phân cách bởi ngoại vật, bởi quần áo, bởi giai cấp, bởi giàu sang hay nghèo hèn. Họ đã gặp nhau, hai con người đích thực và nguyên thủy đã gặp

nhau. Họ đã gặp nhau trong bình đẳng và đã nên duyên vợ chồng trong tự do và tự nguyện.

Và phải chăng đây là những điều tổ tiên muốn ký thác cho hậu thế qua sự tích Chử Đồng? Tình yêu đích thực là tình yêu không giai cấp và những người yêu nhau phải biết tìm đến nhau với tâm hồn trong sáng. Ngoài ra, sự tích Chử Đồng cũng cho ta thấy một quan niệm xã hội rất tiến bộ vào thời bấy giờ là quan niệm tự do luyến ái, sự phân công trong gia đình, và hình ảnh một xã hội bình đẳng và trọng thương. Tiên Dung và Chử Đồng đã tự do lấy nhau bất chấp sự ung thuận của gia đình là một quan niệm luyến ái rất tiến bộ mà nhiều xã hội mãi đến hậu bán thế kỷ 20 mới chấp nhận.

Một huyền sử khác cũng ẩn chứa nhiều tư tưởng của tiền nhân là chuyện Thánh Gióng của làng Phù Đổng. Vào đời Hùng Vương thứ 6, biết được nhà Ân phương bắc đang tập trung binh mã định xâm lấn nước ta, vua Hùng rất lấy làm lo ngại cho sứ đi khắp nơi kêu gọi người hiền tài ra giúp nước.

Đang khi đó tại làng Phù Đổng có một cậu bé tên Gióng đã ba tuổi mà không biết nói cười đi đứng gì cả. Nhưng khi nghe sứ vua rao tin, cậu liền bật nói nhờ mẹ gọi sứ giả vào để xin sứ tâu vua đúc cho cậu một con ngựa sắt, một con roi sắt, một áo giáp sắt, và một cái nón sắt để cậu phá giặc. Khi được sứ tâu vua Hùng tin là điềm lành đúng như mộng đã báo nên vua bèn truyền cho thợ gấp rút rèn đủ những thứ Gióng cần. Trong khi đó, biết được tin láng giềng đem cơm gạo vãi vóc tới giúp cậu ăn mặc và cậu bé đã lớn như thổi.

Khi ngựa sắt và các thứ đã được đúc xong thì giặc Ân cũng vừa tràn qua biên giới. Gióng liền mặc áo giáp, đội mũ sắt và vươn vai thành người cao lớn. Khi cậu nhảy lên ngựa sắt, lập tức ngựa sắt chồm lên, mũi khịt ra lửa rồi lao vút đi. Chỉ chớp mắt là đã đến chân núi Châu Sơn là nơi đóng quân của giặc Ân. Gióng phi ngựa, vung roi sắt, xông vào quân giặc. Đánh đến đâu quân giặc chết như rạ đến đấy. Khi roi sắt bị gãy, Gióng nhổ những bụi tre bên đường làm vũ khí tiếp tục giết giặc.

Khi đánh tan hết quân giặc Gióng cưỡi ngựa lên núi Sóc sơn cởi bỏ áo giáp rồi bay về trời. Vua Hùng nhớ công ơn vị anh hùng đã dẹp giặc cứu nước bèn phong cho Gióng tước hiệu Phù Đổng Thiên Vương và cho lập đền thờ.

Qua huyền sử này ta thấy tổ tiên đã nêu lên vấn đề trách nhiệm của tuổi trẻ Việt Nam nói riêng và của toàn dân nói chung khi đất nước bị xâm lăng cũng như trách nhiệm của cấp lãnh đạo quốc gia trong công cuộc giữ nước. Thánh Gióng là hình ảnh tượng trưng cho tuổi trẻ Việt Nam biết dân thân cho nước cho dân. Khi đất nước lâm nguy, cậu bé không biết nói cười đi đứng bỗng nhiên nói được là hình ảnh của tuổi trẻ thâm lặng lúc bình thường đã ý thức trách nhiệm của mình khi đất nước lâm nguy và đã đứng lên hưởng ứng lời kêu gọi của vua tòng quân chiến đấu giữ gìn bờ cõi. Thánh Gióng cũng

nói lên sức mạnh tiềm tàng của dân tộc và hình ảnh mọi người trong làng đem cơm gạo vãi vóc tới giúp cậu bé ăn mặc là hình ảnh toàn dân một lòng đoàn kết trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Lúc bình thường sức mạnh tiềm tàng đó rất âm thầm lặng lẽ nhưng khi quốc gia nguy biến sức mạnh đó sẽ vùng lên và lớn mạnh như thổi đủ sức tạo thành những cơn bão táp có thể giật sập tất cả những cuồng vọng xâm lăng của ngoại bang.

Chuyện Thánh Gióng cũng cho thấy sự hữu hiệu của đường lối lãnh đạo quốc gia. Vua Hùng đã sáng suốt cho sứ giả đi khắp nơi tìm người tài đức ra giúp nước chống ngoại xâm chứ không độc quyền yêu nước một mình nên đã đoàn kết được các tầng lớp nhân dân, cũng như giữa vua và dân nên đã thành công trong việc đánh tan giặc Ân. Dựa vào kinh nghiệm sức mạnh toàn dân của tiền nhân mà Hai Bà Trưng, Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi và Nguyễn Trãi cũng như Nguyễn Huệ đã để lại những trang sử oai hùng trong việc đánh bại những đoàn quân dũng mãnh của giặc Tàu phương bắc.

Chuyện Thánh Gióng cũng minh họa tinh thần coi nhẹ lợi danh và chức tước của kẻ chánh nhân quân tử. Khi đã làm tròn trách nhiệm người lãnh đạo chân chánh biết nhẹ nhàng “cởi bỏ áo giáp” không bon chen trong chốn lợi danh, biết lui về đúng lúc để sống cuộc sống an nhàn bình dị trong lòng dân tộc.

Những nét đặc trưng của văn hoá Việt không chỉ được nêu lên trong các huyền sử vừa kể mà còn bàng bạc trong rất nhiều chuyện tích khác nữa như chuyện Bánh Chung, Bánh Dầy nói về cách thức chọn người truyền ngôi vua rất là dân chủ, đồng thời bánh chung có hình vuông tượng trưng cho đất, bánh dầy hình tròn tượng trưng cho trời. Hai hình ảnh vuông tròn này được dùng để chỉ sự quân bình giữa âm dương trong vũ trụ, sự hài hoà trong cuộc sống xã hội, sự kết hợp hạnh phúc trong tình vợ chồng... Trong khi đó, chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh nói về lòng can trường của tổ tiên trong việc chế ngự thiên nhiên để dựng nước và mở nước, chuyện Trầu Cau nói về sự hi sinh giữa anh em và vợ chồng, chuyện An Tiêm nói về làng xã tự trị và đường lối xây dựng kinh tế tự túc, chuyện Trong Thủy, Mỵ Châu nói về sách lược giữ nước và chiến pháp quân sự để đương đầu với thù trong giặc ngoài...

Ngoài ra, các đặc trưng của văn hoá Việt còn được tìm thấy trên các di vật cổ đã khai quật được tại các khu vực Hòa bình, Bắc sơn thuộc miền bắc Việt Nam, trên những di vật trong các cổ mộ, hoặc những chứng tích qua các hình thái kiến trúc đình, miếu, chùa chiền, lăng tẩm cũng như qua các phong tục tập quán, lối thờ cúng tổ tiên thể hiện trong cuộc sống hằng ngày của người dân. Trong số các cổ vật đó trống đồng Đông sơn được xem là quan trọng nhất vì trên mặt trống có ghi lại rất nhiều di chỉ về nền văn hoá Lạc Việt. Những di chỉ này cho thấy nền văn hoá Việt cổ là một nền văn hoá nông nghiệp và nền văn hoá đó đã rất tiến bộ so với các nền văn hoá đương thời. Nền văn

hoá Lạc Việt nguyên thủy kéo dài khoảng trên 2500 năm suốt từ thời đại đồ đồng cho đến khi nước ta bị nhà Hán xâm lăng vào trước công nguyên. Trong thời gian bị Tàu đô hộ văn hoá nguyên thủy của Việt tộc đã bị Hán hoá phần nào. Đến khi giành lại được độc lập, như là trong giai đoạn dưới các triều vua Lý, Trần, Lê nền văn hoá cổ được phục hồi lại song song với sự du nhập các tư tưởng Phật giáo, Khổng giáo, và Lão giáo. Đến thời nhà Nguyễn, tư tưởng Khổng giáo được đưa lên hàng đầu nhưng chẳng bao lâu khi nước ta lại bị Pháp đô hộ, nền văn hoá phương tây đã theo chân người Pháp len lỏi vào đời sống văn hoá của người Việt.

Cho nên có thể nói văn hoá Việt Nam là một tổng hợp của ba nền văn hoá. Đó là văn hoá Lạc Việt, văn hoá Hán tộc và văn hoá phương tây. Quá trình tiến hoá của lịch sử dân tộc cho thấy dù bị ảnh hưởng nặng nề gần 1000 năm bởi nền văn hoá Hán tộc và 100 năm bởi văn hoá phương tây, dân tộc Việt vẫn không bị đồng hoá và mất gốc chánh là nhờ vào sức mạnh đặc thù của nền văn hoá Lạc Việt nguyên thủy. Nhờ vào sức mạnh văn hoá đó nên không những không bị đồng hoá mà dân tộc Việt còn có khả năng tiếp nhận rồi Việt hoá những nét hay đẹp của các nền văn hoá khác.

Huyền sử cũng như lịch sử cho thấy một nét đặc trưng khác của Việt tộc là dân Việt đã phải sống trong chiến tranh triền miên và chánh cuộc sống trong chiến tranh lâu dài để bảo vệ giống nòi đã hun đúc nên lòng yêu nước và ý thức quốc gia mạnh mẽ nơi mỗi người dân đối với tổ quốc. Tuy nhiên, dù được trui rèn trong chiến tranh giai đoạn nền văn hoá Lạc Việt không mang tánh chất độc ác tham tàn mà rất nhân hậu, thái hoà cũng như rất huyền biến biết dùng nhu để thắng cương trong những điều kiện lịch sử hiểm nghèo để sinh tồn. Những huyền sử thời Hồng Bàng cho thấy sự khôn ngoan cũng như lòng nhân hậu của các vua Hùng mà mấy ngàn năm sau đã thể hiện trở lại qua tư tưởng lấy chí nhân mà thay cường bạo của chiến lược gia Nguyễn Trãi trong bài hịch viết cho Lê Lợi kêu gọi toàn dân đoàn kết chống quân Minh. Sự lãnh đạo đất nước sáng suốt thời Thánh Gióng đã thể hiện lại trong Hội nghị Diên Hồng, một hội nghị đã khơi dậy ý thức quốc gia và lòng yêu nước của toàn dân nên đã đem lại cho quân dân nhà Trần một chiến thắng hiển hách trước quân Nguyên và sự vẹn toàn lãnh thổ cho nước Đại Việt.

Theo gương các vua Hùng các vua sau này trong quá trình lịch sử của dân Việt chẳng có vua nào là vô biên, hiếu chiến cả. Chiến tranh của Việt tộc hầu hết chỉ là để tự vệ chứ không phải để thôn tính. Chiến thắng trong chiến tranh cũng đồng nghĩa với sự sụp đổ của bạo lực và tội ác, sự tiêu vong của bất công cho hoà bình và công chính được phục hồi, cho thương yêu và an vui được toả rộng.

Tư tưởng Thái hoà nhân hậu của văn hoá Việt còn bàng bạc trong cuộc sống xã hội. Xã hội Việt Nam từ ngàn xưa cho đến nay là một xã hội không có giai cấp nên nàng công chúa Tiên Dung mới kết duyên với chàng thanh niên không khó che thân Chử Đồng.

Trong xã hội đó mọi người đều bình đẳng và có quyền lợi như nhau. Ngoài ra, vì cùng sanh ra trong một bọc nên mọi người coi nhau là đồng bào, là bà con ruột thịt và gọi nhau bằng những tên thân quen như trong gia đình.

Nhờ tư tưởng thái hoà mà dân tộc Việt đã trường tồn hơn 4000 năm dù đã trải qua biết bao thử thách của thiên nhiên, của xâm lăng và đồng hoá. Thái hoà là hoà vào với hai đối cực, nhưng hoà không có nghĩa là cộng lại thành một số lượng lớn hỗn tạp mà hoà là gây ra sự quan hệ hỗ tương, là đi tìm sự sống đồng điệu, là tìm sự sinh tồn trên con đường tiến hoá. Trong môi sinh, bao nhiêu loại thực vật và động vật đã bị tuyệt chủng vì không đủ khả năng biến thể để phù hợp với tình trạng môi sinh chung quanh. Trong khi đó, những giống loại còn hiện hữu là nhờ biết biến thể những sắc tố di truyền trong DNA để thích nghi với bối cảnh sống, tạo thành hành trình tiến hoá nên tồn tại. Do đó, bản thể của sự tiến hoá là thái hòa.

Một nền văn minh, một nền văn hoá muốn tồn tại cũng phải biết sống hợp với nguyên lý thái hoà này tức phải biết đáp ứng nổi nhu cầu tương hợp và giao lưu giữa hai đối cực. Trong quan niệm triết học đông phương, hai đối cực là hữu hình và vô hình, là trời và đất. Trời là tinh thần, là linh lực siêu vật chất, được thể hiện qua con người dưới dạng ý thức hệ, tư tưởng, chủ nghĩa, và tôn giáo. Trời cũng là Tiên, qua hình ảnh của mẹ Âu cơ. Đất là vật chất, là hệ thống môi trường vật thể chung quanh chúng ta, và cũng là năng lực của khoa học. Đất là Rồng, được biểu hiện bằng hình ảnh của cha Lạc Long. Con người phải hoà với Trời và Đất để sinh tồn và tiến hoá.

Tư tưởng thái hoà của con Người giữa Trời và Đất trong văn hoá Lạc Việt cũng được ghi lại trên mặt trống đồng Đông sơn. Mặt trống hình tròn tượng trưng cho vũ trụ. Mặt trống được chia hai, bên âm bên dương biểu thị bằng số chẵn và số lẻ. Vũ trụ muốn được thái hoà phải có sự tương hợp và giao lưu của âm và dương. Như vậy trống đồng đã xác định lại quan niệm về Đạo của Việt tộc qua sự tích Tiên Rồng. Ngoài ra, mặt trống còn có nhiều vòng tròn đồng tâm. Vòng trong cùng là hình mặt trời đem nguồn năng lượng thiên nhiên cho sự sống còn của vạn vật. Vòng giữa minh hoạ cảnh sống thái hoà của loài người đang múa ca hạnh phúc cùng muôn loài. Vòng ngoài diễn tả trái đất với cảnh gió mưa, sông hồ, nước non lưỡng hiệp.

Con người trong cảnh thái hoà đó không phải chỉ gồm có thể xác mà còn có phần tâm linh. Con người cũng không phải chỉ là một con vật kinh tế, mà còn phải biết ý thức đến một đường lối sống thái hoà, một đường lối sống quân bình, và toàn diện. Đường lối sống thái hoà mang những nét đặc trưng văn hoá Lạc Việt như vừa được trình bày trong bài viết này chánh là đường lối sống đặc biệt Việt Nam tức VIỆT ĐẠO. Qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử dân Việt nhờ có một nền tảng tư tưởng vững chắc mà lại uyển chuyển nên đã trường tồn. Lịch sử cũng đã chứng minh là người Việt Nam dù sống ở

đâu, miễn không quên lối sống Việt hay Việt Đạo sẽ không sợ bị đồng hóa hay mất gốc.
Việt Đạo còn dân tộc Việt sẽ còn.

Nguyễn Lương Vỹ

Thời gian

Bên này biển nhớ bên kia biển

Sóng bạc đầu câu chuyện ngày xưa

Lá khô nổi nhớ dâng mùa

Niềm thương mận chín dâng mùa rụng kinh

Lời đất trích tâm hình gió lật

Cát trong tim sâu ngát tro than

Trăng suông đỏ hết hồn đàn

Ngàn dâu tím hết non ngàn ngần ngơ

Chờ rách mắt câu thơ chưa đến

Gọi mềm môi bờ bến chưa đi

Sông trôi và chảy rầm rì

Núi ngồi và đứng tứ chi rụng rời

Thời mạt thế trời ơi đất hỡi

Bởi vì đâu thế giới tan hoang

Lưỡi lê điếng tiếng cười khan

Hay là tiếng khóc ối tràn mặt xanh

Đời quá vắng thoi đành cố cự

Mái nhà xưa rót rượu dâng hương

Hồn êm bóng mát từ đường

Ừ thôi dâu bể về nương chôn này

Chôn nơi ấy là đây bóng mộ

Bóng thời gian lốt ổ ta nằm

Một ngàn thế kỷ xa xăm

Câu thơ ngắn lệ tình thâm tặng người.

Ngô Nguyên Nghiễm

**Bỗng nhiên gặp lại bạn xưa
bèn cùng uống rượu truyền âm**

Năm mươi năm không gặp
Đời đổi thay đâu ngờ
Áo quàng, chân dính đất
Hồn lạnh đầu bạc phơ

Thời gian như cánh nhạn
Hư ảo (trò gió sương)
Ngũ thập tri thiên mệnh
Chẳng còn gì bằng khuâng

Ngày nào hoa nguyệt lộ
Tang bồng như chim xanh
Bây giờ hai thứ tóc
Nói năng như ngậm tằm

Thế kỷ đang cô đọng
Cứng đôi mây cố nhân
Hay là trong cách cảm
Nói, cũng bằng như không
Nâng ly đi bằng hữu
Mười năm là ngọc châu
Cắm quanh rào dĩ vãng
Một chút gì, chiêm bao..

Bạn nén dài tiếng thở
Ngó bạt ngàn phương trời
Con chim hoang đang liệng
Như suốt đời, vậy thôi...

Bao năm quên gặp gỡ
Trăm điều như mọi điều
Cát lời không nói được
Hồn ai ngồi quanh hiu

Bạn, ta - con sóc nhỏ
Nhảy loanh quanh trưa hè
Đọt trăm bầu trước ngõ
Mà lạnh lòng sơn khê

Rượu lạt lẳng lẳng rót
Ly cạn lẳng lẳng đầy
Mười năm mà đầu bạc
Lẳng lẳng, chừa một ai!

Mỗi người một kỷ niệm
(của gia bảo riêng nhau)
Ta nở nào đêm xía
Vó câu vụt qua mau

Chuyện đời vẫn là vậy
Khoảnh khắc còn nhau đây
Ngày mai ai biết được
Chuyện nào của đám mây...

Ừ thôi, người bạn nhỏ
Bây giờ mình đã già
Sống trăm nền triết học
Như trò đùa hôm qua

Gặp nhau đâu cần nói
Ngôn ngữ lạnh chân trời
Ó vàng và thổ bạc
Chạm nhau trên đầu môi

Nếu bạn không rót nữa
Rượu cũng là cố nhân
Thì thôi, đầy ly cạn
Rượu sẽ hóa tâm hồn

Mai này ta lại gặp
Dù cũng lại mười năm

Ngậm tằm hai thứ tóc
Tang bông như chim xanh..

Asay nguyên lập đông

rượu

tính là dễ nhẹ vài ly,
hóa ra quá chén
ly bì cùng đêm.
lại là bí tỉ mình ên.
để cho nước mắt
êm đêm ru mơ

trà

Sáng trời,
sáng đất,
sáng ta.
Thấy lòng khây khỏa
pha trà uống chơi.
T ách đầu
phơi phới mời tôi.
Tách sau
chưa uống đã rơi lệ nhòa.

Trần Văn Lương

Về quê

Hôm đó là ngày thứ năm. Phải, ngày thứ năm cuối cùng của tháng 11, ngày lễ Tạ Ơn của nước Mỹ. Tôi không phải đi làm, suốt cả ngày hết ăn rồi lại nằm, hết nằm rồi lại xem Ti Vi, cố gắng tận hưởng những giờ phút nghỉ ngơi hiếm hoi ở cái đất nước văn minh cơ khí này. Chợt nhìn đồng hồ thấy đã gần 5 giờ chiều, tôi vội vàng đi thay quần áo để ra bờ biển làm thủ tục chạy bộ hàng ngày. Cách đây mấy tháng, từ lúc bà xã tôi tỉnh cò phát giác ra cái vòng số hai của tôi càng lúc càng lớn ra và tôi càng lúc càng có triển vọng đoạt giải nhất cuộc thi lực sĩ "bụng nở ngực thon", thì bà ấy, ngoài việc cấm

tôi ăn các đồ béo, lại còn âu yếm ra lệnh cho tôi mỗi ngày: sau khi từ sở làm về, phải ra bờ biển gần nhà chạy bộ ít ra là 4 dặm để tiêu đi bớt mỡ. Tôi kính cẩn tuân lời (các cụ dạy rằng: "Có 3 loại tội bất hiếu, không tuân lời vợ là tội lớn nhất". Tôi xin chép lại nguyên văn chữ Hán để quý vị tiện đường tham khảo: "Bất hiếu hữu tam, bất tuân thê lệnh vi đại"). Và từ đó, bất kể nắng mưa sáng tối, cứ vào khoảng 5 giờ chiều là những người đi dạo tại bờ biển Newport Beach lại thấy một anh chàng Việt nam ý à ý ạch bê cái thùng nước lèo của mình từ Newport Pier tới Balboa Pier và trở lại. Đoạn đường chiến binh dài đúng 4 dặm!

Bà xã tôi thấy tôi bước ra cửa bèn nhẹ nhàng bảo:

- Hôm nay là ngày Lễ Tạ Ơn, em cho phép anh nghỉ ở nhà một bữa.

Tiệc công mặc quần áo và thoáng thấy mấy rô đồ giặt mới lấy từ máy sấy ra chưa kịp gấp, tôi vội vàng vừa đi vừa bảo:

- Thôi em ạ, thể dục phải chuyên cần mới có kết quả. Nghỉ được một ngày thì sẽ nghỉ mãi. Anh ra chạy chừng một tiếng sẽ về ngay.

Bà xã tôi dặn với theo:

- Anh ráng về sớm để ăn cơm với các con.

Tôi hấp tấp gặt đầu và dong xe đi ra bờ biển.

Thực tình trong bụng hôm nay tôi cũng muốn ở nhà cho khỏe, nhưng không hiểu có một mãnh lực nào thôi thúc tôi phải cương quyết đi cho bằng được. Chả lẽ... vì bà cụ chăng? Không có lý! Tôi vừa lái xe vừa thắc mắc mà không tìm ra câu trả lời. Có một điều gì đó mà sau này tôi mới hiểu được.

Vừa đặt chân xuống bờ biển, tôi đã thấy ngay bóng bà cụ đồ dài trên bãi cát sát chân trạm cấp cứu số 13. Trạm cấp cứu này nằm giữa đoạn đường chạy bộ của tôi. Tôi thờ phào nhẹ nhõm, lòng bỗng thấy mừng thầm mà không hiểu tại sao. À, thế là hôm nay bà cụ cũng ra hóng gió.

Không biết bà cụ đã bắt đầu mỗi chiều ra ngồi ở chỗ đó từ ngày tháng nào. Tôi chỉ biết là kể từ lúc tôi thực hiện chương trình thể dục bắt buộc này thì tôi đã thấy cụ ngồi đó rồi. Mỗi ngày cụ đều đến trước tôi, và khi tôi ra về thì cụ vẫn còn ngồi đó.

Đó là một bà cụ Á châu vào khoảng trên dưới 80 tuổi mà tôi nghĩ là người Việt nam. Tôi chỉ đoán thế dựa trên cách ăn mặc của cụ vì chưa bao giờ tôi được cụ mở miệng ban cho một câu, hoặc nhìn một cái. Mỗi ngày lúc chạy ngang qua cụ tôi đều nhìn cụ gặt đầu chào, mong có cơ hội làm quen, vì nhìn cụ, tôi lại liên tưởng đến mẹ tôi cũng cỡ tuổi như cụ đang còn ở tại quê nhà. Đáp lại, cụ chỉ lạnh lùng khẽ gặt đầu, mắt vẫn đắm đắm nhìn ra xa như muốn tìm kiếm cái gì bên kia bờ Thái Bình Dương. Cái gặt đầu thật là nhẹ, phải để ý lắm mới thấy được. Và cũng chưa bao giờ tôi chạm được ánh mắt cụ. Cặp mắt buồn xa xôi dưới vầng trán nhăn nheo luôn luôn hướng ra khơi. Nhiều lúc tôi

muốn tìm cách gọi chuyện với cụ nhưng cuối cùng lại thôi vì tôn trọng sự kín đáo của cụ. Mỗi liên hệ giữa tôi và cụ chỉ có thể, giới hạn trong hai cái gật đầu trong lần đi và trong lần về. Nghi thức xã giao này được lặp đi lặp lại mỗi ngày trong mấy tháng trời qua.

Hôm nay cũng thế, khi đến gần cụ tôi lại nhìn cụ cúi đầu chào, hai chân vẫn tiếp tục chạy.

- Chào cậu!

Tôi nghe như bị điện giật, hai chân khựng lại. Tôi vội quay nhìn cụ và ấp a ắp úng:

- Kính chào cụ. Cụ là người Việt nam?

Cụ nhìn tôi khe khẽ gật đầu, nét mặt vẫn lạnh lùng không lộ chút tình cảm nào. Nhưng khi cụ nhìn tôi, tôi thoáng thấy trong ánh mắt cụ ẩn hiện một chút hóm hỉnh như có vẻ giễu cợt sự ngây ngô của tôi: người ta đã nói "Chào cậu" mà mình lại còn hỏi "Cụ là người Việt nam?"

Tôi lúng túng tần ngần chưa biết phải làm gì thì cụ đã bảo:

- Cậu ngồi xuống đây mình nói chuyện một chút. Hôm nay tôi có ý đợi cậu.

Tôi rón rén ngồi xuống cát, cách xa cụ độ một sải tay. Tôi đi từ ngạc nhiên này qua ngạc nhiên khác, không biết bà cụ đợi tôi có chuyện gì.

Như hiểu ý tôi, cụ ôn tồn bảo, giọng nói đã bớt đi một tí lạnh lùng:

- Cậu ngạc nhiên lắm phải không? Cậu ngạc nhiên là phải vì điều này hơi đột ngột đối với cậu. Tôi muốn gặp cậu chiều nay để từ giã cậu và cảm ơn cậu đã chào hỏi tôi trong mấy tháng qua. Hôm nay là ngày cuối tôi ra đây. Mai tôi về quê.

Tôi nghĩ thầm trong bụng, bà cụ có về nhà quê nhưng lại thông minh đáo để và nhận xét người hết sức sâu sắc. Bây giờ mới có dịp quan sát kỹ cụ, tôi bỗng thấy nét mặt cụ có vẻ quen quen, nhưng không nhớ ra là đã thấy cụ ở đâu trước khi gặp cụ nơi bờ biển này. Tôi vội vàng hỏi:

- Cụ về Việt nam?

Tôi lại hỏi một câu ngớ ngẩn nữa. Cụ chậm rãi gật gù, mắt không thèm nhìn tôi:

- Vâng, về quê... về Việt nam... về làng... về Hải Dương... Cậu có biết Hải Dương ở đâu không nhỉ?

Và không đợi tôi trả lời, cụ nói tiếp:

- Hải Dương là quê của tôi đấy. Ngày mai người con cả của tôi sẽ đưa tôi về đấy. Tôi xa quê từ năm 54, bây giờ mới có dịp về. À, cậu trông thấy tôi quen quen phải không? Bà cụ của vợ cậu lúc còn sống thường hay đi chùa với tôi và tôi nhớ hình như có thấy cậu đôi lần lúc cậu lên chùa đón cụ ... Ông nhà tôi ngày xưa làm Tuần phủ nên mọi người đều gọi tôi là cụ Tuần, mãi rồi tôi quên hẳn tên thật của mình.

À ra thế. Cụ Tuần. Hèn gì thấy mặt bà cụ quen quen. Và tôi cũng nhớ ra lúc còn sống,

mẹ vợ tôi cũng có nhắc đến tên các bà bạn đi chùa của cụ, trong đó hình như có tên cụ Tuần. Tôi bỗng thấy hơi gờm bà cụ. Sao cụ biết tôi thắc mắc như thế mà trả lời? Tôi bèn đưa đây:

- Thảo nào mà cháu thấy cụ quen quen. Hóa ra cụ là bạn của mẹ cháu. Thế thì mình là người nhà cả.

Cụ cười nhẹ:

- Chính vì thế mà tôi muốn gặp cậu hôm nay để nói chuyện lần cuối và từ biệt cậu, kẻo mai kia cậu lại thắc mắc không biết cái bà cụ mặt mày lạnh lùng khó đâm đâm kia đi đâu mất rồi.

Tôi đỏ mặt, không ngờ bà cụ lại nói đúng ý nghĩ của tôi. Quả thật trước kia, sau mỗi lần chào cụ và chỉ nhận được một cái gật đầu như gió thoảng của cụ, tôi hay lẩm bẩm trong bụng: sao mặt mày bà cụ lại lạnh lùng khó đâm đâm thế!

Cụ nhìn tôi tiếp tục:

- Tôi theo thằng con cả qua đây năm 75, tính đến nay đã được 20 năm. Ngày mai là lần đầu tiên tôi về quê. Và tôi sẽ ở luôn bên Việt nam, không qua đây nữa. Ấy, cậu đừng hỏi tại sao. Lá rụng về cội. Người già nào cũng muốn được chôn xác ở quê cha đất tổ. Tôi đã muốn về từ mấy năm trước cơ, nhưng vì công việc làm ăn kỳ này con trai tôi mới đưa tôi về được. Muộn còn hơn không...

Rồi cụ thao thao kể cho tôi nghe về gia đình cụ, về cụ ông, về cậu con trai, về đời sống của cụ tại Hoa kỳ, về việc cụ mỗi chiều ra bờ biển vọng về phía bên kia bờ đại dương để nhớ tới quê nhà... Trong câu chuyện, hình như cụ đoán trước được các câu hỏi tôi định đặt ra và cụ đã trả lời trước khi tôi kịp mở miệng. Thành ra trong suốt hơn một tiếng đồng hồ tôi không chen vào được một chữ.

Cụ bỗng chép miệng, thở dài và bảo:

- Thôi trời tối rồi, cậu về nhà đi, vợ con cậu đang chờ cơm. Câu chuyện tôi định kể cho cậu hôm nay chỉ có thế. Chúc cậu ở lại Mỹ mạnh giỏi, mai tôi về quê. Cậu về trước đi. Tôi nán lại thêm một tí rồi sẽ về sau.

Tôi ngó ý muốn đưa cụ về nhà nhưng cụ từ chối. Tôi đứng dậy từ giã cụ, miệng lí nhí nói ít lời cầu chúc cho cụ thượng lộ bình an. Nhìn thấy vẻ bùi ngùi lưu luyến của tôi, cụ cười bảo:

- Cậu đừng buồn vì nghĩ rằng sẽ không bao giờ gặp lại nhau. Mọi sự trên đời đều không có gì đi ra ngoài chữ "duyên". Nếu còn có duyên với nhau thì cậu sẽ có dịp gặp lại tôi, e rằng lúc đó cậu lại không thích.

Cụ đưa tay khoát vẫy tôi đi. Không dám nói gì hơn, tôi nhìn cụ lần cuối và từ từ quay đi về hướng đậu xe, lòng cảm thấy hơi bùi ngùi khi phải chia tay với cụ.

Và kể từ lúc đó, chẳng bao giờ tôi thấy lại bà cụ nữa trong những lần chạy bộ của tôi.

Hy vọng cụ sung sướng ở quê nhà.

Một năm sau, cũng vào dịp lễ Tạ Ôn, một người Việt nam mới vào làm chung hăng với tôi có nhã ý mời các đồng nghiệp người Việt trong sở tới nhà để chung vui nhân dịp sinh nhật 16 tuổi đứa con gái đầu lòng của anh. Bà xã tôi vì bận việc nên tôi được phép đi dự tiệc một mình.

Vì tới đúng giờ nên tôi là người khách đầu tiên. Chủ nhà niềm nở đưa tôi vào phòng khách nhâm nhi tí rượu trong khi chờ đợi các vị khách Việt khác điều chỉnh đồng hồ của họ. Căn phòng khách được trang hoàng một cách đơn giản nhưng rất lịch sự và thơm mát. Thoáng nghĩ thấy mùi hương, tôi quay nhìn về phía cuối phòng và choáng váng khi thấy bức ảnh trên bàn thờ ẩn hiện sau làn khói mỏng của nén hương. Tôi sững sờ vì rõ ràng đó là hình bà cụ tôi gặp ngoài bờ biển. Vẫn khuôn mặt "lạnh lùng khó gần" đó, vẫn cái nhìn xa vắng pha lẫn một tí giấu cợt đó, không thể nào sai được. Tôi vội hỏi anh Phong, người chủ nhà:

- Có phải đó là hình của cụ Tuần không?

Anh Phong gật đầu:

- Vâng, đó là hình của mẹ tôi, ở chùa người ta hay gọi cụ là cụ Tuần, vì ngày xưa ông cụ của tôi làm Tuần phủ. Sao anh lại biết mẹ tôi?

Tôi vội vàng nói chữa:

- Tôi biết cụ vì ngày xưa cụ cùng đi chùa với bà cụ mẹ vợ tôi.

- À ra thế! Thì ra mình là người nhà cả, anh hân hoan gật gù.

Tôi chết điếng trong lòng, không ngờ mới gặp nhau năm trước mà cụ đã mất rồi. Tôi lắp bắp:

- Cụ mất lúc nào vậy anh Phong?

- Cũng được hơn 5 năm rồi đó anh.

Câu trả lời của người chủ nhà làm tóc tai tôi muốn dựng đứng hết cả lên. Tôi lắp lại như một cái máy:

- 5 năm...

Không để ý đến vẻ khác lạ của tôi, người chủ nhà kể tiếp:

- Phải, mẹ tôi mất cách đây cũng đã hơn 5 năm, mà mãi đến năm ngoái sau ngày Lễ Tạ Ôn tôi mới có dịp đem tro của cụ về an táng tại quê nhà ở Hải Dương, đáp ứng được nguyện vọng cuối cùng của cụ.

Tôi tái người nhớ lại lần nói chuyện giữa tôi và cụ đã xảy ra vào đúng ngày lễ Tạ Ôn năm ngoái, một ngày trước khi con trai cụ đưa tro cụ về Việt nam.

Chúng tôi hai người im lặng giây lát như để tưởng niệm người quá cố. Chủ nhà chậm chậm ngược mắt nhìn về phía bàn thờ. Và lần này thì đến phiên anh ngạc nhiên hốt

hoảng. Anh lẩm bẩm:

- Quái lạ, ai thay bức hình đấy nhỉ ?

Tôi quay đầu lại nhìn bức hình và cũng ngạc nhiên không kém. Rõ ràng là ít phút trước đây nét mặt người trong hình lạnh lùng nghiêm nghị, môi mím chặt thế mà bây giờ trong hình bà cụ đang cười tươi, để lộ gần nguyên hàm răng đen bóng, hai con mắt lá răm hiện đầy vẻ tinh nghịch.

Người chủ nhà hướng về phía vợ đang lui cui trong nhà bếp hỏi lớn:

- Em ơi, có phải em thay hình của mẹ trên bàn thờ không ?

Người vợ lên tiếng nói vọng ra trong khi vẫn tiếp tục làm đồ ăn:

- Em đâu biết hình ảnh gì đâu. Anh là người giữ các bức ảnh mà.

Người chồng hừ nhỏ một tiếng trong cổ, nét mặt đầy vẻ bối rối băn khoăn. Khi mắt anh chạm phải tia nhìn dò hỏi của tôi, anh vội giải thích:

- Anh biết không, khi mẹ tôi mất, chúng tôi có phóng lớn và làm khung hai bức ảnh của cụ vì lúc đó phân vân không biết chọn bức nào để thờ. Một bức có hình cụ tươi cười như anh đang thấy đây, và bức kia thì mặt cụ nghiêm trang không cười. Sau khi cả gia đình hội ý với nhau, chúng tôi chọn bức không cười để đặt trên bàn thờ và cất bức kia vào tủ. Tôi là người phụ trách bàn thờ và giữ hai bức ảnh vì tôi là con cả. Tôi nhớ là chỉ có chung bức hình không cười lên bàn thờ mà thôi. Không hiểu tại sao hôm nay lại biến thành bức hình này như thế.

Tôi vội nhìn lên bàn thờ và quan sát kỹ lại bức ảnh. Không biết tôi có tưởng tượng hay không nhưng rõ ràng tôi thấy trong ánh mắt của cụ hiện lên một vẻ tinh nghịch hân hoan đượm nét ngây thơ của trẻ con pha lẫn một chút dịu dàng từ ái của lòng mẹ. Tôi định lẩm bẩm trách thầm cụ trong lòng rằng cụ đã bảo với tôi năm ngoái là cụ về quê thế mà giờ này cụ còn ở đây nghịch phá. Nhưng ý định trách móc vội tan biến ngay khi tôi chợt nhớ lại lời nói cuối cùng của cụ với tôi về chữ "duyên" : "Mọi sự trên đời đều không có gì đi ra ngoài chữ "duyên". Nếu còn có duyên với nhau thì cậu sẽ có dịp gặp lại tôi, e rằng lúc đó cậu lại không thích". Tôi vội vã nói thầm lời xin lỗi cụ. Trong khi đó, người chủ nhà vẫn lộ vẻ thắc mắc bất an.

- Anh Phong này....

Tôi buột miệng định kể cho anh chủ nhà biết sự tao ngộ ly kỳ giữa tôi và bà cụ của anh, nhưng vội nín bặt khi thoáng thấy ánh mắt can ngăn của bà cụ trong bức hình.

- Gì thế anh?, người chủ nhà vội hỏi.

Tôi bèn tìm lời khỏa lấp:

- Tôi nghĩ là có thể một lúc nào đó anh đã thay bức hình và quên băng đi. Với tuổi tác bọn mình bây giờ, làm trước quên sau là chuyện thường.

Người chủ nhà lịch sự gật đầu đồng ý, nhưng có vẻ không tin tưởng lắm vào lời giải

thích.

Những người khách Việt giữ đúng truyền thống giờ cao su đang lục tục kéo đến, và chúng tôi đành bỏ dở câu chuyện để đi chào đón mọi người. Lợi dụng lúc đông người lu bu, tôi chuẩn bị chuồn êm sau khi đã nhờ một người bạn chuyển lời cáo lỗi của tôi tới chủ nhà, viện cớ là bỗng dưng tôi không thấy khỏe. Quả thật là tôi bắt đầu cảm thấy rờn rợn mỗi khi nhìn lên bàn thờ và chạm phải ánh mắt tinh nghịch của người trong ảnh. Không dám nhìn thẳng vào bức ảnh, tôi thậm chí nói lời từ biệt với cụ và lảng lảng lách mình ra cổng. Không ngoái cổ nhìn lại, tôi cắm đầu rảo bước như bay đến chỗ đậu xe. Trong tiếng gió thoảng của một chiều cuối thu, dường như có ai nói khẽ vào tai tôi hai tiếng: "Chào cậu".

Dạo:

Tiếng cười còn đọng bên sông,
Con đò thiên cổ đã giông chồn nào.

Đò Đêm Bỏ Bến

(Tiễn người đã ra đi
trong một đêm về miền vĩnh cửu)

Mây về quần bên sông,
Nghẽn tắt nắng chiều đông.
Nhánh rong già trốc cội,
Bồi rồi đợi bên dòng.

Lung linh ánh điện màu,
Nhạc cũ gói niềm đau.
Nhớ nhung nào thúc giục
Người lục tục tìm nhau.

Nhịp bước nhỏ khoan thai,
Hương ca quyện gót hài,
Vòng tay dài chợt ấm,
Tóc lũ quán mềm vai.

Đêm rộn rã tiếng cười,
Rượu mời chưa kịp vui,

Bóng ai đà vội vã,
Lén từ giã cuộc chơi.

Đò thiên cổ chực chờ,
Người bước xuống bờ vờ,
Lệ đôi bờ tuôn đổ,
Đường có thổ mịt mờ.

Lành lạnh gió âm ti,
Ai oán khúc từ ly,
Nỗi nề câu vĩnh biệt,
Thê thiết lúc phân kỳ.

Nhàn nhạt phần trăng treo,
Đò khuya lặng lẽ chèo.
Cánh bèo xuôi nẻo giác,
Ngơ ngác bến nhìn theo.

Trần Văn Lương
Cali , 1/2011

Lan Đàm

Lục bát mùa xuân

Minhkha

Con cho đời nửa miệng cười,
Vàng thêm màu cúc, xanh ngời sắc lan.
Vườn nhà hoa bướm hân hoan,
Chào mùa sang để trần gian lựa là.

Bảo minh

Con chân sáo bước nhịp ba,
Ngày bình minh, tiếng chim hòa suối reo.
Mười ngón nhỏ, mắt trong veo,

Ngân ngơ hàng phím, đàn theo tay người.

Bạt

Thì xuân, vẫn của đất trời,
Thì ta, hạnh phúc đã mời cõi riêng.

Xuân thì, em

Sáu mươi, ừ, nhắc mà chi,
Để ta vẽ lại xuân thì em xưa.
Ngày con gái, mắt đong đưa,
Thơm môi, đỏ má đủ vừa hồng nhan.
Chiều tan học, bước rất ngoan,
Có trăm khách lạ trần gian, thần thờ.
Người yêu, em hiện trong thơ,
Ngân ngơ trang sách, hững hờ áo bay.
Đêm thực nữ, giấc ngủ say,
Những cơn mơ, tháng năm đầy bướm hoa.

Sáu mươi, ừ, cũng vừa xa,
Xuân thì em, để mình ta giữ gìn.

Rượu, nửa chai

“Rượu còn nửa chai đời cũng vậy”

Long Ân

Ừ chai rượu quý còn đây,
Nửa vơi sao vẫn thấy đầy nơi ta.
Ngày mùa xuân, người đi xa,
Thì thôi, lâu cũ chiều qua rất buồn.
Ly nghiêng đỏ, đậm hoàng hôn,
Men say độc ảm lạnh hồn cô nhân.
Rót thêm, người nhớ mấy lần,
Ta đừng quên, suối phân vân đợi chờ.

Nửa chai, rượu lẫn trong thơ,
Lời nào tử biệt cuối bờ sinh ly.

Túy hành vân

Ừ về phủ cũ tịch liêu,
Núi xưa đỉnh biếc mây chiều còn say.
Phá hoang khói sóng dâng đầy,
Cát ôm đá lạnh thêm dây hoàng hôn.
Ừ về phủ cũ rất buồn,
Trong heo may có tiếng hờn từ ly.
Phố tìm lại bước người đi,
Đã rêu mái xám, xuân thì dấu phai.

Ừ về phủ cũ miệt mài,
Nghe hồn thông gọi đêm dài ngân ngơ.
Biển khuya con nước xô bờ,
Trăng sao cũng lạ, sương mờ bóng nai.

Ừ về phủ cũ trang đài,
Em phơi pha- để ta ngoài lênh đênh.

Không về
(Gửi Chị Hồng Phượng)

Người không về xuân này
Sớm, bình minh rất lặng
Bầy sẻ nhỏ ngủ say
Khu vườn xưa quạnh vắng

Người không về xuân này
Chiều, hoàng hôn xuống vội
Cánh vạc lẻ loi bay
Hàng thông già sương gọi

Người không về xuân này
Đêm hồng hoang mấy độ
Chiêm bao đây heo may
Gối chăn đâu ấm chỗ

Người không về xuân này
Khóm lan gầy quên nở
Phổ núi, rượu vừa cay
Cũng thôi, thiên đường lỡ

Lâm Thúy

Độc thơ Phan Thị Ngôn Ngữ
Mở trang thơ, thấy khói sầu
Bay trong một cõi tình đau bởi bởi
Thấy niềm vọng tưởng khôn nguôi
Cháy thiên thu ngọn lửa vùi tro than.
Thấy trời cát trắng Nha Trang
Biển xanh vỗ sóng, đã tròng cuốn trôi...
Thấy người tự thuở nằm nôi
Câu ca dao đã ngọt lời mẹ ru
Thấy xưa bóng ngoại nhân từ
Câu Kiều lấy mãi, lòng như suối đàn
Có cô thiếu nữ dịu dàng
Góp trăng sao lại về đàn mái tình
Có niềm tưởng tiếc mộng mênh
Trải thiên thu mộng đời trên phiến sầu
Vườn ai còn thoảng hoa Ngâu
Chân ai còn vọng bên cầu tử sinh
Buộc trăm năm một sợi tình
Sao hoang vu, bóng với hình. Cô đơn
Có bao nhiêu những hoàng hôn
Thả trôi những vệt nắng buồn về đâu?
Hoa sim, hoa khế một màu
Tím như lòng bầu qua cầu thuở xưa!
Sang sông dù lỡ chuyến đò
Câu thơ còn đọng ngày thơ ngập ngừng
Mẹ người buồn gánh bán bưng
Mẹ ta ruộng mạ, tảo tần sớm khuya
Đời như những nhánh sông chia
Nước đi, nguồn cạn; lá lìa, cành đau

Nghe ra cũng một tâm sầu
Cô đơn, hoài vọng, thương đau, ngậm ngùi
Chúng ta một lúa bên trời (*)
Cái tâm khắc khoải, cái đời tang thương
Cũng con sông nước biệt nguồn
Thân trôi viễn xứ, hồn vương quê nghèo
Trưa hè, nhịp võng buồn hiu
Tiếng ru còn vọng muôn chiều thiết tha
Thơ người nói hộ lòng ta
Trúc tre ngõ cũ, chiều tà vọng âm
Đèn khuya, bóng mẹ âm thầm
Canh tàn, bắc lụng, dài năm tháng chờ
Cũng niềm thất thểu, xót xa
Lòng riêng canh cánh, nhớ nhà, nhớ quê
Chim bay còn có tổ về
Chiều tha hương, một mình, thê thiết buồn
Quê người, giục mối hoài hương
Vời trông cố quận, mờ sương khói chiều
Vàng trắng xé bóng quê nghèo
Có nghe ta cũng hắt hiu phận người
Chúng ta, hai đứa lạc loài
Để mẹ mòn mỏi bên trời cố hương
Trang thơ xếp lại, còn buồn
Nỗi chi đọng lại trong hồn. Xót, chua!

*Ý thơ Tỳ Bà Hành – Bạch Cư Dị

“Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân”Phan Huy Vịnh dịch:

“ Cùng một lúa bên trời lận đận”

Trên núi Sugarloaf

Lâm Yhúy

Lên rừng ngắm lá mùa thu

Nhân gian nghe cũng mịt mù dưới xa

Phút giây lạnh cõi ta bà

Ngang trời gió thoảng, tưởng ta thoát trần

Tưởng đời như ánh phù vân

Cõi bon chen chột tằn ngần ngó lui.
Bước lên lòng rộng theo trời
Núi cao đá dựng, bồi hồi cảnh tiên
Dường quên hệ lụy ưu phiền
Như sương dưới nắng, tan triền núi xa
Đứng trong trời đất bao la
Thấy ta – hạt cát giữa Hằng hà thôi!
Sá gì với những buồn vui
Những trần trở của kiếp người. Phù sinh
Sá gì tiếng nhục, lời vinh
Mai rồi cát bụi lại thành tro than
Có chi trường cửu vĩnh hằng
Gói hành trang cuối cũng ngần ấy thôi.
Phân vân ta giữa đất trời
Nửa cao hồn núi, nửa ngùi sắc thu
Nửa lòng thoát tục, vô ưu
Nửa xa xót cảnh đời như chiều tà
Nghe mùa tàn rụng phôi pha
Ngắm ra một kiếp người là... phù du.
Rừng chiều lá rục nắng thu
Vàng ươm sợi nhớ, nghe như cội sầu
Đành lòng với nỗi thương đau
Trách sao gió lạnh cho màu lá phai
Trách sao gió cứ rung hoài
Để cây buông lá. Xót ngày tàn rơi!
Ngắm thu. Hỏi làm sao vui?
Đời người như lá, vàng rơi vô chừng
Nhưng trong vô ngã mịt mù
Dường nghe còn nặng nợ: lòng trần ai
Chân quen lại bước về đời
Lại nghe cơn áo một trời nhiều khê.

Trần Bang Thạch

Bông hồng đỏ

Bông hồng trắng

Ngày Vu Lan Báo Hiếu người ta gắn trên áo mình 1 hoa hồng đỏ hay 1 hoa hồng trắng. Màu đỏ tượng trưng cho niềm vui còn mẹ. Màu trắng nói lên nỗi buồn mất mẹ.

Trong đời tôi chưa hề nhận được 1 bông hồng đỏ hay 1 bông hồng trắng nào. Điều đó có quan trọng lắm không khi cha mẹ còn sinh tiền mình chưa lần nào cầm tay cha mẹ, âu yếm nhìn vào mắt Người mà nói rằng: Con yêu thương cha mẹ. Người ta cho mình một vật dù bình thường mình biết nói : “cám ơn”. Cha mẹ đã cho mình hình hài, trí óc và khó nhọc trăm chiều nuôi mình khôn lớn, có mấy ai, trong cử chỉ thân tình hay trang trọng, quý trước 2 bậc sinh thành mà nói rằng: “Con cảm ơn cha mẹ đã cho con thành người”. Tình yêu thương và lòng biết ơn cha mẹ đã có sẵn trong lòng mỗi người. Có lẽ người mình ít khi bộc lộ tình cảm của mình đối với song thân chớ không phải mình không nghĩ hay không muốn nói ra những lời ấy. Tự nghĩ nếu có thêm 1 lần làm con, chưa chắc tôi nói được lời này, dù biết đó là điều nên nói, sẽ làm cha mẹ vui cả ngày đêm, vui hơn ai cho vàng cho bạc.

Tháng Bảy Âm lịch sắp đến rồi. Ngày 15 tháng Bảy là rằm Trung Ngươn, còn gọi là Trung Ngươn Thắng Hội, nguyên thủy là ngày Thánh Quân Đại Hiếu là vua Thuấn, một vị vua huyền thoại thời Trung quốc cổ đại nằm trong Ngũ Đế, nổi tiếng là minh quân, nhân từ, hiếu tử, đã thay trời xá tội cho các vong hồn nơi Địa Phủ. Vua Thuấn còn được tôn vinh là Địa Quan xá tội. Qua câu chuyện hành giả Mục Kiền Liên, chúng ta còn biết rằm tháng Bảy còn là Lễ Vu Lan Bồn. Ngày các con báo hiếu cha mẹ đời này và bảy đời trước bằng cách cúng dường chư Phật và chư Tăng để hồi hướng công đức cha mẹ hiện tiền và Cửu Huyền Thất Tổ.

Công ơn cha mẹ lớn lắm. Chúng ta đã nghe những lời ca quen thuộc từ nhạc phẩm Lòng Mẹ của Y Vân: “Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình” hay câu ca dao “Công cha như núi Thái Sơn”. Thử đưa ra vài con số cho vui chuyện. Thái Bình Dương rộng hơn 165 triệu cây số vuông, hay là 64 triệu miles vuông, lượng nước bằng 50% lượng nước trên toàn địa cầu, chiếm 28% bề mặt trái đất, rộng lớn hơn tất cả đất đai của trái đất gộp lại. So với nước Mỹ thì biển Thái lớn gấp 15 lần. To lớn như vậy nhưng ngày nay người ta vượt Thái Bình Dương là chuyện nhỏ. Cho nên biển Thái tuy lớn nhưng không thể vượt được lòng mẹ bao la vô bến vô bờ. Núi Thái Sơn ở trung bộ tỉnh Sơn Đông bên Trung Hoa cao chỉ có 1500 thước tây, thua xa độ cao 8850 thước của núi Everest trong dãy Hi Mã Lạp Sơn. Tường Thái Sơn cao lắm, nhưng chỉ cần bước lên 7000 bậc đá, trung bình mỗi bậc mất một giây, vừa đi vừa nghỉ thì trên dưới 2 tiếng là ta lên tới đỉnh núi Thái Sơn rồi, nào có cao lớn hùng vĩ gì đâu! Chắc chắn núi Thái cũng không thể so sánh được với công cha. Thực tế là không ai lấy thước mà đo được lòng cha mẹ. Kinh Tăng Chi I, đức Phật dạy rằng: Nếu ta suốt đời cõng mẹ 1 bên vai, cõng cha 1 bên vai, từng giây săn sóc miếng ăn, giấc ngủ, nâng niu, đấm bóp... dù cha mẹ có vài tiểu tiện

trên vai, thì nếu ta có sống tới trăm năm cũng không trả hết công ơn cha mẹ.

Có một người thợ điện bên Ấn Độ không biết có đọc những lời trong Kinh Tăng Chi I trên đây hay không nhưng anh đã có hành động tương tự như vậy ở thời điểm bây giờ. Tin tức này tôi vừa đọc trên net sáng nay. Anh thợ điện ở New Delhi tên là Sanjay Kumar, 42 tuổi, đã thực hiện lời tự hứa là sẽ phụng dưỡng cha mẹ suốt quãng đời còn lại của mình. Cha 95 tuổi, mẹ 80 tuổi. Cha mẹ anh ước muốn đi tắm nước sông Hằng ở Haridwar, anh để cha mẹ nặng tổng cộng 115 kg lên 2 đầu quang gánh thực hiện chuyến hành hương đường bộ gập ghềnh, trơn trượt dài 216 cây số. Nếu anh Kumar trên đây không đọc kinh Tăng Chi I thì quả là anh có tâm Phật.

Công ơn cha mẹ vô cùng trọng đại nên thực hành chữ hiếu chính là làm điều thiện, và sự bất hiếu chính là điều ác. Kinh Nhẫn Nhục có mô tả:

"Cùng tốt điều thiện, không gì hơn hiếu,
Cùng tốt điều ác, không gì hơn bất hiếu".

Cũng có người dưỡng nuôi cha mẹ, nhưng tính tháng tính ngày: “Mẹ nuôi con quăn chi ngày tháng, con nuôi mẹ tính tháng tính ngày”. Vế thứ hai tưởng như là chuyện không hề có! Thật trớ trêu!

Người không biết lấy chữ hiếu làm đầu thì dù người có làm hàng trăm việc tốt thì cũng như không: “Nhơn sanh bách hạnh hiếu vi tiên”.

Nhớ ngày trước học Nhị Thập Tứ Hiếu, nghe chuyện ông Ngô Mạnh Tông thấy ông này thật là đại hiếu nên hâm mộ ông mà học thuộc bài này cho đến nay còn nhớ: Ngày đông tháng giá, ngài Mạnh Tông nằm trên đất khóc cho đến khi đất ẩm nứt ra mụn măng non để dâng lên mẹ đang yếu đau mà thêm canh măng. Nay hiếu ra thì lòng hiếu thảo ấy cũng chưa đi đến đâu so với tình mẫu tử của Ngô lão bà:

Giữa bình địa, phút giây bỗng nứt
mấy rò măng, mặt đất nồn xanh
Đem về nấu được bữa canh
Ăn rồi bệnh mẹ, lại lành như xưa
Cho hay hiếu động cao dày
Tình sâu nên khóc, cỏ cây cũng tình...

May mà ngài Mạnh Tông còn mẹ để báo hiếu. Trên đời này có biết bao người đã lỡ dịp; khi nhớ lại thì đã quá muộn. Mẹ già như chuối chín cây, gió lay mẹ rụng, con thì mồ côi. Mồ côi tội lắm ai ơi, đói cơm, khát nước con thờ cây ai” hay: “ Còn cha gót đỏ như son, mất cha đi sớm về hôm một mình”. Ca dao đã ràng ràng như vậy. Tục ngữ cũng nói rằng: “Con có cha như nhà có nóc”. Có một chuyện đạo nói về công cha nghe thật

thăm thía. Chuyện kể một anh chàng thua lỗ nợ như chúa chõm, khi chết Diêm vương cho làm con trâu để trả nợ, hắn không chịu làm trâu mà muốn làm cha người chủ nợ. Diêm vương thắc mắc, hắn trả lời: Làm trâu đời sống chỉ có chín mươi năm, không đủ để trả nợ. Xin để con phải làm cha ông ấy để chăm sóc ông ấy đến già, rồi tiếp tục lo từ cái ăn, cái mặc, dạy dỗ điều hay lẽ tốt cho con cháu ông ấy; cho đến hết đời cũng chưa chắc trả hết nợ. Câu chuyện cho ta thấy người cha hết lòng lo cho con rồi lo cho cháu, chắc... Công ơn ấy lấy gì mà so sánh được.

Dù có biết mà tận tụy báo hiếu cũng không khi nào đủ. Phật đã dạy:

“Có 2 người trên đời mà ta không bao giờ trả ơn được, đó là cha mẹ”. Người con hiếu chỉ có thể thi ơn nhưng không thể trả hết được. Càng nghĩ đến công ơn đáng sinh thành mà càng thương, càng nhớ:

Tám mươi năm Má sống với đời

Nhận tân khổ, dành sướng vui cho con cháu

Gang chân nứt, da nhăn nheo, rướm máu

Bàn tay chai, khô sạm, sần sùi

Lưng gập cong, da mặt trở đồi mồi

Bao thay đổi dần lên màu tóc Má.

(“MÁ TÔI”, Lê Cần Thơ)

Dù Mẹ đã ra đi nhưng cái dịu dàng, đầm thắm của Mẹ vẫn ẩn tàng trong sắc hoa màu tím để mỗi lần nhìn hoa tím là thấy Mẹ đang ở bên mình:

Bao giờ trong quảng đời hiu quạnh

Bãi cỏ đời tôi lúc úa vàng

Mẹ tôi như sắc hoa màu tím

Lấn vào vạt cỏ buồn mênh mang

("Mẹ tôi hoa tím giữa mùa Xuân", thơ Nguyên Nhung)

Không có đóa hoa hồng nào trên áo, nhưng trong lòng tôi, mỗi mùa Vu Lan, mỗi ngày Mother's Day, hay ngày Father's Day... tôi có cảm nghĩ hiện giờ màu đỏ, màu trắng của hoa hồng pha trộn nhau thành cầu vòng rực rỡ ẩn hiện những nụ cười, lòng thương yêu, sự hy sinh, tính cần cù, nhẫn nại, chịu khó... của cha mẹ tôi trộn lẫn với niềm hạnh phúc của tôi đã được một lần làm con của các Người. Cho nên qua thời gian, tôi đã dần dần nhạt đi nỗi buồn mất cha mẹ, nhưng lòng tiếc nuối thì không trôi đi mất vì không còn cha mẹ để phụng dưỡng. Càng đi cuối đường đời, càng thăm thía với mấy câu thơ của nhà thơ Đỗ Trung Quân:

Cuộc hành trình thăm lặng phía hoàng hôn

Con sẽ không đợi một ngày kia có người cài lên áo cho con

Một nụ hồng bạch

Mới thảng thốt nhận ra mình mất mẹ.

Mùa Vu Lan này, cũng xin đốt nén trầm hương nhớ ơn Cha Mẹ của mình và của người.

Mùa Vu Lan 2010

Trần Bang Thạch

Như Phong

Mùa lá chết

Cảnh khô
sương trắng
sân đầy lá
mây xám ngang trời
mưa bụi bay
em ngồi hong lại vùng tóc rối
ta nhấp ly sầu
trắng bàn tay
Đêm nay
lá rụng sao nhiều quá
rụng xuống cuộc đời
theo gió bay
môi em run run màu của lá
trời đất giao mùa
buốt trên vai
Đêm nay
gục xuống đời
trăn trối
nửa trái tim khô
bỗng nghe đau
ngoài sân xào xạc
mùa lá chết
ta trắng mắt ngồi...
vẫn còn say

Em ơi!

Sao vẫn xót xa

Ngẩn đầu nhìn
nửa vầng trăng khuyết
đứng soi gương
khuyết nửa đời ta
mới hay
đời thoáng qua như mộng
trăm năm
sương khói
mưa sa
ta giũ phong trần trên vai áo
mộng vỡ bao lần thuở hoa niên
đã từng lập chí ngàn năm
vung ba thước kiếm
dời non
lấp biển
thì ra ôi!
mộng giữa ban ngày
chén rượu này
ta mời bạn cùng say
và đêm nay
ta mời trăng đối ẩm
có buồn chẳng nữa mảnh trăng già
mà ta thấy buồn rơi trên tóc
còn sân si chồng chất
làm sao đến được núi Phở Đà
đã biết rằng
tới đây ở tạm
mà em ơi!
Sao vẫn thấy xót xa

Lộn ngược

ngẩn đầu
nguyệt khuyết treo ngang
nâng ly đối ẩm
ngõ ngang nhìn nhau

em từ thượng giới
trắng phau
ta
từ tục địa
nhuộm màu tục nhân
càn khôn còn mãi xoay vần
nên khi lộn ngược
trắng
đen
vẫn là
co mình nằm giữa Ta Bà
phân hai ranh giới
cũng là
âm
dương
gát chân
nói chuyện yêu đương
thì cho hợp lẽ vô thường đó thôi
nên ta
đốc hết một đời
yêu em cho kịp
kéo trời nổi cơn
nắng mưa
chuyện của càn khôn
yêu em
trút bỏ thân hồn của ta

Kim Oanh

Nhạc tàn thơ chết đời hoa
(Cảm tác Nhạc Đàn Thơ Hát Đời Hoa
của tác giả Phạm Tương Như)
Chưa tiễn ai đi thuyền vội nhỏ
Hồn sầu lòng mảnh vỡ chìm sâu
Tình chưa mới âm u nguyệt lộ
Nhờ ai kia chôn hộ tình đầu
Cung ý nhạc chưa khơi sao lạc?

Mực chưa hòa tím lịm màu hoa
Tay không ấp trôi chiều mây giạt
Phiếm đường chùng giọng bạc lời đau
Chim vút bay không nơi nương náo
Áo trắng màu ngơ ngáo tình vôi
Đời lặng cô, suốt mùa giông khó
Bỏ đời chân dặm gió nổi trôi!...
Tay cố nắm nhưng làm sao tới
Huyết mộ sâu bóng tối mênh mông
Hương cố ôm áo nhòa chói với
Ngày dần qua dáng mới long đong
Đời hát ca! Nụ cười lợt lạt
Nhạc trời cao khao khát trời hồng
Rượu thơm nồng hương lòng phiêu bạt
Rơi lũng sâu ... dáo dạt.... hư không!
Rừng lá thu mưa
Lá kia rơi rụng đi mô?
Phủ đầy trên những nấm mồ xa xưa
Chừ nghe rừng lá thu mưa
Ai ơi có tiếc tình vừa vút bay?
Dưới lòng cỏ lạnh sương mai
Hồn miên man ngủ vùi say bạc đời
Bình minh ló dạng mây trôi
Hồn lay theo gió lên đồi Thiên Thai
Trạm nhớ đầu
Anh vẫn nhớ mùa thu năm cũ
Chuyến xe lam đưa khách qua cầu
Câu hỏi nàng trong dạ khắc sâu
Sao nỡ để tình đầu lỗi nhịp?
Xe lăn bánh đi xuôi về ngược
Trời chợt mưa, nắng chẳng hề đâu
Anh vô tình trời đổ mưa Ngâu
Nên duyên thắm hai đầu Ô Thước
Trách ai làm tình nhạt phai màu
Trạm nhớ đầu... xe lam một chuyến
Tơ không giăng dây đàn chùng phím

Gõ cung sầu... tri kỷ về đâu???

Anh phiêu bạt cuộc đời mây gió

Em âm thầm vàng vố chiều thu

Anh tung bay vào chốn sương mù

Em về đâu? Đường đời muôn ngõ

Em chờ đợi bao mùa mưa đổ

Nẻo sơn khê mong bước anh về

Dòng đời thay đổi, lìa xa quê

Quanh em sông núi bốn bề...

Ngổn ngang!

Phan Các Chiêu Hằng

Những mùa trăng tan

Lúc đến quầy của hãng hàng không để lấy vé máy bay và gửi hành lý, tôi ngần ngừ do dự được năm phút. Năm phút ngắn ngủi phù du. Năm phút là thời gian dài nhất mà lý trí tôi chịu vượt vai góc đầu gối dậy làm việc, kể từ ngày tôi yêu chàng.

Cô thư ký sau quầy tươi cười niềm nở. Một dấu hiệu tốt. Kể từ ngày tôi yêu chàng, tôi cũng đâm ra hay để ý đến những "dấu hiệu", như để trấn an hay thuyết phục chính mình là mọi việc rồi sẽ êm xuôi tốt đẹp, xuôi chèo mát mái. Cô thư ký hỏi:

Cô có thể cho tôi xem bằng lái xe?

Tôi móc bóp, lục soạn, lôi ra bằng lái xe cũ mềm của mình. Cái hình có dễ hơn mười năm. Tuổi mới qua hai mươi môi hồng mắt sáng. Mười năm qua tôi lái xe cẩn trọng giữ gìn, không hề bị một tờ giấy phạt, không gây tai nạn lớn nhỏ nào, nên vẫn chưa phải khăn gói đi thi bằng lái trở lại. Cứ vài năm tôi nhận được giấy báo, gửi đi cái chi phiếu vài đồng là an nhiên tự tại. Lái xe thì tôi ngó trước ngó sau, cẩn thận đường hoàng như vậy đó, mà sao tôi lèo lái cuộc đời tình cảm của mình như kẻ say rượu ngất ngư. Cứ đụng vào bên phải, tông qua bên trái, leo lên lè cao, nhào xuống hố sâu. Đường xa lộ thênh thang thẳng tắp tôi không thêm đi, cứ hiên ngang chui đầu vào mấy ngõ cụt, đường cùng, nên không trầy trụa mình mẩy vì len lách thì cũng u đầu sút trán vì đâm sầm vào tường vách, nhà phố. Tôi đã nỉ non than thở với chàng:

Anh ơi, em biết rồi mình sẽ cùng anh nắm tay rơi xuống chín tầng địa ngục. Vậy mà sao em cứ tần ngần đứng đó. Bỏ không được, đi không đành...

Chàng cười, phân tích:

Ừ, thì tại em hiền lành thương người. Em sợ anh cô đơn. Em mà bỏ anh thì em sẽ được lên thiên đàng. Còn anh thì chắn chắn phải xuống địa ngục. Địa ngục và thiên đàng xa

xôi cách trở nhau lắm, cung ời. Không có điện thoại. Không fax. Không modem. Không email... Đúng là mịt mù tăm tích.

Rồi chàng vuốt tóc, xoa đầu tôi, tỉ như tôi vẫn còn là con bé con ngây thơ, ngoan ngoãn năm nào.

Cô thư ký trao trả lại bằng lái xe, đưa cho tôi giấy vé máy bay trong phong bì, cười tươi tắn:

Cô đến cổng A6. Giờ bay là 1 giờ 6 phút. Chúc cô đi đường bình an.

Tôi mỉm cười cảm ơn, bỏ giấy tờ vào ngăn ngoài của sắc tay. Một giờ sáu phút. Tôi vẫn hay tự hỏi cách sắp xếp giờ giấc của hãng hàng không. Cái gì mà một giờ sáu phút, hai giờ mười hai phút, ba giờ mười tám phút. Chỉ làm cho mọi chuyện có vẻ thêm lộn xộn và khó nhớ. Trong khi đó, theo kinh nghiệm của tôi, nếu máy bay cất cánh trong vòng một giờ đồng hồ như họ dự định là cả một chuyện đáng mừng.

Tôi xuống cổng A6, tìm một chỗ ngồi. Đồng hồ trên tay chỉ mười hai giờ rưỡi. Chắc sự chờ đợi cũng không lâu. Tôi vẫn yêu không khí nhộn nhịp ở phi trường, nhất là nhìn ngắm cảnh thân nhân đi đón nhau. Những nụ cười. Những vòng tay ôm. Những giọt nước mắt mừng tủi. Tôi và chàng đã sống qua nhiều bận đón đưa nhau như thế này trong mười năm qua. Vậy mà cũng không sao làm quen được với những tâm trạng bồi hồi níu kéo.

Tôi nhìn ra phi đạo. Nắng trưa oi nồng như bốc khói. Những người phu đang chất hành lý lên phi cơ, cử động nhịp nhàng một cách máy móc. Tôi mở tờ báo ra, cố đọc nhưng rồi vẫn nuốt không trôi chữ nào. Những hàng chữ mực đen nhập nhòa hỗn độn. Tin về cuộc khủng bố nơi một thành phố bên Trung Đông. Nạn đói kinh hoàng ở Phi Châu. Chuyện khai thác rừng thừa thải ở Nam Mỹ. Tôi xếp báo lại. Toàn những tin không may làm mình thêm chán đời.

Lúc này tôi hay thở ra thở vào. Chàng gọi tôi hôm qua, giọng ân cần lo lắng trên điện thoại:

Dạo này em làm sao vậy? Sao lúc nào cũng có vẻ buồn buồn. Em vẫn ăn ngủ đều đặn chứ?

Tôi cười méo mó:

Em cũng không biết nữa. Anh thấy em buồn thật sao?

Chàng nói ừ, rồi hai đứa bỏ lưng ngang đó. Câu chuyện chấm dứt một cách vô duyên. Tôi kêu thầm trong lòng. Anh ơi, anh hỏi làm chi khi anh không sẵn sàng nghe câu trả lời của em. Có phải anh sợ nếu chờ thêm lâu chút nữa, em sẽ lôi ra trăm ngàn lý do đã khiến nụ cười em ngày thêm gượng gạo héo hon, mà lý do nào cũng dính liền một tên anh trong đó? Tôi lục đục ra vào trong căn nhà nhỏ của mình những đêm không ngủ

được. Tôi ca hát ngêu ngao một mình, nhai đi nhai lại một điệp khúc cũ mèm "pour un regards, tu as voulu partir...", đến đôi Thư phải la lên:

Mi không ngủ thì để cho người ta ngủ nghê một chút. Muốn than trách ai thì tìm người đó mà than trách. Tại sao ta cứ phải chịu làm nạn nhân của những cơn mất ngủ của mi?...

Nói hung hăng như vậy nhưng Thư luôn luôn là người bạn tốt. Hai đứa đã thân thiết với nhau từ ngày còn ở trung học, từ ngày còn tóc bom-bê ngắn ngủn, xúng xính trong chiếc áo dài trắng đầu đời. Thư "già" hơn tôi ba tháng, và lùn hơn tôi nguyên cả một cái đầu. Nó hay gọi tôi và nó là Lý Toét, Xã Xệ. Tôi ghét cái tên này, chê nghe không thơ mộng, lãng mạn chút nào. Thư trề môi nhếch máng tôi:

Xí. Tối ngày cứ thơ với mộng như mi nên mới khổ đời.

Tôi và Thư cái gì cũng trái ngược nhau. Tôi sống mơ mơ màng màng bao nhiêu thì Thư thực tế bấy nhiêu. Thư thích nấu nướng nhưng không để ý đến chuyện trang hoàng nhà cửa. Còn tôi mà không có Thư ở chung thì chắc chỉ có nhà cửa đẹp để vén khéo, cây cảnh tươi mát, mà bếp núc thì lạnh tanh ám khói. Thư hứa hôn với một anh chàng cũng hiền lành tử tế lắm như nó. Tôi dám chắc hai người đã vạch ra luôn chương trình mai mối sẽ cho con đi học đại học nào. Thư vẽ một đường thẳng băng tiến đến tương lai, rồi cắm cúi bước tới không thèm ngo ngoàng ngoác. Tôi khâm phục cái nhìn rõ ràng của Thư, nhưng không muốn sống cuộc đời đầy qui củ như Thư. Dù tôi cũng không biết mình muốn gì. Cuộc đời tôi xoay quanh quỹ đạo của chàng. Vui buồn theo con nước ròng nước lớn của hành tinh chàng. Chắc tại vậy nên càng ngày tôi càng mất ngủ thường xuyên.

Tôi không nhớ mình bắt đầu để ý đến sự hiện diện của chàng từ lúc nào. Mà chắc lúc đó tôi phải còn nhỏ lắm, cỡ sáu bảy tuổi là cùng. Chàng là bạn thân với ông anh lớn của tôi, bạn đầu từ hồi mới vào trung học. Nhà chàng cách nhà tôi một con đường. Trong tỉnh lỵ nhỏ bé mà tôi đã sinh ra và lớn lên, một con đường có nghĩa là cách nhau vài trăm thước. Nhưng mà trong thế giới trẻ con của tôi, vài trăm thước là xa xôi lắm, xa xôi như mười hai năm cách biệt giữa tuổi tôi và tuổi chàng. Chàng hay đến nhà tôi học hành, đàn địch, tán dóc với các anh của tôi. Tôi để ý đến chàng vì chàng có vẻ chịu khó chiều chuộng tôi nhất, trong đám con trai mới lớn đó. Mỗi lần đến nhà, chàng hay khom lưng xuống, mời mọc:

Hạ có muốn hái ổi hay trứng cá thì leo lên lưng anh, khỏi mất công leo cây làm chi cho kiến cắn.

Một lần chàng bắt gặp tôi ngồi trên thềm nhà tắm tức khóc, chân căng sưng vù vì leo cây bị kiến vàng cắn. Hết chuyện cho tôi nhảy phóc lên lưng chàng để hái ổi, hái ổi.

Chàng lại vuốt tre làm một cây lồng xinh xắn cho tôi:

Khi nào không có anh thì lấy cái này mà thọc hái.maven ổi. Đừng leo cây nữa. Con gái không nên leo trèo, vừa bị kiến cắn, vừa rách quần rách áo.

Những ngày luyện thi tú tài, chàng gần như ăn ngủ ở nhà tôi. Ba má tôi thuộc vào hàng hiếu khách, lại chiều chuộng con cái, nên nhà tôi lúc nào cũng tấp nập bạn bè thức đêm rờn rã để học thi, uống hết ly cà phê này đến ly cà phê khác. Khuya, nhiều khi muốn đỡ căng thẳng thần kinh, các anh lại rủ nhau ra sân đàn hát một hồi. Tôi đã đắm chìm vào những giấc ngủ chập chờn trong tiếng đàn hát lênh đênh ngọt ngào đó. Những Sérénade, những Célèbre Valse lãng đãng trôi vào đêm sâu mịt mùng, hóa thân thành những cọng rêu xanh bám đầy trên ghềnh thác chập chùng của đường tìm về ký ức sau này.

Rồi chàng và anh tôi cùng lên thành phố, tiếp tục vào đại học. Những mùa hè trở về tỉnh để học thi, chàng vẫn tìm đến túc trực ở nhà tôi như năm nào, cùng quây quần học hành với những người bạn cũ. Các anh hay rủ nhau ra vườn sau, trải chiếu nằm học dưới tàn cây măng cụt lao xao hoa nắng. Tôi cũng chiếm một góc chiếu, mượn viết màu xanh đỏ tím vàng của chàng để tô tranh, vẽ hình. Chán, tôi lại lang thang đi hái hoa ngâu, hoa lài về trải đầy trên chiếu. Đôi khi tôi mệt mỏi ngủ quên, tóc tai vương đầy những cánh hoa úa nhàu tơi tả. Chàng gọi tôi là "cộng chúa ngủ trong vườn". Nhà tôi trồng nhiều hoa ngâu, hoa lài để hái bán cho tiệm trà của người Tàu dưới phố. Tôi không biết uống trà, nhưng mê hoa ngâu, hoa lài từ dạo đó. Những nhánh hoa ngâu óng ả vàng tươi, mỏng manh như chùm trái lựu. Những nụ hoa lài trắng muốt thơm ngát hương về đêm. Tôi hay lẻo đẻo theo ba ra vườn lài mỗi chiều sau khi những công nhân hái hoa đã về hết, lựa chùng đầy một nắm tay những đoá hoa còn hơi búp. Tôi bắt chước ba, cũng bụm tay lại, đi tới lui, vừa đi vừa hít thở mùi hương nhẹ nhàng trong tay, rồi mang hoa về phòng để lên đầu giường ngủ mỗi tối. Khoảng nửa đêm, hoa lài bắt đầu hé nở, tỏa hương thơm nồng nàn khắp phòng. Hương hoa lài, hòa lẫn với mùi hương dạ lý thoảng nhẹ bên ngoài cửa sổ phòng tôi từng đêm, là những mùi hương quen thuộc ứ đầy trong giấc ngủ tuổi thơ của tôi ngày đó. Tôi đã chăm chút lựa những nụ hoa tươi tắn nhất để tặng chàng, dặn dò:

Anh đem về tối để bên gối nằm. Nhớ nghe. Thơm lắm đó...

Chàng mở lòng bàn tay nhận hoa, cười cảm ơn:

Bé có tin là bông thơm thì hay có...ma? Biết đâu có cô ma xinh đẹp nào sẽ hiện về thăm anh tối nay, nhờ lòng tốt của bé.

Tôi mở to mắt nhìn chàng, nghi ngờ:

Làm gì có ma. Nếu có ma thì ba đâu có cho em để trong phòng. Ba biết em sợ ma...

Ừ, anh nói xạo đó. Ba phải biết nhiều hơn anh là cái chắc rồi.

Tôi gục gặc đầu lặp lại lời chàng:

Đó là cái chắc rồi!

Mùa hè năm sau nữa, chàng quen với chị Trà Mi. Và tôi bỏ ngang thói quen hái hoa lái đẽ cạnh bên giường mỗi tối. Không có ma quỷ nào hiện ra quấy phá giấc ngủ của tôi, ngoài những nỗi buồn không tên tuổi, không rõ nét bắt đầu lớn vồn vây quanh. Những mẩu chuyện vụn vắn trao đổi giữa tôi và chàng lại có tên người khác xen vào:

Bé thấy chị Trà Mi ra sao?

Tôi dấm dấm:

Ra sao là làm sao?

Thì bé thấy chị có dễ thương không? Đẹp không?

Thì cũng... đường được. Bộ anh thấy chị Trà Mi đẹp lắm hả?

Tôi nhìn chàng soi mói. Chàng không trả lời tôi mà ôm cây đàn guitar vào lòng, khải từng tưng, "chưa gặp em tôi vẫn nghĩ rằng, có nàng thiếu nữ đẹp như trăng, mắt xanh là bóng dừa hoang dại..." Chàng hát say sưa. Tôi ngẩng đầu nhìn mặt trăng tròn vành vạnh trên đầu, lằm thắm. Mặt trăng mà đẹp nổi gì, đặc biệt nổi gì, tháng nào không có! Còn mắt mà như bóng dừa hoang dại nghĩa là làm sao? Vườn nhà tôi có hàng hàng lớp lớp những ngọn dừa đủ loại, đủ cỡ. Tôi có bao giờ nhìn ngọn dừa mà tưởng tượng ra được đôi mắt của ai bao giờ. Người lớn sao mà rắc rối khó hiểu! Tôi lượm một cành khô, vẽ vờ lẳng quăng trên đất. Có một cái gì đó gặm nhấm trong hồn tôi. Tôi nhìn bóng mình đổ dài trên nền gạch, coi nhỏ xíu và buồn thiu bên cạnh bóng của chàng. Vậy đó, mà biết bao nhiêu năm về sau tôi vẫn bị ám ảnh bởi phút giây này, qua từng mùa trăng oan nghiệt. Mỗi lần nhìn trăng, tôi lại gợi nhớ về một góc hồn sâu thẳm của chàng mà tôi không bao giờ có thể với tay chạm đến. Có phải vì chàng đã hát "có nàng thiếu nữ đẹp như trăng..." mà tôi thừa biết rằng chàng không bao giờ gửi gắm lời hát đó cho mình?

Tiếng gọi vang trên loa, mời hành khách lên phi cơ. Tôi bỏ tờ báo vào túi xách, theo đuôi đoàn người đi vào lòng phi cơ. Chuyến bay sẽ đến Chicago trong khoảng hơn ba tiếng đồng hồ. Đổi máy bay. Thêm hơn hai giờ bay nữa là tôi sẽ gặp chàng. Sẽ có với nhau vài ngày trong thành phố ồn ào nhưng hoa lệ đó. Chàng đã nói:

Anh đã dặn nhà hàng xong rồi. Sáng thứ bảy anh vẫn còn buổi họp, nhưng sau đó mình sẽ thông thả đi ăn cơm tối ở Tavern On The Green trong Central Park, đúng theo ý thích của em.

Chịu tôi không được ở những chuyện to tát lớn lao, nên chàng cố gắng chuộc lại những sẵn sóc nhỏ nhặt. Nào khác gì ngày xưa. Anh cho người ta cả một trái tim nồng nàn tình yêu thấm thiết, mà chỉ dành được cho em một khoảng lưng cong, một bờ vai đầy trong vài giây phút để em trèo lên đó hái mật, hái ổi, để em hong vùi những ước mơ hoài

vọng đầu đời. Anh thề hứa trao dâng cả một cuộc đời cho người ta trong khi em không đi được cùng anh một đoạn đường chung cho đúng nghĩa. Tôi thở dài. Mình lại bắt đầu suy nghĩ lung tung lang tang. Bởi vậy nên đêm nào cũng loay hoay trằn trọc. Có đêm Thư chịu khó mò dây, lò dò theo tôi ra ngoài phòng khách:

Mi có muốn nói chuyện không?

Chuyện gì?

Trời đất! Chuyện gì thì mi biết rồi, đừng làm bộ ngây thơ cụ với ta. Rán thức theo mi đến lúc nửa đêm về sáng như vậy là ta đã thương mi quá sức rồi.

Tôi cười, nhìn mớ tóc dài rối rắm xoa đầy trên vai Thư:

Thôi thì rán chịu khó, để đức lại cho con cái sau này. Ta cho phép mi lấy tên ta đặt tên con đầu lòng cho mi tha hồ kêu rêu chửi rủa.

Thư đặt tách cà phê xuống bàn:

Lấy tên mi đặt cho con ta, lỡ nó lớn lên cũng điên điên khùng khùng, cũng mơ mộng tào lao như mi thì ta lại càng thêm mất ngủ nữa. Lúc đó, mới thiệt là nợ đời. Thôi, ta xin can. Chuyện mi và người ta ra làm sao nữa rồi? Có giận hờn gì nhau không đây?

Thì cũng vậy vậy. Làm gì có chuyện giận nhau. Chỉ có ta giận đơn phương hay không mà thôi, mi biết rồi...

Thư hớp một ngụm cà phê, dịu giọng:

Vậy thì chừng nào mi mới giận có đối tượng đảng hoàng đây? Hay muốn suốt đời làm người có trái tim từ bi quảng đại, tiếp tục yêu kiều tình cho không, biếu không?

Tôi nhìn Thư cười méo mó:

Nếu ta tính được chuyện đó thì đã không bị mất ngủ dài dài. Chắc có cái đinh ốc nào lỏng lẻo trong cái tim ta. Nên bộ óc của ta thì nói một đường, trái tim ta cứ đi một ngã. Nó cứ kêu tích tắc, tích tắc, chàng ơi, chàng ơi...

Thư cười, lắc đầu:

Nhà cháy đến nơi mà mi còn giấu được. Cũng là một điều hay cho mi.

Trước khi trở vào phòng, Thư đứng lại hồi lâu ở ngưỡng cửa nhìn tôi bằng đôi mắt ướt mềm:

Ta chỉ muốn cho mi biết là khoa học gia đã chứng minh người ta yêu bằng khối óc chứ không phải bằng trái tim đâu, nhỏ ơi... Mi không biết gì hết, hèn chi mi cứ lộn xộn hoài.

Chị Trà Mi xinh đẹp và hiền hậu. Ai cũng nói như vậy. Ai cũng nói chàng và chị Trà Mi xứng lứa vừa đôi. Chị đi học trên thành phố, trường Luật. Trường đại học nên thơ của "con đường Duy Tân, cây dài bóng mát..." Trong khi đó tôi đã vào trung học, ngày ngày đi bộ đang nắng đến trường mà tìm hoài không ra con đường nào có cây dài bóng mát. Chỉ có những cửa hàng, phố xá, nhà cửa nối tiếp theo nhau. Mỗi ngày tôi qua lại

hai lần, in trong óc những cảnh trí trên đường mình qua. Tòa giám mục. Ty cảnh sát. Bệnh viện. Nhà bưu điện. Đài chiến sĩ. Thương xá. Rồi trường học. Tôi đếm được đúng bốn cây sao già cao ngất, ngưỡng cửa trước ty cảnh sát, rồi thôi. Tự dưng tôi đâm ra... mất cảm tình với cái nơi chôn nhau cắt rún của mình. Tôi thua thiệt đủ điều. Thì chị Trà Mi cũng lớn lên trong tình lý này như tôi thôi. Nhưng chị may mắn đã sinh ra trước. Khi chị thành thiếu nữ duyên dáng yêu kiều thì tôi vẫn là con bé con khờ khạo với đầu tóc khét nắng, đầy vẻ rừng rú man khai. Khi chị yêu điệu thướt tha làm sinh viên đại học thì tôi và Thư chiều chiều vẫn rủ nhau leo lên cây trướng cá bên bờ lạch sau nhà, ăn một bụng thỏa thuê, rồi phân tích chuyện... tình yêu. Khi chị và chàng đổi trao thư tình nồng mặn thì tôi bị liệt vào hàng ngũ bị... sai vật:

Hạ ơi, bé đưa dùm anh cái thư này cho chị Trà Mi nghe. Có thưởng.

Em đâu cần anh thưởng.

Tôi xụ mặt cầm lá thư, đạp xe đến nhà chị Trà Mi. Chị dọn về ở bên nội, trong ngôi nhà xưa rộng lớn và âm u, lạnh lạnh làm sao. Nhưng nụ cười của chị thì lúc nào cũng ngọt ngào ấm áp:

Anh chị làm bé mất công quá. Vô nhà chơi, chị có cái này cho bé.

Chị Trà Mi bắt chước chàng, gọi tôi là bé. Không lẽ tôi cấm chị không được gọi mình là bé, nhưng tiếng gọi vẫn làm tôi muốn co rúm người lại với cái giận dữ không đâu. Tôi lí nhí:

Em phải lại nhà nhỏ bạn. Thôi em về...

Tôi quay đầu xe lại, tắt tả đạp ra khỏi cổng nhà chị. Tôi chợt nghĩ đến hình ảnh chàng đã gò lưng ghi chép bài vở cho chị sau khi nhà chị bị cháy tan hoang hôm tết vừa qua. Ngay cả trong sự mát mát, chị Trà Mi cũng vẫn may mắn hơn tôi. Nước mắt đâu đó bỗng thâm lặng ứa ra. Em đâu cần gì kẹo ngọt bánh thơm của chị. Em đâu cần gì chị phát cho chút thức ăn mọn hèn mỗi lần em làm công tác đưa thư. Thứ em cần, chị đã vô tình cướp mất mà không biết, không hay. Em đã mất những đêm ngủ vui yên bình trong mùi hương hoa lài ngây ngất. Em đã mất những mùa trăng thơ mộng từ ngày trăng mang hình ảnh chị trong mắt chàng. Nghe ngược ngạo biết chừng nào chưa, là em cảm thấy đã mất mát những gì mà em chưa hề có.

Năm tôi vào lớp mười, chàng học xong bằng tiến sĩ và bàn chuyện cưới hỏi với chị Trà Mi. Ngày cưới của hai người, tôi bỏ về quê thăm ngoại. Tôi biết mình không có tài đóng kịch, nên không dám ở lại nhà để chờ đến giờ chót mà giả vờ ngã bệnh, xin cáo lui. Tôi càng không thể xum xoe quần áo, ăn diện bánh bao như các chị của tôi để đi dự đám cưới của chàng. Chị Tố Lan cần nhằn:

Con này kỳ cục. Anh Nguyên cưng chiều mầy bao nhiêu năm nay, mà giờ tới ngày đám

cười anh mày lại dùng dùng đòi về thăm ngoại.

Chị Như Bích tỏ ra thông cảm hơn:

Thì nó lớn rồi, nó muốn đi đâu thì đi chứ. Hơn nữa, ngoại cũng đang bệnh, thôi để nó về quê hủ hí với ngoại vài ngày.

Nó về dưới đó nhõng nhẽo với ngoại thì có. Nó sẽ bắt ngoại nấu một trăm thứ chè cho coi. Con này là chúa nhõng nhẽo mà!

Buổi sáng đám cưới của chàng và chị Trà Mi, tôi nằm lì trên võng ngoài sân nhà ngoại, kéo kệt đưa võng cả ngày, lơ đãng ngắm nhìn lũ thần lẩn đuổi nhau trên trần nhà. Tôi cố không nghĩ đến những buổi tối tràn ngập tiếng cười đùa, ca hát trong sân nhà năm nào. Tôi cố không nghĩ đến những bùm tay nâng niu hoa lài trắng muốt mang tặng chàng. Tôi chìm vào giấc ngủ trưa nặng nề trong cái tịch mịch của đồng quê, trong tiếng xào xạc của những tàu lá chuối bên hiên nhà. Trong chiêm bao, tôi thấy mình lớn hẳn, điệu dàng là lướt trong áo dài gấm đỏ lấp rắc những chữ thọ màu vàng óng ả, tóc búi cao giấu vào trong khăn hoàng hậu kim tuyến lông lánh quần ngang đầu. Tôi cười tươi như hoa hồng ngậm sương buổi sớm, ngập ngừng bước đến với chàng. Tôi run run ngẩng nhìn vào đôi mắt chàng hân hoan chào đón. Nhưng sao khuôn mặt chàng cứ nhòa nhòa như chìm vào trong sương, không mang hình thù nào rõ rệt. Rồi đôi mắt chàng chợt nhòe nhoẹt loãng tan, dần dà biến hút vào màn sương đục mờ ảm đạm. Chỉ còn khuôn mặt trống không, chập chờn hư ảo. Tôi chơi vơi kêu gào. Nguyên ơi, Nguyên ơi...

Ba năm sau, tôi nghe tin gia đình chàng vượt biên. Tàu bị đắm khi vào gần đến bờ biển Nam Dương và chị Trà Mi chết không tìm được xác. Chàng thoát được vào bờ với đứa con nhỏ ôm trong tay. Tôi không biết như vậy là chị Trà Mi may mắn hay bất hạnh. Chị chết vì chị hiền lành nên sớm dứt nợ đời, hay chị bị định mệnh tàn nhẫn ra tay cướp đi những ngày hạnh phúc chưa kịp đến. Tôi đã cố tình không muốn biết tin tức gì về gia đình chàng, sau khi chị Trà Mi theo chàng rời tỉnh lỵ về nhận nhiệm sở ở một thành phố khác. Nên tôi không biết tình yêu đó có đưa đến một cuộc hôn nhân hạnh phúc như trong truyện cổ tích. Hoàng tử cưới công chúa trong một ngày hội hè linh đình trọng đại, rồi hai người sống đời đời hạnh phúc bên nhau, con cái đầy đàn, đứa nào cũng học giỏi, ngoan hiền, chăm chỉ. Hoàng tử không hề theo bè bạn rủ rê ăn nhậu. Công chúa không hề biết giận dữ cau mày, không đập ly, ném đĩa. Hoàng tử luôn ngọt ngào tình tứ. Công chúa luôn dịu ngọt tươi cười...

Tôi gặp lại chàng vài năm sau, trong một cuộc họp mặt vào ngày sinh nhật ông anh lớn của tôi. Anh Tâm ra về bí mật khi nói chuyện qua điện thoại:

Hạ sẽ có một ngạc nhiên lớn...

Mà tôi ngạc nhiên thật. Đó là lần đầu tiên tôi gặp lại chàng sau bao nhiêu

năm. Vẫn nụ cười ấm áp hiền lành. Vẫn lối nhìn xoáy hút vào hồn tôi. Đuôi mắt chàng có vài vết nhăn mờ mờ. Mái tóc chàng có vài sợi bạc lấm tấm. Nhưng trái tim tôi vẫn đập hồi hả, rồi nhịp. Tay chân tôi vẫn luống cuống, thừa thãi như ngày nào khi đứng xó rợ bên cạnh chàng. Nhưng bây giờ, ít nhất, tôi đã biết nguyên do. Chàng đứng trước mặt tôi, nghiêng đầu cười dịu dàng:

Bé Hạ của anh đây phải không? Em lớn mau thật. Anh không ngờ...

Bảy năm rồi, không lẽ anh bắt em nhỏ hoài...

Nhưng em vẫn có lối nói chuyện với anh giống hệt như ngày xưa. Có nhắm mắt lại anh cũng nhận ra giọng nói, lối nói chuyện đặc biệt của em bất cứ lúc nào.

Hình như đó là câu khen. Tôi cười lúng túng. Chung quanh là bao nhiêu khách khứa lạ, quen, mà hốt nhiên tôi bỗng thấy như chỉ còn mình mình bơ vơ. Với chàng. Chàng nắm tay tôi, hỏi han:

Đời sống của em bây giờ ra sao? Tâm nói em mới dọn về đây...

Em mới học xong thì tìm được việc làm ở đây. Sẵn có gia đình anh Tâm, anh ấy kêu em về ở gần cho có anh có em...

Buổi tiệc kéo dài đến khuya. Tôi lững đững đi trong sương mù từ nhà trước đến nhà sau, từ phòng ăn qua phòng khách. Không quen uống thứ gì khác hơn ngoài trà và nước lạnh, chút xíu champagne ngọt nồng cũng làm đầu óc tôi vật vờ ngầy ngật. Tôi bỏ đám đông, tìm lối ra sau vườn, ngồi thu người trên cái băng gỗ kê dưới gốc cây già sum sê cành lá. Mặt úp trong tay, tôi lắng nghe cơn say dịu dàng len lõi vào từng mạch máu nhỏ li ti trong người mình. Cảm giác thật bình bồng dễ chịu. Chàng tìm ra tôi trong tư thế đó, gọi khẽ:

Hạ, anh đây...

Chàng ngồi xuống cạnh tôi. Có chú chim nào đó vừa giật mình tỉnh thức, hốt hoảng bay đi làm xô động những cành lá lao xao trên đầu. Tôi ngẩng lên, nhìn vào đôi mắt chàng long lanh trong bóng tối nhàn nhạt vây quanh. Chàng thở nhẹ:

Nhìn thấy Hạ đêm nay, anh bỗng nhớ nhà kinh khủng. Anh nhớ những đêm thức khuya học bài với Tâm. Anh nhớ mùi hoa lài trong tóc em...

Tôi lao đao, chực ngã. Mùi hoa lài trong tóc em. Tức là chàng có nhớ. Dù chỉ một thoáng nào đó thôi, nhưng chàng có nhớ. Hay có lẽ chàng vẫn nhớ nhiều hơn tôi hằng tưởng. Và tôi cũng nhớ mãi đến nhiều năm về sau, lúc khuôn mặt quen thuộc của chàng ghé xuống cận kề, hơi thở chàng ấm nồng gây gây trên má, và đôi môi chàng ngọt ngào áp nhẹ lên môi tôi. Nụ hôn cuống quýt mà dịu dàng, xôn xao mà đậm thấm. Tôi nhớ toàn thân mình đã run rẩy, bàng hoàng, tê điếng trong vòng tay siết chặt của chàng. Giọng nói chàng chìm hẳn vào đêm sâu mờ mờ, vương vãi đâu đó trong dòng tóc buông, đậu khẽ đâu đó trên đôi môi mềm:

Hạ ơi, Hạ ơi...

Tôi biết chàng đã có gia đình khác. Tôi gặp vợ chàng vài lần trong những buổi họp mặt tiệc tùng ở nhà anh tôi. Người đàn bà da trắng, tóc vàng, đôi mắt xanh lơ màu thủy tinh trong suốt. Tôi trò chuyện với vợ chàng vài lần, không thân mật vốn vĩa, cũng không hoàn toàn lạnh lùng khách sáo. Tôi chỉ muốn giữ một khoảng cách nào đó để có thể gạt ngang hình ảnh của người ấy ra ngoài trí nhớ những khi tôi nằm trong vòng tay chàng, thì thầm nói chuyện yêu đương.

Tôi và chàng không thể gặp gỡ nhau thường xuyên, ngoài những cuộc điện đàm, thư qua thư lại hàng ngày trên computer. Một năm vài lần, chàng báo tin:

Anh sẽ đi họp ở Las Vegas (hay New York, paris, London, Zurich...) vài ngày. Em có thể thu xếp để gặp anh bên đó hay không? Anh sẽ dặn vé máy bay cho em...

Hết chín mươi phần trăm là tôi lại xin phép đi nghỉ hè, lại lui cui ôm hành lý ra phi trường và bay đến một thành phố nào đó trên thế giới. Chàng sẽ đón tôi ở một phi trường xa lạ, ôm tôi vào lòng, vùi mặt trong tóc tôi thì thào, "nhớ em gần điên cuồng..."

Tôi và chàng lại có vài ngày giả vờ làm vợ chồng khăng khít yêu thương. Như thế, kéo dài đã gần mười năm. Thư sót ruột nhìn tôi đắm chìm nổi trôi trong mối tình không định hướng với chàng. Chị Tổ Lan thắc mắc:

Sao không thấy mày quen với ai. Tính tới chừng nào mới chịu lấy chồng cho ba má yên tâm đây. Ai cũng đâu vô đó. Còn có mỗi mình mày!

Tôi cười cười, lay trời cho ba má tôi sống thọ trăm tuổi. Hy vọng tới ngày đó tôi sẽ biết cuộc đời mình đi về đâu. Tôi trả lời với chị kiểu huê vốn:

Em còn trẻ măng. Ở đây sáu, bảy chục tuổi người ta còn yêu nhau, còn làm đám cưới rình rang tung bừng, mặc áo đầm trắng đằng hoàng. Tình yêu đâu cần biết đến tuổi tác già trẻ. Thân xác có cần cỗi tới cỡ nào đi nữa, thì trái tim muôn đời cũng vẫn biết rung động yêu thương. Có gì đâu mà gấp gáp...

Chị Tổ Lan kêu trời:

Con này ăn nói lằng xẹt như bà khủng. Chỉ tại ba má cưng mày là đứa út ít trong nhà, nên bây giờ mày mới kỳ cục không giống ai.

Vậy chớ tới ba đứa con gái trong nhà, mà chuyện gì em cũng phải làm giống như hai chị thì còn gì là... thay đổi không khí?

Chị Như Bích lại ra tay can gián:

Thôi, cho tao xin. Đời đứa nào nấy sống cho êm nhà êm cửa. Con Lan muốn vui vẻ hầu chồng hầu con thì tự tiện. Con Hạ muốn thành gái già nhong nhong ăn chơi thì cho nó nhong nhong ăn chơi. Cái gì mà phải cãi cọ um sùm.

Chỉ có vợ anh Tâm là nhìn tôi cười ý nhị. Bà chị dâu này tinh tế và hiểu biết. Có thể là chị đoán già đoán non được điều gì đó, nhưng tế nhị nên không bao giờ đá động hỏi han

đến chuyện đời tư cá nhân của tôi. Lâu lâu, chị ân cần nhìn tôi:

Cô Hạ vẫn vui vẻ đó chứ?...

Trời, tôi đâm ra ưa giọng nói Bắc kỳ dịu ngọt sẵn đón của chị làm sao. Tôi không dám thố lộ với ai khác trong gia đình về chàng, vì không tin tưởng vào sự cảm thông của người nào. Nhưng bà chị dâu của tôi đã từng làm eo làm sách khi gia đình chị không muốn gã chị cho anh Tâm. Ba mẹ chị ở tận ngoài Đà Nẵng đã càu nhàu:

Thiếu chi người để lấy, mà đi chọn chi cái thằng ở mãi tận trong Nam xa tí mù...

Chị dọa bỏ nhà theo anh Tâm, nên ba mẹ chị phải giơ tay đầu hàng cô con gái rượu. Cái con người lãng mạn trong tôi vẫn thăm phục những kẻ hiên ngang, dám cãi lệnh cha mẹ, dám... sống chết vì tình yêu như chị.

Tavern On The Green buổi tối vẫn là khung cảnh tuyệt vời như trong trí nhớ. Trăm ngàn bóng đèn điện nhỏ xíu, lấp lánh như sao giăng được mắc đầy trên những tàn cây cổ thụ bao quanh khuôn viên nhà hàng. Vách tường và nóc nhà đều là những khung kiếng lớn, trong suốt, luôn làm cho tôi có cảm tưởng như mình đang ở giữa trời cao, lửng lơ bay bổng trong vũ trụ bát ngát mở rộng chung quanh. Buổi tối ở Central Park, ít nhất là trong vùng này, luôn luôn có một vẻ lôi cuốn quyến rũ thật kỳ quặc đối với tôi. Những chiếc xe ngựa lộc cộc gõ đều trên mặt đường nhựa, thăm lặng qua từng lối đi giữa vũng sáng đậm nhạt trong công viên. Những bóng lá chao động nhẹ nhàng, khép nép.

Buổi chiều, tôi và chàng đã ngồi trong taxi, đi một vòng thành phố. Lúc ngang qua khu Broadway, tôi bỗng nghe buồn bã đến thần thờ. Tôi đã biết hí viện Schubert không còn đó nữa, nhưng vẫn ngoái mắt trông tìm. Tưởng như còn thấy dáng dấp ngơ ngác khờ khạo của mình trong ngày sinh nhật thứ hai mươi hai, áo quần là lượt, môi cười rạng rỡ, mắt sáng reo vui, đứng bên chàng đâu đó dưới tấm marquee của A Chorus Line. Tôi nhớ đêm sinh nhật thứ hai mươi hai ngồi quán quít bên chàng ở Window On The World, nhìn mây trắng la đà đùn thấp chung quanh. Hai đứa kiên nhẫn ngồi chờ một chút cửa mây mở hé, để tôi được nhìn tòa Empire State Building uy nghi sáng rõ trên nền trời đêm. Rồi cửa mây cũng mở. Tôi cũng nhìn được tòa nhà lộng lẫy tắm đầm ánh đèn vàng rực rỡ chói chang, như nhìn thấy thiên đường trong chiêm bao. Chàng cười hồn nhiên, hớn hờ ôm vai tôi:

Thấy chưa, anh đã nói em sẽ có một ngày sinh nhật hoàn toàn. Happy birthday!...

Những ngụm champagne nồng nàn. Những môi hôn nồng nàn. Đêm sinh nhật thứ hai mươi hai, tôi trao tặng mình món quà tôi đã kiên nhẫn chờ đợi bao nhiêu năm trời. Tôi nằm ngoan ngoãn trong vòng tay chàng đêm đó, với những giọt nước mắt sung sướng long lanh lăn tròn trên má, thì thầm nói lời cảm ơn chàng. Tôi bắt đầu uống cạn những

men say ngọt ngào của hạnh phúc. Và nếm vội những mặn đắng của tình yêu.

Trên đường ra khỏi nhà hàng, chàng ghé qua cửa hàng nhỏ bên cạnh, mua cho tôi cái ly thủy tinh bé xíu với hàng chữ Tavern On The Green, viết bằng nét bút mềm lả lướt. Chàng cẩn trọng bỏ gói giấy vào sắc tay tôi:

Để em làm kỷ niệm.

Tôi nghe vai mình bỗng nặng nề, trái tim mình bỗng nặng nề. Có phải vì tôi cứ đeo mang bao nhiêu thứ kỷ niệm ngổn ngang trong lòng từ ngày yêu chàng, và vẫn còn tiếp tục gom góp kỷ niệm dọc theo đường đi? Người ta sống. Người ta yêu. Còn tôi là con nhỏ suốt đời chỉ đi nhặt nhạnh kỷ niệm, ấp ủ tàn tích. Nên thấy trĩu nặng đôi vai. Tôi bỗng nhìn thấy mình như tấm gương soi đang ở trước mặt. Tôi bây giờ có khác gì tôi bao năm về trước. Tôi chỉ đánh đổi những chùm hoa ngâu, những bùm hoa lài bằng bao nhiêu thứ linh kính khác. Ly rượu thủy tinh để nhớ một cuối tuần của mùa thu New York. Bức tranh màu nước của đường phố Paris để nhớ buổi chiều trên Mont-martre cùng chàng ngồi nhìn thiên hạ qua lại từ những bậc thềm dài trước Sacré Coeur. Mặt dây chuyền hình trái tim xinh xắn để nhớ buổi sáng viếng thăm San Marino cổ kính u trầm nằm giữa những núi đồi và thung lũng của vùng biển Adriatic. Tôi nghe tiếng mình chậm chậm thở dài. Chàng kéo cái khăn quàng bằng len, âu yếm choàng qua vai tôi:

Em làm sao vậy? Lại suy tư đến chuyện gì rồi?

Tôi im lặng, vì biết chàng chỉ hỏi, nhưng không chờ đợi một câu trả lời. Chàng không thật sự muốn biết những gì đang xâu xé trong lòng tôi. Hay có lẽ vì chàng đã biết quá nhiều. Như bao nhiêu năm về trước. Nhưng không thể nói được gì hơn bởi vì có những điều chắc tôi không muốn nghe, chẳng hạn như những mùa trắng yêu thương trong hồn chàng đã chết theo người thiếu nữ năm nào.

Phan Bá Thụ Dương

Tình khúc

nếu mai em về

1.

nếu mai em có về xóm biển

thả gió về trời cho mây bay

bên con suối ngọc mơ màng ngủ

cho tóc em nồng hương cỏ may

nước mắt mẹ -

có rơi dài đêm tối?
nỗi niềm cha –
còn u ầu tháng năm?
em – em đó sầu dâng mấy độ
ngóng trăng suông và lạnh chỗ nằm
2.

nếu mai em có về quê cũ
đánh thức đèn tôi nhánh ô môi
đang rủ sắc buồn bên song cửa
với giàn bông giấy đắm sương mai
có băng qua bãi,
băng qua suối
theo tiếng thì thầm trong khói mưa
mặc gió hững hờ rung tà áo
đã quên sầu,
hết xót xa chưa

3.
nếu mai em có về xóm biển
hãy thắp đèn tôi mấy nén nhang
cho bạn bè trên đường bỏ xứ
lỡ trầm mình dưới đáy đại dương
thắp thêm nhiều nén trên bia mộ
cho thân bằng quyến thuộc anh em
đã ngã gục qua lần tên mũi đạn
thửa chiến chinh chia cắt đôi miền
4.

nếu mai em có về quê cũ
đọc lại tình thư đã nhạt màu
mà dư lệ đã lem nhòa trang giấy
với muôn phiền chất ngát lao đao
đò qua xóm vắng ai xuôi ngược
có chở đầy trời thương nhớ không
mộng hồn nào vẫn vương tóc rối
gót chân sen em có động chiều hồng?

Dương Thượng Trúc

Chén rượu ngậm ngùi.
Nghiêng chai dốc hết ra từng giọt...
Ta uống đêm này cho thật say.
Đất ngả trời nghiêng, ta quên tuốt.
Quên luôn số kiếp kẻ lưu đầy.
Hãy nói nữa đi, thằng bạn cũ,
Nói về ngày tháng lắm gian nan,
Gạo sảy, lương khô mà thấy đủ,
Àm ầm pháo địch vẫn cười vang.
Những đêm say khướt trong nhà thổ,
Đốt tuổi thanh xuân, chén rượu nồng
Rồi mai ngất ngưỡng trên trận địa.
Thét gào man rợ tiếng xung phong.
Nhắc lại những đêm nằm gói súng,
Nhìn trăng mơ bóng Giáng Kiều xinh.
Đầm đìa sương lạnh, vai ướt sũng.
Mà ấm trong tim, một chút tình.
Còn nữa... những khi về đạo phố,
Em cười e ấp, dáng hiền ngoan.
Ôi! Bước chân son còn bõ ngỡ.
Sao hồn ta lạc chốn địa đàng.
Đời của chúng mình, người lính chiến.
Một thời ngang dọc, giữ quê hương.
Giờ mang thân phận thẳng lưu lạc.
Nhìn lại non sông luống đoạn trường.
Tình này
xin gởi khói mây
Chiều về, nắng tắt ven sông,
Một người vời vọi ngóng trông một người.
Tìm đâu cá nước chim trời.
Mong chi hạnh phúc giữa đời hỗn mang?
Yêu thương giờ cũng ngỡ ngàng.
Hẹn thề thôi cũng giữa đàng gió bay.
Ngọt ngào đâu? Chỉ đắng cay
Tình này xin gởi khói mây hững hờ.
Nhịp đập nhỏ nhoi

Bởi yêu em anh mơ thành thi sĩ.
Tập gieo vần với hai chữ tình yêu.
Để từng đêm hồn chìm trong mộng寐.
Mơ dáng hình em tha thướt mỹ miều.
Bởi yêu em anh muốn thành nhạc sĩ.
Dệt cung tơ ru giấc ngủ em nồng.
Âm thanh nào hát lên lời chung thủy.
Để ngàn sau anh vẫn mãi chờ mong.
Bởi yêu em anh mong thành văn sĩ.
Trải tình mình trên trang giấy trinh nguyên.
Những câu văn thêm ngọt ngào hương vị.
Để tình anh như giọt nước Cam Tuyền.
Bởi yêu em anh muốn làm tất cả.
Chỉ vì em và chỉ có em thôi.
Dẫu tim em có lạnh lòng băng giá.
Anh sẽ làm một nhịp đập nhỏ nhoi.

Dương Thượng Trúc
Thủy Gia Trang
Wichita KS – 2010.

Lê Hữu Minh Toán

Em cứ đi
Ừ thôi, em đi có sao đâu
Lời phân bua nước chảy qua cầu
Trắng sặc sụa co ro đáy nước
Chút vô ưu vọng động nổi đau.

Em giận ta bảo em nhún nhảy
Đâu khác chi ví với ngựa trời
Ta vốn thật không cần đưa đẩy
Có gì đâu, chua ngọt một đời.

Mưa tháng giêng ướt mềm tóc rối
Em cuối trời đắm đuối môi hôn
Ta đưa em, hồ sầu chơi với

Những tình xa, tình nhớ, tình buồn.

Em cứ đi và cứ quay về
Không níu kéo cầm bằng níu kéo
Nếu em còn vương chút đam mê
Bờ tực lụy có ta cuối nẻo...

chỗ nói đường vui
Vui để sống

Ngồi buồn suy gẫm chuyện hên xui
Sương khô trên đời cũng tại tui
Tranh chấp hờn ghen toàn vị đắng
Thứ tha nhân nhục ngát hương bụi
Nghe điều xằng bậy tai vờ điếc
Thấy chuyện thị phi mắt giả đui
Hãy cố yêu người vui để sống
Sâu đau oán hận bệnh không lui...

Yên Sơn

Lâu rồi
đời người cũng qua

Xin cười với nhau nụ cười độ lượng
Để làm hành trang khi phải ra đi
Cuộc sống hèn sang ngẫm lại ích gì
Sau khi bước chân qua cầu sinh tử.

Xin cười với nhau nụ cười thân thiện
Để khỏi đau lòng, hối hận về sau
Đời sống mỏng manh cũng sẽ qua mau
Lắm lúc xuôi tay không hề báo trước.

Xin cười với nhau nụ cười hỷ xả
Khó khăn ích gì chỉ bận lòng thôi
Lấy lượng từ bi ngăn giọt lệ rơi
Xóa thù hận bằng khoan hồng tha thứ.

Tưởng tiếc

Ai không muốn một đời chim soãi cánh
Tung tăng bay cùng đất rộng trời cao
Đêm vô cùng, đêm huyền hoặc trăng sao
Ngày tiếp nối ngày, bốn mùa mưa nắng

Có ai muốn sống một đời thắm lặng
Ở quê người mục rã với cỏ cây
Quê hương thân yêu rên xiết từng ngày
Dưới ách thống trị của loài quỷ dữ

Ba mươi sáu năm làm thân lũ thú
Bóng thời gian ôi nghiệt ngã, vô tình
Nhớ quê hương rồi soi lại chính mình
Mắt trĩu nặng cho trái sầu rụng xuống

Thế là đã gần một đời... oan uổng
Chí làm trai! Nợ cơm áo xứ người
Nhớ bầu trời xưa, tưởng tiếc, ngậm ngùi
Cánh đã gãy, vết thương còn mưng mủ.

Yên Sơn

Cù Hòa Phong

Kỷ niệm quê hương

Quanh đây trời nắng ban trưa
Vắng em vắng cả cơn mưa ban chiều
Dấu chân anh bước đi hieu
Houston nắng hạ nhớ chiều lá thu.
Bỗng dưng nhiều gió, âm u
Cơn mưa lũ tới đêm từ dấu xưa.
Em yêu viết mấy cho vừa
Đêm này bên đó là trưa nắng vàng.
Gọi em tiếng gió ngân vang,

Đậm tình non nước, xóm làng quê hương.

Thương nhau nhớ cả con đường

Em đi dẫu đất còn vương ân tình

Quê hương kể chuyện chúng mình

Sông Kôn nước biếc in hình bóng ai.

Một thời chân đất thở dài

Bước lê trên ruộng tìm vài bữa ăn.

Ngày đêm gió hú trở trăn

Thương hình bóng cũ mượn văn tả đời.

Tâm Thanh

Đám mây bên kia hồ Mjosa

Tôi không dám nhìn lâu vào đôi mắt của Gunnar, nó khẩn khoản quá. Tôi phải nhìn sang bên kia hồ Mjosa, nơi có dãy núi phủ mây trắng, dường như quanh năm. Mỗi lần có điều khó nghĩ tôi thường nhìn sang bên đó, dù đó là thắc mắc của đứa bé bảy tuổi không biết viết thư cho Ông Già No-en phải gián tem bao nhiêu, có bớt giá cho con nít không hay câu hỏi của một đứa con gái dậy thì nên mua cái áo hở ngực tới đâu.

Vấn đề hôm nay không phải là con tem, cái áo, mà tình yêu, hạnh phúc – Gunnar hỏi cưới, tôi phải trả lời ra sao. Gunnar đang tình cờ ngồi đúng cái ghế da mà ba tôi ngồi hôm đó, và tôi thì lại tình cờ ngồi đúng cái ghế da chị Lén ngồi, cái hôm kỳ cục đó. Chính ba tôi hôm đó, tại đây, đã gieo trong tôi nỗi nghi ngờ về tình yêu. Trong bao nhiêu năm nỗi nghi ngờ ấy ám ảnh trong người tôi, miên kỳ như mùi ngai ngái trên da bò.

Thế này:

Lén là chị em con dì với tôi, con lớn của dì Hoa. Chị có thân hình như một nữ lực sĩ bơi lội. Mỗi lần theo ba má tới thăm gia đình tôi, việc đầu tiên là chị tung tôi lên trời ba lần. “Nữa đi!” tôi cười khanh khách nói. Và chị tung ba lần nữa. Sau đó chị lên phòng khách ngồi nói chuyện với ba trong khi mẹ và dì Hoa vào thẳng bếp chuyện trò và nấu phở. Những người khác, như chồng dì Hoa và mấy anh chị lớn, ngồi trong phòng TV nói chuyện, uống bia, uống nước ngọt, trước cái tivi mở để không.

Tôi nhảy vào lòng chị Lén, hóng chuyện, mặc dù không hiểu lắm ba và chị Lén nói gì. Thì thường là chuyện học hành và tập aerobic của chị Lén, chuyện báo đăng chó sói ăn thịt cừu, chuyện một tên cướp ngớ ngẩn, đánh cắp bưu điện để người ta tóm cổ tại chỗ.

Có lần hai người tranh luận con bò có răng hay không, ba nói bò không răng, chị Lân nói có răng... Tôi thầm đồng ý với chị Lân rằng con bò có răng mới gặm cỏ được, nhưng tôi im lặng, nghe sau lưng thân hình nẩy nở và rắn chắc của chị, khác hẳn thân hình nhỏ và mềm của mẹ.

Trong số những người bà con bên mẹ tôi, ba tôi không thích nói chuyện với ai cả; ba chê họ nói tiếng Na-uy dở quá, mà lại hay nói to, điếc cả tai; ba chỉ thích nói chuyện với chị Lân.

Tôi để ý lúc nói chuyện với chị, ba tươi tỉnh khác thường. Chị Lân hay vuốt tóc khiến tôi buồn ngủ, tai lơ mơ nghe tiếng nói đều đều của hai người xen kẽ với tiếng cười vang trong lồng ngực to của chị Lân.

Có lần tôi nghe loáng thoáng ba đề nghị để ba tập lái xe cho chị Lân, và chị rất hào hứng, hai người hẹn ngày giờ nơi chốn. Lần khác ba khen chị Lân đẹp. Chị nói chị chẳng có cái gì đẹp. Ba nói bữa nào đi hồ tắm với ba, ba sẽ chỉ cho coi chị đẹp chỗ nào. Chị cười khanh khách nói “Có vợ rồi mà còn nói nhảm.” “Mặc kệ, giết vợ để lấy Lân tôi cũng sẵn sàng,” ba trả lời. Tôi nói hôm đó là cái hôm kỳ cục là vì thế.

Sau đó, chị Lân có đi hồ tắm với ba và có đi học lái xe với ba hay không, tôi không rõ. Chỉ biết có lần vợ chồng dì Hoa tới nhà tôi nói chuyện gì, với vẻ rất trầm trọng. Không có chị Lân. Mẹ và dì Hoa to tiếng với nhau rồi cùng khóc. Tôi chỉ hiểu một chút tiếng Việt, và chỉ nghe người lớn nhiều lần nhắc con Lân thế nọ con Lân thế kia.

Còn chữ “ông ấy” tôi hiểu là ba.

Từ đó chị Lân đi biệt tích. Gia đình dì Hoa không tới nhà tôi nữa. Tôi nhớ chị lắm, ngày tôi chịu phép Thêm Sức chị không tới dự, tôi hỏi chị đâu thì người lớn trả lời chị đang ở bên Mỹ. Nhiều năm về sau, khi bắt đầu có bạn trai, tôi mới tình cờ biết rằng chị Lân đi Mỹ thật, nhưng chỉ chừng nửa năm lại quay về, cặp với một người Thổ.

Chị sang Thổ-nhĩ-kỳ ở một năm, được một đứa con trai. Chị bị gia đình chồng ngược đãi, phải nhờ tòa đại sứ Na-uy can thiệp giải cứu về lại Na-uy. Cũng nhờ tòa đại sứ can thiệp chị mới mang được cả đứa con về.

Tôi gặp lại chị trên xe điện ở Oslo, cùng với một đứa con trai tóc quăn tít và ngổ ngáo (lúc mới gặp nó lè lưỡi nhát tôi, đến khi quen, nó giựt đứt sợi dây ngọc trai của tôi, may mà ngọc trai giả). Chị kể về mười năm luân lạc, không bi thảm lắm so với những điều tôi đã nghe qua dì Hoa hoặc người ngoài kể. Nhưng rất sôi nổi. Gặp cuộc đời sôi nổi như thế, chắc chắn tôi không chịu đựng nổi. Thấy tôi chăm chú nhìn vào cái bụng dềnh dàng, chị cho biết bây giờ chị đang ở với một ông người Bosnia cư trú bất hợp pháp; cái bầu là của ông này. Chị không nhắc gì tới ba. Tôi không hỏi ngoài thằng bé tóc quăn đang ngồi bên cạnh và đứa con trong bụng, chị còn đứa con nào nữa không.

Về nhà tôi không nói với ba má việc tình cờ gặp chị Lân ở Oslo. Ba mẹ vẫn sống

chung, ăn uống chung, đi xe chung... Tôi không muốn nếp sống ấy đổi khác đi, trở ngại việc học hành của tôi. Nhưng ba càng làm ra không có việc gì xảy ra, tôi càng thấy lộn cộn trong lòng. Trong trái tim tôi. Cử chỉ lời nói của ba đối với chị Lân khiến tôi nghi ngờ tình yêu.

---o0o---

“Cecilia! Em có nghe anh nói không?” Gunnar kéo tôi về thực tại. Tôi rời ánh mắt khỏi dãy núi bên kia hồ, quay lại nhìn Gunnar. Anh vẫn nhìn tôi chờ đợi.

“Dạ, em nghe,” tôi trả lời.

“Sao em không đáp?”

Phải, lẽ ra tôi phải vui mừng đáp “Dạ” ngay khi Gunnar ngỏ lời hỏi có bằng lòng cưới anh không. Chúng tôi quen nhau từ cuộc cắm trại chuẩn bị lễ Thêm Sức, rồi thân thiết trong nhiều năm; trong bụng tôi vẫn mong chờ giờ phút anh ngỏ lời. Nhưng tại sao khi anh ngỏ lời, lòng tôi không thể vui mừng như mong đợi?

“Gunnar! Em bối rối lắm,” tôi đáp. “Anh tha lỗi cho em, em không trả lời bây giờ được.”

“Tại sao? Có điều gì trở ngại?”

“Dạ không, hoàn toàn không.”

“Em có yêu anh không, Cecilia?”

“Anh biết là em yêu anh.”

“Vậy tại sao em không trả lời ngay mà lại bắt anh chờ đợi?”

“Em cần thời gian suy nghĩ.” Tôi vớ được một lý lẽ xem ra vững chắc. “Chúng ta phải xét xem hai đứa đã sẵn sàng kết hôn chưa.”

“Chỉ cần em hứa một lời, rồi bao giờ đám cưới cũng được,” Gunnar nói xong, ngả người ra sau. Mái tóc nâu vàng tươi của anh chạm vào chùm hoa hồng vân trắng, loài hoa mà mẹ lấy giống từ Pháp về và đặt tên là hoa ti-gôn. Bạn bè Việt Nam của mẹ có vẻ thích cây hoa này lắm; còn ba thì cười vì mấy bà Việt Nam chỉ khéo thần thoại hóa một loài hoa vô danh.

Gunnar nghiêng người về phía trước, cầm ly cà-phê.

“Cà-phê nguội rồi,” tôi nói. “Để em rót mới cho anh!”

Anh không từ chối. Tôi vào bếp đổ cà-phê cũ và rót mới cho anh. Anh uống một hớp nhỏ, hình như nóng quá, đặt tách xuống nói, giọng trở lại bình thường:

“Mình đi dong thuyền buổi trưa nghe em?”

Tôi nhìn ra hồ nói thần thờ

“Hôm nay sao nhiều buổi trưa vậy?” Rồi tôi lẩm bẩm “Tình yêu không thể coi thường

được.” Anh ngơ ngác, vì không nghe hoặc nếu nghe thì không hiểu hai câu nói không ăn nhằm gì với nhau và không trả lời vào câu hỏi của anh như thế. Hồi này tôi hay như vậy, anh cũng biết.

---o0o---

Bề ngoài tôi chỉ có vài nét giống mẹ - vành môi chúm và ngón chân cái to khác thường. Còn màu tóc nâu, màu mắt xanh, nước da trắng tôi giống ba. Tuy nhiên mẹ tôi thường hãnh diện nói với bạn bè, “Nó Việt Nam lắm!”.

Còn tôi lại lo sợ giống mẹ, sợ chung số phận đàn bà với mẹ.

Tôi ghét sự cúi đầu chịu đựng của mẹ. Đáng ghét nhất là tôi cảm thấy đúng như mẹ nói – tôi có tâm hồn Việt Nam (Việt Nam là cái gì thì tôi chưa xác định được).

Dì Hoa kể mẹ tôi là cô gái đẹp nhất trong số những người tị nạn Việt Nam đầu tiên tới Na-uy. Mẹ đẹp và dễ thương tới nỗi có một ông thuyền trưởng ngày nào cũng mang quần áo, thực phẩm tới trại tạm cư để được nhìn mẹ, nói vài câu tiếng Pháp với mẹ. Hôm nào mẹ đi học tiếng Na-uy về trễ, ông cứ ngồi trong phòng khách, bồn chồn chờ đợi.

Có lần cô giáo đưa cả lớp đi coi nhà bảo tàng rồi đi picnic, ông chờ lâu quá, buồn tay, đem cái giỏ mây của mẹ đan giỏ ra nghịch.

Bây giờ mẹ và dì Hoa cứ còn tiếc nuối cái thời người Na-uy quý người tị-nạn Việt Nam như vàng, con nít ra đường họ cho tiền, người lớn lên xe công cộng đôi khi họ cho đi miễn phí, các hội từ thiện thay phiên nhau tới ủy lạo. Ông thuyền trưởng buồn tay đan hết mấy cái giỏ mây mà hội Hồng Thập Tự bày ra cho các bà các cô trong trại làm để có thêm chút tiền túi; bắt đầu bằng cái giỏ của mẹ, rồi sang mấy cái của các bà khác.

Các bà về thấy thế, cười ré lên, các cô hát bài “Anh là thủy thủ”. Ông không hiểu tiếng Việt nhưng biết bị chế diễu, mắc cỡ, nói với nhân viên trực trại “Xin lỗi, tôi quên!” Các bà các cô chưa tha, hỏi “Quên cái gì?”, rồi lại cười ré lên. Nhưng không bao giờ ông quên mẹ.

Sau khi mẹ lấy ba, ông vẫn chưa lấy vợ. Vài người quen Việt Nam tò mò hỏi, ông trả lời thẳng “Tôi chỉ yêu Hương thôi.” Hương là tên mẹ tôi. “Vậy chứ sao hồi đó ông không nói sớm?” một người cắc cóc hỏi ngay trong đám cưới mẹ. Ông trả lời “Tôi tưởng tình yêu không cần nói bằng lời.” Lại có người hỏi “Hồi đó sao ông biết cái giỏ nào là của Hương?” Ông trả lời “Biết chứ, nó thơm và đẹp.”

Vậy mà hai người không lấy được nhau – chỉ vì một người ít lời một người giữ ý. Ba tôi thì dư lời.

Ba tôi gặp mẹ lần đầu khi mẹ đi lãnh tiền ở ngân hàng mà quên đem căn cước. Mẹ đứng năn nỉ với cô nhân viên ngân hàng “Bây giờ tôi về lấy giấy căn cước trở lại thì ngân hàng đóng cửa mất tiêu rồi. Xin cô tin tôi một lần đi. Tôi là người lương thiện mà!” Sự kiên nhẫn của cô nhân viên ngân hàng chỉ làm cho cuộc nói chuyện kéo dài thêm, chớ không cho phép cô vượt qua thể lệ. Bỗng một người đàn ông từ văn phòng đi ra, thấy mẹ, dừng lại nghe cuộc đối thoại. “Ông ơi!” mẹ kêu cứu. “Có việc gì vậy, thưa cô?” ông hỏi. Mẹ nói “Ông! Ông làm ơn bảo đảm cho tôi là người lương thiện được không?” Ông mặc đồ lớn đó nghe mẹ nói, bật cười, đưa bút ký tắt vào ô “Căn cước” trên tờ ngân phiếu. Mẹ lãnh tiền xong, nhìn vào trong, thấy ông mặc đồ lớn còn đứng ở cửa văn phòng nhìn ra, gật đầu mỉm cười. Mấy tháng sau, tình cờ, trong một buổi tiệc hội Lion khoản đãi người tị nạn Việt Nam, ông giám đốc ngân hàng gặp lại “cô gái lương thiện” lộng lẫy trong chiếc áo dài. “Trên đời tôi chưa thấy ai đẹp như cô. Tôi muốn cưới cô,” ba nói sau nửa giờ nói chuyện.

Sau khi chị Lân bỏ nhà ra đi một thời gian ngắn (lúc đó tôi bắt đầu học lớp năm tiểu học), ba tôi quen bà Bodil mà ba bảo tôi phải kêu bằng tata. Không có một thỏa thuận nào, dù thầm kín, nhưng tôi vẫn coi những buổi đi chơi nhà tata là việc hoàn toàn riêng tư giữa ba với tata, không liên quan gì tới mẹ, không cần kể với mẹ.

Nhà tata lại hấp dẫn hơn, sẵn đồ chơi, nhiều phim hoạt họa, và có con chinchilla. Khi tata mua thêm con nữa thì hai con làm chuyện trống mái tự nhiên trước mặt mọi người. Một lần, vuột ve bỗng bé con chinchilla mềm mại lù đù mãi cũng chán, tôi định xin ra ngoài đạp xe với lũ trẻ trong xóm. Mở cửa phòng ngủ, tôi thấy ba nằm chung giường với tata. Tata một tay kéo mền che ngực, tay vẫy tôi lại, mi một cái, rồi xua ra ngoài. “Người lớn không khác gì mấy con chinchilla,” tôi nghĩ trong khi thả xe phăng phăng xuống giốc.

Khi tôi thành con gái lớn, ba ít rủ tới chơi nhà tata, nhưng tôi biết hai người vẫn đi lại mật thiết. Tôi cũng bắt đầu cảm nhận ra rằng mối liên hệ giữa ba và tata là một việc thầm lén, nhưng không có cam đảm mách mẹ, sợ mẹ rầy sao không nói sớm. Tôi bỏ qua câu chuyện một bên luôn.

Ông nội tôi rất giàu, có để lại cho ba một hòn đảo riêng, trên có hai cái nhà nghỉ mát, có bến tàu riêng. Ba nói sẽ chia đôi, cho tôi một nửa, một nửa cho hai người anh cùng cha khác mẹ của tôi. Mùa hè năm đó, ba hỏi mẹ có ra đảo chơi không, mẹ bận đi ăn thôi nôi con một gia đình Việt Nam. “Vậy anh đi với con Cecilia,” ba nói, và sửa soạn lên đường ngay. Ba hồi hải quạ xe lên đón tata cùng đi.

Tôi thấy tata làm tóc mới và diện quần áo đẹp, trông trẻ trung như một cô gái. Đi hơi vội, nên mặc dầu mẹ có chuẩn bị đồ ăn cho cha con, nhưng lại quên nhét theo cái áo thun của mẹ. Tôi có cái tật phải kê mũi vào cái áo cánh có hơi mẹ mới ngủ được, dù đã mười lăm mười sáu tuổi đầu.

Tối hôm đó, không có cái áo cánh, tôi nằm trần trọc hoài, nghe con thuyền va kênh kạch vào cầu tàu. Mặt trời không chịu lặn, mấy con hải âu cũng không chịu đi ngủ, cứ kêu réo ngoài ghềnh.

Cuối cùng tôi nghĩ ra một điều: tôi đổi sang cái phòng ngủ bữa trước mẹ nằm, có thể còn hơi mẹ. Phòng này sát vách phòng ba và tata. Qua vách gỗ, tôi nghe rõ hai người trổng dõn bên kia và trong những lời trổng dõn có câu nói của ba “Giết vợ để lấy em, anh cũng sẵn sàng!” Tôi khóc nghẹn ngào.

---o0o---

Gunnar cột giầy buồm, lại ngồi bên tôi, nói:

“Nếu không lấy được em, anh thà chết dưới hồ này!”.

Hai người đàn ông quan trọng nhất trong đời tôi, người thì đòi giết vợ để đi phiêu lưu, người thì đòi chết nếu không được gắn bó. Bề nào chẳng nữa, tình yêu của họ là giông bão, hủy diệt. Lòng tôi không yên ổn.

Một lần nữa tôi trì hoãn:

“VẬY MÌNH SANG BÊN KIA HỒ ĐI, GUNNAR NHÉ!”

Tôi nhích sang bên, nhường tay lái cho anh. Dãy núi bên kia thấp nhô trên đám mây như con tàu khổng lồ trôi trên sóng bạc.

Thuyền buồm băng qua hồ và trở về bình an; như thường lệ. Sự bình an này trước nay tôi không để ý. Thấy tôi về, mẹ ôm chầm lấy mà khóc:

“Con đi đâu vậy? Ba bị bệnh vô nhà thương rồi!”

“Ba bị gì vậy, mẹ?” tôi hoảng hốt.

“Mẹ không biết. Ba mẹ đi phố về, ba kêu mệt đi nằm. Mẹ làm bếp xong vào phòng coi ba thì nghe ba ú ớ, rồi im luôn, mẹ hỏi, lay không trả lời. Mẹ kêu xe cứu thương...”

Chúng tôi vào nhà thương, thấy ba đã tỉnh, nhưng sút hẳn người đi, như bệnh từ nhiều tháng nay. Mẹ khóc, vuốt vuốt những chấm đỏ trên mu bàn tay ba, nói:

“Bác sĩ nói sao, ông?”

“Ung thư máu.”

“Ông ơi! Ông đừng chết nghe!”

Nhìn ánh mắt mẹ khi đứt xúp cho ba, nhìn nụ cười của mẹ khi cắt móng chân cho ba và đưa bàn chân ông lên mũi hửi, tôi thương mẹ quá, và hối hận xưa nay coi bà Bodil là

tata.

Bà Bodil cũng biết tin dữ. Bà ngang nhiên vào thăm ba như một người thân. Mẹ hỏi ba:

“Ai vậy, ông?”

“Người quen.”

“Quen ra sao? Sao chưa bao giờ tôi gặp mặt?”

Mặt ba sượng trân, trông rất kỳ cục, tránh nhìn mẹ, quay sang tôi, như cầu cứu. Tôi không hiểu sự cầu cứu đó có nghĩa gì - tôi nói ra sự thật giùm ba hay giấu biệt.

Cuối cùng, chán ngán sự giả dối, tôi kể hết sự thật cho mẹ nghe khi chỉ có hai mẹ con ở nhà. Mẹ nghe một cách bình tĩnh khiến tôi phát sợ.

Tôi giấu không nhắc câu nói “Giết vợ để lấy em anh cũng sẵn sàng”. Bởi vì tôi biết nếu tôi nói ra mẹ có thể chết được, không cần ai giết.

Hôm sau chúng tôi lại chạm mặt bà Bodil trong nhà thương. Mẹ nhin nhục không nói gì. Ngược lại bà Bodil còn khiêu khích:

“Ồ đây dư một người đàn bà!”

Mẹ không mau mồm miệng như người ta, không biết trả lời sao cả. Lúc đó bà Bodil ngồi trên ghế kê sát giường bệnh, mẹ đứng cuối giường, tay xách giỏ đồ ăn. Tôi nắm tay mẹ để xác định tôi đứng về phe nào.

“Người dư là bà!” tôi gằn từng chữ.

Mẹ xiết chặt tay tôi hơn nữa. Bodil không ngờ phản ứng của con bé mà lâu nay bà tưởng đặt lòng trung thành nơi ‘tata’ hơn người mẹ da vàng.

“A! Thì ra rau nào sâu nấy!” Bodil nói giọng khinh khỉnh, tay nắm tay bệnh nhân, tay vuốt mái tóc hoa râm của ông.

Tôi cho rằng chỉ mẹ tôi mới có quyền vuốt tóc ba. Tôi định tiến tới kéo tay Bodil ra, nhưng mẹ biết ý, trì tay tôi lại, nói:

“Để cho ba con yên!”

Rồi mẹ kéo tay tôi ra ngoài hành lang, ngồi chờ. Chờ cho tối mịt bà Bodil vẫn không ra, mẹ xách giỏ cơm đi về.

Sáng hôm sau, xảy ra một điều không bao giờ mẹ chờ đợi – ba yêu cầu mẹ ký giấy xin ly dị. Mẹ và tôi theo Công giáo, ba theo Quốc giáo Tin lành. Hơn nữa mẹ tôi là người đàn bà Việt Nam xưa cũ. Tôi biết rằng mẹ dễ dàng chấp nhận cái chết nhưng không bao giờ chấp nhận và tưởng tượng có ngày mình phải ly dị. “Chồng bỏ mình cứ bám lấy, bỏ được sao?” Mẹ lý luận như thế đó.

Mặc dù thống kê nói cứ một trăm cặp lấy nhau thì có gần năm chục cặp thôi nhau, mẹ thường nói rằng năm mươi phần trăm đó rơi bég đi nơi khác, không bao giờ rơi vào giữa mẹ với ba.

“Ly dị à?” mẹ ngẩn ngơ. “Sao ông không chờ khỏe đã?”

“Bà thông cảm cho tôi,” ba thiếu nǎo.

Mẹ cầm cây bút có huy hiệu quen thuộc ngân hàng của ba.

“Mà tôi đã làm gì nên tội?” mẹ khóc.

Tôi cực kỳ bối rối. Vừa thương mẹ vừa thương ba. Nhưng hình như tôi lo sợ ba chết quá đến nỗi quên nỗi đau đớn của mẹ, quên tức cho sự khờ dại nhu nhược của mẹ. Và dường như chính mẹ cũng quên nỗi đau đớn của mình, hoặc không lường được tầm quan trọng của ngòi bút sắp sa xuống. Như một cái máy, mẹ nức nở đặt bút xuống tờ giấy:

“Xưa ông đã ký bảo đảm cho tôi là người lương thiện!”

“Kìa ba! Kìa má!” tôi rên rỉ, trong tuyệt vọng.

Ba làm như không nghe, không thấy. Ba quay mặt vào tường. Dường như ba cũng đau lòng, nhưng không đau lòng đủ để đổi ý, cản má lại. Tôi tưởng tượng nếu bây giờ má đau lòng mà chết, ba cũng lừng lững mà đi con đường của mình. Có phần nào thật trong câu nói ghê gớm của ba. Của đàn ông!

Má ký xong, oà khóc chạy ra ngoài, tôi theo dìu má ra xe.

“Mẹ để con lái xe cho,” tôi nói.

Trên đường về, tôi cứ bị ám ảnh vì câu nói của ba “Giết vợ để lấy em anh cũng sẵn sàng”. Người như ba, nhu nhược ngay trong tình yêu, chắc không dám giết ai; nhưng ông giết niềm tin của tôi vào tình yêu.

Suốt thời gian ly thân, mẹ như sống trong mơ, cứ tưởng ba sẽ đổi ý. Lâu lâu mẹ lấy quần áo sạch của ba đem giặt, ủi, xếp ngay ngắn. Mẹ làm chả giò bỏ tủ đá chờ ba về bất ngờ. Đêm mẹ không khóa cửa, ngày đi làm để chìa khóa nhà trong thùng thư. Mỗi tối mẹ bắt tôi quỳ trước bàn thờ cầu nguyện, xin Chúa can thiệp soi lòng soi dạ cho ba hồi tâm. Nhưng ba không quay lại. Ba nhất định ly dị.

Ly dị xong, ba làm lễ cưới với Bodil liền. Trên giường bệnh. Lễ cưới xong, Bodil không tới nhà thương nữa.

Một tuần sau, ba chết trong tay mẹ.

Bà quả phụ Bodil chỉ xuất hiện để nghe luật sư công bố chúc thư. Theo di chúc, hòn đảo của gia đình chia hai, một nửa phía nam với nhà nghỉ mát trên đó thuộc hai người anh cùng cha khác mẹ với tôi, nửa phía bắc cũng có nhà nghỉ mát và bến tàu thuộc về người vợ chính thức hiện tại, Bodil. Biệt thự mà ba mua để ở với Bodil trong những tháng cuối đời thuộc về bà, đương nhiên, vì đứng tên bà. Mẹ con tôi được tiếp tục ở và làm chủ ngôi nhà bờ hồ.

Ba mất được ba tháng thì bà Bodil đi lấy chồng khác, nghe đâu hôn lễ cũng cử hành trên giường bệnh. Người hăng ngày ra thấp nển trước mộ ba, là má. Tôi giận ba, không

thấp nền.

Má giảng giải “Ồ Trên Đó cái lòng người ta không như dưới dương thế này nữa đâu con ơi.”

---o0o---

Mẹ định để tang người chồng phụ bạc ba năm. Trong thời gian để tang, mẹ không son phấn, và dè dặt tối đa trong việc giao thiệp với đàn ông.

Mỗi lần ông thuyền trưởng tới, mẹ bắt tôi ngồi cạnh. Lần đầu tiên thấy mặt người đã đeo đuổi mẹ mình trước khi mình ra đời, tôi có cảm giác rất lạ. Như là tôi nằm trong bụng mẹ mà dòm ra thế giới. Lạ lùng hơn nữa là tôi thấy gần gũi ông ngay, như một người cha.

Tôi bung cà-phê ra, ông nhìn một cách thân ái, nói cảm ơn. Cái nhìn của ông dành cho tôi khác hẳn cái nhìn trước đây ba dành cho chị Lân, mặc dù tình cờ ông ngồi đúng cái ghế da ba ngồi. Còn mẹ ngồi trên cái ghế chị Lân ngồi hôm đó. Tôi định bỏ vào bếp thì bị mẹ kéo lại ngồi kề bên. Miễn cưỡng tôi phải chứng kiến cho một lời tỏ tình:

“Tôi sắp về hưu,” ông ngập ngừng. “Ước nguyện duy nhất của tôi là được nắm tay bà đi vòng quanh thế giới những năm còn lại.”

Tôi nhìn hai bàn tay ông đan nhau để trong lòng, và mừng tượng hai mươi lăm năm trước chúng đan ‘cái giỏ thơm’ để chờ đợi. Tưởng chờ vài tiếng mẹ đi học về đã đủ, lại chờ một phần tư thế kỷ. Bây giờ ông vẫn đan tay chờ đợi.

Mẹ lặng đi hồi lâu, mặt đỏ hồng không son phấn. Tay mẹ vò chéo áo. Mẹ cố lấy giọng bình thản:

“Ông đi đây đi đó cả đời chưa thỏa sao?”

“Đi một mình có tới đâu đâu...”

Thấy câu chuyện tới hồi đậm đà, tôi gỡ tay mẹ, khoác áo ra khỏi nhà. Tôi xuống bờ hồ ngồi trên tảng đá quen thuộc nhìn sang bên kia. Đám mây thiên thu như xây bằng cẩm thạch. Tôi biết mình sẽ phải nói gì với Gunnar.

Xuân Bích

Về đây

về đây thành phố buồn
trong cơn mưa hoàng hôn
bóng người ngơ ngác đứng
trên đường mòn cô đơn

khoanh tay lặng nhớ đời
ngập ngừng trong mưa rơi
ô hay chiều thứ bảy
một mình ta xa xôi

về đây giữa hàng cây
lá vàng theo gió bay
da trời hăm ý nghĩ
bụi mưa giăng voi đầy

một mình như năm xưa
như những đêm giao mùa
như chưa bao giờ thế
để thấy vẫn là chưa

mùa này nắng lấy chồng
em ngày cũ buồn không
bao giờ thêm gió lạnh
chắc thấu tình mùa đông

hôm nay là bây giờ
ngày qua như giấc mơ
mai sẽ là hiện tại
em và ta bao giờ

trên ven đồi đại điền
một tình yêu say thiên
bên cây đời hoang phế
cho nụ cười bình nguyên

xin mãi là

xin nhau cứ mãi thờ ơ
dường như ai cũng giả vờ khi yêu
nếu như ta nói thật nhiều
người nghe chắc cũng chẳng liều tin ngay
giữ cho nhau một vòng tay

hơn là chiếc nhẫn trong ngày thành hôn
khi yêu gán cả linh hồn
để mua chỉ một mô chôn vô hình
xin ai cứ mãi làm thình
để cho giọt lệ một mình rơi hoang
thế gian đâu phải địa đàng
mà sao trái cấm mọc sang bên này

xin ai đừng đến nơi đây
để riêng ta một vòng vây ơ hờ
nếu như đau khổ là thơ
thì ta vẫn hái những hờ hững xanh
mấy khi gương vỡ lại lành
thì sao nữ đập tan tàn bóng xưa
đôi khi ta cũng dối lừa
tìm quen trong dáng lạ chưa gian tà
xin tình yêu cứ mù lòa
để ta sờ soạng đường ra một chiều

xin nhau vẫn mãi người yêu
để ta vẫn thấy nhớ nhiều hơn thương
sáng nay thành phố mù sương
trong ta trắng lạnh một phương sông hồ
chia tay rồi có bao giờ
nhìn trong trống vắng chiều ngơ ngác chiều.

Kiệt Tấn

em về

hạ vàng hạ vàng nắng
chiều qua chiều qua mau
đường quanh đường quanh vắng
ngõ đón ngõ đón chào

tà áo tà áo trắng
vòn lao vòn lao xao
trời im trời im ắng

én vù én vù cao

đường hiu đường hiu gió
lá xạc lá xạc xào
gót son gót son nhỏ
bước về bước về mau

sông tĩnh sông tĩnh lặng
dòng nao dòng nao nao
chuông chùa chuông chùa vắng
mưa rạt mưa rạt rào

trúc thưa trúc thưa vắng
gió thổi gió thổi ào
đường không đường không nắng
chiều nôn chiều nôn nao
mây chìm mây chìm lặng
trời mưa trời mưa rào
giọt trĩu giọt trĩu nặng
em về em về mau

ngày phai ngày phai màu
chiều xanh chiều xanh xao
trời mưa trời mưa nặng
em về em về mau
em về em về mau.

nghe đời trống trơn

hoàng hôn đã khuất sau đời
còn đâu đêm nữa em ngồi bên ta
còn đâu giọng nói thiết tha
còn đâu mùa cuối nguyệt tà liễu xanh
một mùa mưa đã tan tành
phai hương dạ lý khuất vành trăng khuya
quạnh hiu sương xuống đầm đìa
xua hơi buốt giá chia lìa đông tây

paris đó đà lạt đây
mai kia một nọ vầy tay biệt mù
cuối đêm tình đã tạ từ
thôi em ở lại riêng tư góc trời
ta về lặng tiếng im hơi
vai co đầu cúi nghe đời trống trơn.

Trường Thy

HUẾ, một quê hương tình tự

Huế, một quê hương miền Trung nước Việt, nằm giữa hai vựa lúa gạo - đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Thuở niên thiếu, khi còn ngồi trên ghế nhà trường chắc chúng ta vẫn thường nghe trong giờ Sử Địa, khi nói về hình thể nước Việt Nam vẫn từng ví giải đất dài và hẹp của miền Trung như chiếc đòn gánh, hai đầu là hai bờ lúa, gạo. Kinh thành Huế, một công trình kiến trúc kéo dài hàng mấy chục năm dưới thời vua Gia Long.

Trên bình diện lịch sử mở mang bờ cõi, hình ảnh người công chúa đời Trần, đã vì đại nghĩa gác lại tình riêng cho quê hương có được giải đất thần kinh mà ngày nay mỗi khi nghe khúc hát tâm tình “Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi...” ai mà không thấy ngậm ngùi thương mến người con gái Việt Nam da vàng, Huyền Trân Công Chúa. thậm chí cho đến ngày nay, sau bao nhiêu năm trường, chúng ta vẫn nghe và vẫn nói về cuộc tình Việt-Chàm ấy. Có người như Tiêu Vũ Vi, khi viết về “Tình Sử Huyền Trân” cũng đã khơi nguồn cảm mến qua những vần thơ:

Đất Việt nghìn thu bia sử xanh
Hai châu Ô, Lý một Huyền Trân
Má hồng thương nước thân nào quản
Chiêm quốc Đồ Bàn biệt cố nhân!

Giờ xin tạm gác lại những tích sử của cố đô Huế để mừng tượng lại giải đất quê hương với Huế đẹp, Huế tình và Huế thơ. Huế với cái tên thật ngắn nhưng lại thật nhiều ý nghĩa và thật dài nhớ nhung. Tản mạn một chút về chữ HUẾ, một từ gồm 3 mẫu tự: H, U, Ê; theo triết lý Đông Phương thì nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vô cực (vạn vật), như vậy con số 3 có nghĩa là nhiều lắm, nhiều như ý, tình của Huế vậy. Trong truyện Kiều cụ Nguyễn Du nói đến niềm nhớ của Thúy Kiều hướng về Thúc Sinh (Thúc Kỳ Tâm) đã dùng thiên nhiên để vẽ lên chữ “Tâm” trong đó cũng chỉ nói có 3

sao:

Đêm khuya gió lọt song đào
nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời.

Ngoài ra chữ H xin là mẫu tự đầu của chữ HUƠNG, sông Hương, chữ U có thể là u buồn hay u trầm, sau cùng mẫu tự E bắt đầu cho chữ EM, bởi nói đến Huế mà thiếu Em là mất đi một phần của Huế. chẳng thế mà từ xưa, từ lâu lắm rồi thì phải, trong dân gian đã có câu:

Học trò trong Quảng ra thi
thấy cô gái Huế chân đi không đành.

Thiết nghĩ chẳng cứ gì học trò xứ Quảng mà có lẽ học trò hay chẳng là học trò đi nữa và ở bất cứ phương trời nào trên giải đất hình chữ S nói riêng, thậm chí các bậc vương tôn, công tử cũng đã từng mang “trái tim không ngủ yên” một khi mái tóc thề phủ trên vai áo trắng dài thướt tha trên hè phố, qua nhịp cầu Tràng Tiền, hay vành nón che nghiêng nơi cổng trường Đồng Khánh đã nhập vào hồn khách một cách vô tình hay cố ý. Để chứng minh điều ấy, trong dân gian cũng đã có lần ghi nhận:

Cô gái Kim Luông đẹp mỹ miều
Trăm thương, trăm nhớ, trăm liêu trăm đi.

Ngoài ba mẫu tự nói trên, dấu mũ trên chữ E tượng trưng cho chiếc nón, nón trên đầu em, và nói đến Huế không thể không nói đến “Nón Bài Thơ”, rồi dấu sắc (') hẳn là ngầm ý Huế Đẹp. Huế không phải chỉ là Hương mà còn là Sắc nữa.

Với Huế, cảnh đẹp, cái đẹp của thi ca, của tâm hồn hơn là cảnh sắc bề ngoài. Huế với những địa danh đầy gợi cảm cho các hồn thơ trong sáng tác cũng như cảm xúc, nào là: Hồ Tịnh Tâm, Thôn Vỹ Dạ, Bến Văn Lâu, Lầu Tàng Thơ, Dòng Hương Giang, Cầu Tràng Tiền v.v., nữ sỹ Bích Khê viết về cảnh Huế qua dòng sông Hương đã để lại cho tao nhân mặc khách nhiều ấn tượng sâu xa:

Dòng Hương in gái nguyên lành
Lá thuyền du khách thanh thanh tiếng đồn

Nhà thơ miền Nam, Đông Hồ, vào năm 1939, một lần đến Huế cũng đã để lại những dòng cảm xúc thật trữ tình, vừa đẹp, vừa thơ, vừa rất Huế:

Dòng nước sông Hương chảy lặng lờ
Ngàn thông núi Ngự đứng như mơ

Gió cầu vương áo nàng tôn nữ
Quai lỏng nghiêng vành chiếc nón thơ.

Thi hào Nguyễn Du khi làm quan ở Huế lại nhìn Hương giang với đôi mắt đầy u uẩn như chứa chan nỗi buồn thương tiếc của người vừa trải qua một cuộc bể dâu, một thời hưng phế:

Hương giang nhất phiến nguyệt

Kim cổ hứa đa sầu

(Hương giang trăng một mảnh

Lai láng sầu cổ kim)

Huế, cái nôi của bao cuộc tình đắm thắm, ai đã từng ở Huế, đã từng đến Huế, đã từng có những đêm trăng với Huế, và đã từng thao thức với Hương giang, hẳn đã từng bùi ngùi, xao xuyến với những câu hò như rót vào hồn khuya:

Bên chợ Đông Ba tiếng gà gáy sáng

Bên làng Thọ Lộc tiếng trống sang canh

giữa dòng Hương tiếng sóng khuynh thành

đêm khuya một chiếc thuyền tình ngửa nghiêng

Huế còn là nơi ấp ôm những sử tích nên có những ngòi bút đã ru hồn lịch sử vào kho tàng văn học như nhà thơ đất thần kinh, Ứng Bình Thúc Gia Thị trong mấy câu hò mang đầy sầu nhớ:

Chiều chiều trước Bến Văn Lâu

Ai ngòi, ai câu, ai sầu, ai thảm

Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông

thuyền ai thấp thoáng bên sông.

Và cho đến hôm nay có những người thơ còn thương cảm, trải lòng mình trên những sóng quê hương trôi dạt vào quá khứ để kêu gọi lòng ái quốc như một ước mơ tình sử, đốt nén hương trầm nghi ngút dâng lên hồn dân tộc qua những vần thơ “Tuông Nhớ Vua Duy Tân”:

Ước chi tới bến sông Hương

đốt nhang mà lạy nắm xương lưu đây

thế là đã trở về đây

một con người tận chân mây cuối trời

tắm thân phiêu bạt quê người

linh hồn vẫn ở lại nơi quê nhà

ngai vàng vừa cũ vừa xa

ánh vàng vương miện cũng là hư không

mặt trời vẫn mọc đằng Đông

lăng minh quân vẫn dựng trong lòng người

bao triều vua phé đi rồi

người yêu nước chẳng mất ngòi bao giờ.

Mấy nhà thơ Mới như Hàn Mặc Tử, thế Lữ, Văn Cao, Nguyễn Bính v.v. cũng đều đã cảm Huế, viết về Huế. Huế đẹp và tình tứ, gợi cảm đến độ Hàn Mặc Tử phải thắc mắc

như giục giã, như sợ ai đó mất đi dịp may thấy Huế:

Sao anh không về thăm thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
vườn ai mướt quá xanh như ngọc
lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Huế với Nguyễn Bính, chỉ “Vài Nét Huế” song lại là những nét tiêu biểu mà hầu như ai cũng nhớ, cũng nhắc đến mỗi khi nghĩ tới hay nói về Huế, những sắc màu, những dáng vẻ đượm tình giai nhân:

Ở đây áo tím riêng màu
Bài thơ nón mỏng che đầu mỹ nhân
Loanh quanh xóm vắng đường gần
ấy ai làm dáng phi tần với ai.

Đến Huế rồi lại xa rời Huế, có người thâm yêu và nhớ Huế để rồi những phút “tha hương ngộ cố tri” sao có thể cảm lòng được mà không có Huế trong những câu tâm sự, ôn lại kỷ niệm xưa; có người lại buông trải niềm nhớ nhung ấy trên những trang giấy, trong làn phát tuyến. Đó là điều đã hiển nhiên, song Huế thơ mộng và tình tứ, quyến rũ đến độ có người như nhà thơ quân đội Hoàng Ngọc Liên đã cảm Huế và yêu Huế, viết về Huế ngay lúc còn ở Hà Nội, chưa biết Huế, đã nói về “Mưa xứ Huế” từ năm 1953, hai ngàn năm trăm năm mươi lăm ngày trước khi đến Huế lần đầu (1960):

Nghe em nói về xứ Huế
Mơ màng biết hẹn tìm đâu
Em kẻ: sông Hương man mác
thuyền trôi dòng nước nao nao

.....

Sau nhiều mùa thu xa em
Tôi được đến thăm xứ Huế
Chân bước trên cầu Tràng Tiền
thời gian sao qua mau thế!
để rồi:

nhìn em khuất sau cửa Thượng
mờ mờ xứ Huế mưa rơi!

Huế, những gì còn lại của Huế, người đi vẫn thấy nhớ về; những gì không còn nữa, chưa hẳn đã quên ngang, bởi nó vẫn tồn tại trong ký ức người đi cũng như người ở lại. Điển hình như Bến Đò Thừa Phủ mà nhà thơ Vô Tình đã có lần nhắc đến:

Bến đò Thừa Phủ sông Hương
Ai người xứ Quảng vẫn vương bến này.

Hình ảnh bến nước ấy một thời đã in sâu trong tâm tưởng mà một người thơ, dường như là Tô Kiều Ngân, đã viết lên nỗi niềm tiếc nuối “cây đa bến cũ con đò xưa”, những tà áo trắng bay bay trong gió chiều v.v., tất cả chỉ còn trong ký ức. Thời gian và nhu cầu của con người đã xóa đi những hình ảnh đầy tình tự như một hài hòa giữa thiên nhiên là (sông nước, bóng cây, mây trời) và những gì là nhân tạo như (con đò qua lại, mái chèo khua nước, tà áo nữ sinh v.v.)

Bến đò Thừa Phủ không còn nữa
gốc cây đa mất dấu bên bờ
những tà áo trắng đi đàng khác
vẳng tiếng cười sông nước cũng tương tư.

Thơ là thế, những vần cho Huế đã nhiều vô kể thì nhạc, những khúc ca mang tình yêu Huế cũng ngập tràn trên sóng tình giai điệu dành cho Huế. Nhớ về

Huế, nỗi niềm sâu lắng khi xa Huế. Nói về Huế thì Huế đẹp và thơ, người con gái Huế thì “nét dịu dàng pha lẫn trầm tư”. Nhạc sỹ Minh Kỳ “Thương về xứ Huế” đã ca lên: “Huế đẹp ơi...” và “Huế là thơ...”; trong nhạc bản “Thương nhớ cố đô” Võ Tá Hân viết:

Người em gái mái trường Đồng Khánh
mắt vương buồn trong những chiều mưa
nhớ thương biết mấy cho vừa
còn đâu những lúc đón đưa hẹn hò

rồi một Vũ Thành An với những cánh nhạc bay vào tình yêu, một cõi vừa xa xăm vừa gần gũi, lắng đọng, e ấp như niềm riêng dấu kín, song lại như một “im lặng lớn vang trong trời rộng” nơi khoảng hồn con gái:

một tiếng nói lặng thinh
một ánh mắt ẩn dấu tình
ấp yêu một mình...

Cái đẹp và thơ nói chung thật miên man, thật bao la, bút mực nào, lời nào tả cho cùng. Chỉ riêng với Huế đã vô vàn những ngôn từ cho Huế, cho tình yêu với Huế, và cho những cảm nghĩ về Huế.

Không phải chỉ nơi phố thị hay hoa viên mới đẹp, mới nên thơ mà rừng núi cũng ươm đầy thi ảnh, cũng lãng mạn tình đời, cũng vi vu lời gió, ướt át màu trắng... và cũng lưu lại trong tâm hồn kẻ đến người đi những nhớ nhung sâu lắng. Quê hương Việt Nam không phải chỉ có Huế mà dọc theo chiều dài đất nước, từ đồi nương Sapa, rừng Lạng Sơn với lối giốc, nhà sàn...ta vẫn nghe: “Đường Lạng Sơn âm u...gà bình minh kêu lơ thơ, rừng êm ái thức giấc trong sương mờ, đồi núi vươn vai, vừa mới tan cơn mê say. chợt nghe thấy tiếng chim hót vang trời...” rồi nữa “đồi nương xanh xanh núi xanh lơ,

rừng cây xanh xanh lá bên hoa, màu áo chàm phát phơ trong mây mờ. Nhà sàn cao tuy mái thô sơ, người dừng chân bên suối nên thơ...” và những “Nụ cười Sơn cước” cũng từng chiêu say lòng người trong khúc ca trữ tình sông núi vậy:

Tôi nhớ mãi một chiều xuân chia phôi

Mây mờ buông xuống núi đôi

Và trong lòng mưa hơn ở ngoài trời

cỏ cây hoa lá thương nhớ mãi người đi

và dâng sâu lên mi mắt người về...

về đến Hà Nội với những mùa thu lá bay, 36 phố phường, năm cửa Ô v.v., Đà Lạt, thành phố cao nguyên như một cô gái mang vẻ đẹp Tây phương pha dáng hấp liêu trai của núi đôi; Nha Trang, miền thùy dương cát trắng, sóng nước xô bờ trong những đêm trăng; Sài Gòn, thành phố đã từng được mệnh danh “Hòn Ngọc Viễn Đông” với những chiều “... em tan trường về...trời mưa nho nhỏ...”, “áo trắng loang sân trường sẽ trắng bao phố phường...” rồi xuôi Nam, ai mà chẳng từng nghe những câu thơ, khúc nhạc hát về Tây Đô, hát cho Hà Tiên v.v.

Nói về cái đẹp, cái tình của miền đất quê hương thật không sao kể hết. Mỗi miền có dung nhan, tình tự riêng tư và độc đáo, phải chăng vì giới hạn của ngôn ngữ so với cái bao la không cùng của thiên nhiên, và cái hạn hẹp của tâm trí của con người so với công trình sáng tạo của Hóa Công.

Cái Trọng Ty

Đêm uống rượu

nghe “Biên cương hành”

(Gửi Phạm Ngọc Lư)

biên cương hành

chí người hồ thỉ

ngôn ngữ trong thơ di lụy một đời

người về một cõi nhà tan nát

tâm tư ưu uất thán năm trôi

ngồi đây mời bạn chung rượu đắng

kẻ sĩ Biên cương giày cỏ qua sông

đã bao năm một ngày thoáng gặp

gió phi trường Bình Định cát bay bay

vội vàng tay vẫy không hẹn lại

thở ầy bụi đường lấm tai ương
tôi theo trận mạc về An Phú
thời Xuân Thu
sớm biển chiều rừng
bước đi lửa tình như muốn cạn
nhìn lại bóng mình rách rưới tang thương
Bạn tôi chí lớn như gươm bén
chảy máu đời Thơ buổi chợ tàn
ai hiểu cho người đời thất chí
chén rượu này đối ẩm cùng ai
đêm xưa gác trọ vài ba đũa
vui một phùa sãng khoái tan hàng
nay hong bếp cũ lò than lạnh
nhìn đăm đăm vách lá chơ vơ
chỉ thấy tháng ngày trôi lớp lớp
thấy đời mình quạnh quẽ vào ra
thấy bóng mình đen
đêm không sao mọc
nhớ bạn đêm về đau như cắt
vết thương xưa dao nhọn cứa vào tim
ta qua cầu nhìn lại sông khập khiễng
máu theo sông chảy nhịp luân hồi
đêm nay ngâm lại giọng Biên trấn
ngôn ngữ trong thơ mọc ở phương Đông
Thơ tràn trên những đồng hoang hóa
hoa quỳ cô đơn nở giữa núi ngàn
mây thành kìn kịt từ đất khô
vó ngựa biên cương bốc bụi mù
cung đàn xưa ai người tri kỷ
trên chiếu bạc đời
nỗi đắng cay
buồn bã đêm xuân đành rơi bút bạc
giông bão đời xoay
tâm muốn sụm
trang thơ khép vội
khúc oan tình

hình như gió thổi qua liếp cửa
vì vu nghe tiếng gọi trùng khơi
gọi ai nơi tận cùng sơn thủy
ai người khách lạ gió muôn phương
ta về bạn hỏi từ đâu lại
thấy khói tàn tro phủ tượng đài
thấy rơi giọt lệ sôi trên bếp
dấu giày thô đời ở trọ quê nhà.

Trọng Đạt

TIÊU SƠN TRẮNG SĨ

(Tiểu thuyết đã sử nổi tiếng của Khái Hưng).

Tiêu Sơn Tráng Sĩ, viết 1940 (có tài liệu nói 1936), là tác phẩm dài nhất của Khái Hưng, trên bốn trăm trang và cũng là tác phẩm công phu nhất của ông, nó đã làm sống lại một giai đoạn lịch sử cách đây hai trăm năm, thời Lê mạt Nguyễn sơ, dưới triều Cảnh Thịnh năm thứ năm (1797), tức Nguyễn quang Toàn lên ngôi 1792.

Tiểu thuyết đã sử dựa theo sử viết thành truyện đã có cách đây hàng nghìn năm tại Trung hoa như Tam Quốc Chí, Đông Chu Liệt Quốc. Mặc dù chịu ảnh hưởng hoàn toàn của văn học Trung Hoa, trong nền văn học Hán Nôm Việt Nam, chúng ta không thấy thể loại này, có chăng trong nền văn học mới gần đây như Nguyễn Quỳnh với Chuông Nhà Hồ, Đội Cấn Khởi Nghĩa. Tiêu Sơn Tráng Sĩ được coi như truyện đã sử nổi tiếng nhất của nền văn học nước nhà.

Đây cũng là một trong những tác phẩm thành công nhất của Khái Hưng, nó đã diễn lại bằng những hình ảnh hào hùng về tổ chức và hoạt động của đảng Tiêu Sơn phò Lê, chống lại triều đình Tây Sơn với những tráng sĩ gan dạ, anh hùng như Phạm Thái, Nhị Nương. Tác phẩm ra đời trong lúc tình hình quốc tế đang có biến chuyển, nước Pháp bại trận đầu hàng. Khái Hưng dấn thân vào công cuộc cách mạng dành độc lập, ông gia nhập Đại Việt Dân Chính do Nguyễn Tường Tam làm Tổng thư ký, thành lập 1940, lợi dụng các biến chuyển quốc tế để hoạt động chống thực dân, áp bức. Tiêu Sơn Tráng Sĩ với trên bốn trăm trang giấy là nơi mà tác giả gửi gắm tâm tình của ông, Khái Hưng ca ngợi những chiến sĩ gan dạ, xả thân vì đại nghĩa vì sự nghiệp cách mạng để khơi dậy trong tâm hồn giới thanh niên một tinh thần hy sinh, ái quốc.

Sơ lược truyện.

“Bối cảnh lịch sử thời Hậu Lê: Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc đánh đuổi quân Thanh, Lê Chiêu Thống cùng Tôn Sĩ Nghị chạy sang Tàu, Nguyễn Huệ lên ngôi trị vì được năm năm, mất 1792 Nguyễn Quang Toản lên thay, hiệu Cảnh Thịnh, truyện diễn ra dưới thời Cảnh Thịnh năm thứ năm, tức 1797.

Nhân vật chính gồm: Trần Quang Ngọc con Trần Quang Châu, trung thần nhà Lê. Phạm Thái con quan cựu thần Thạch Trung Hầu, Nhị Nương con gái quan bộ binh thượng thư Nguyễn Đình Giản, cựu thần, Lê Báo... họ đều là giòng giỏi cựu thần nhà Lê, Trần Quang Ngọc, hai mươi lăm tuổi, đảng trưởng, Phạm Thái phó đảng, Nhị Nương, Lê Báo đều ở lứa tuổi đôi mươi.

Quang Ngọc, Phạm Thái, Lê Báo khoác áo cà sa, nương nhờ chùa Tiêu Sơn để che mắt quan quân Tây Sơn, ba người kết nghĩa anh em cùng mưu đồ đại sự, lập đảng Tiêu Sơn phò nhà Lê chống triều đình Tây Sơn.

Bà Hoàng phi họ Nguyễn trốn tránh bảy tám năm, nay bị bắt, Quang Ngọc và đồng đảng âm mưu giải cứu bà Hoàng phi nhưng Đào Phùng cũng giòng giỏi cựu thần đã giải thoát cho bà. Các tráng sĩ Tiêu Sơn tưởng là bọn cướp bắt bà đem đi bèn vào rừng Đình Bảng đuổi theo chúng, gặp Đào Phùng và bà Hoàng phi mới biết Đào Phùng là giòng giỏi cựu thần nhà Lê, đồng chí hướng. Đào Phùng bị bắt, viên quan chỉ huy cho lính tra tấn dã man, Đào Phùng không chịu hé răng khai. Các tráng sĩ Tiêu Sơn giả làm bọn mãi võ đến múa kiếm ca hát rồi giải thoát cho Đào Phùng.

Đào Phùng mới thoát ngục ra đã đi in những tờ hịch, truyền đơn hô hào nổi dậy chống nhà Tây Sơn. Chùa Tiêu Sơn làm lễ dâng sao, khách thập phương kéo đến rất đông, các tráng sĩ lấy cớ làm lễ để tụ họp, tan lễ họ đóng cửa chùa, mấy trăm sư giả tụng niệm kinh sám hối, đảng trưởng Quang Ngọc cho biết lực lượng đảng có năm mươi cây súng hỏa mai và đạn dược, mấy nghìn giáo mác, một nghìn quân nhưng đảng chưa muốn hành động chờ Nguyễn Ánh khởi sự ở phía Nam.

Nhị Nương cùng Phạm Thái đưa Hoàng phi lên Lạng Sơn ẩn náu, đi dò qua sông lại gặp Đào Phùng làm lái đò. Đến Lạng Sơn tại chùa Tam Thanh, họ được Phở Mịch cho biết vua Lê Chiêu Thống đã mất mấy năm ở bên Tàu.

Thanh Xuyên Hầu Trương Đăng Thụ, con quan Kiến Xuyên Hầu, trấn Sơn Nam. Thời nhà Lê, Đăng Thụ làm Hiệp trấn Lạng Sơn, Tây Sơn để Thụ nhậm chức cũ và còn được cất lên Trấn thủ nhưng không còn binh lực trong tay, viên hiệp trấn mới là tướng thân tín của Tây Sơn, Thụ chán nản, vẫn cảnh chùa Tam Thanh, tâm sự với nhà sư Phở Mịch và gia nhập đảng Tiêu Sơn.

Lê Báo, Trịnh Trục ra tay giết giặc, Lê Báo còn trẻ nóng nảy cho người nhốt mình vào cũi đem nộp viên phân xuất, giả làm Phạm Thái, quan quân Tây Sơn rượu chè mừng rỡ, quân lính của đảng Tiêu Sơn giả làm phường chèo, ca hát rồi tuốt gươm giết quan quân

Tây Sơn, mở cũi cho Lê Bảo tháo chạy.

Triều đình tức giận đem quân khám chùa Tiêu Sơn. Lê Bảo, Quang Ngọc, Trịnh Trục trốn xuống đường hầm. Nhị Nương giả làm ma hiện hồn lên qua cửa hầm đem đồ ăn cho các tráng sĩ.

Phạm Thái lên chùa Tam Thanh gặp Thanh Xuyên Hầu bàn việc đại sự: đem quân về triều hỏi tội gian thần rồi cùng hơn nghìn quân Tiêu Sơn lật đổ nhà Tây Sơn. Sáng hôm sau Thanh Xuyên Hầu bị quan hiệp trấn đầu độc chết, Phạm Thái vô cùng căm giận.

Kiến Xuyên phu nhân cùng con gái (Trương Quỳnh Như) đi lễ chùa Non Nước. Trịnh Nhị một công tử giàu có nhất trong vùng, biết phu nhân và Quỳnh Như đến chùa bèn thuê thuyền tới, ăn mặc sang trọng làm thơ để lấy lòng người đẹp, phu nhân muốn kén Trịnh Nhị làm rể nhưng Quỳnh Như chê chàng kém chữ nghĩa.

Trên thuyền về nhà, giữa sông gặp thuyền Phạm Thái và Long Cơ (vợ Thanh Xuyên Hầu) Thanh Xuyên Hầu là con Kiến Xuyên Hầu, là anh của Quỳnh Như. Kiến Xuyên Hầu đoán Phạm Thái là giòng hào kiệt, giả tu.

Phạm Thái gặp Quỳnh Như mê mẩn trước sắc đẹp của nàng. Long Cơ, vợ lẽ Thanh Xuyên Hầu treo cổ tự vẫn, Phạm Thái trèo lên cây gỡ xuống cứu mạng Long cơ, gia đình Kiến Xuyên Hầu biết ơn Phạm Thái. Quỳnh Như nói với cha (Kiến Xuyên Hầu) Phạm Thái giả sư, cha nàng tin vậy, đãi tiệc Phạm Thái cùng bàn bạc văn thơ, sáng hôm sau, Phạm Thái ra đi, Quỳnh Như ngầm sai người đem ngựa đến cho chàng. Phạm Thái đi bốn hôm tới Bắc Thành (Thăng Long).

Tại các phố Bắc Thành nay rất náo nhiệt vì kỳ thi tuyển cống sinh sắp bắt đầu. Quang Ngọc và Nhị Nương bị truy nã trốn lên Bắc thành mở quán Bạch Phượng. Nhị Nương bán trà nước. Nhị Nương dụ các thầy khóa, thí sinh phản đối kỳ thi và cả viên quản cơ cũng theo Nhị Nương, bại lộ, quản cơ và bốn viên đội bị xử trảm. Nhị Nương trốn thoát ra ngoại thành giả làm thầy bói, gặp Phạm Thái.

Phạm Thái đi quyên giáo trấn Xuyên Nam mấy tháng rồi quay về Thanh Nê gặp Kiến Xuyên Hầu và Trương Quỳnh Như. Kiến Xuyên Hầu nhờ Phạm Thái dạy mấy đứa cháu học, chàng bắt đầu thoái chí, muốn nán lại đây nghỉ ngơi ít lâu. Phạm Thái và Quỳnh Như cảm mến nhau, trao đổi thư từ, văn thơ, chàng soạn truyện “Sơ Kính Tân Trang” để mô tả thiên tình sử hai người. Kiến Xuyên Hầu (Trương Công) và phu nhân chưa ngờ vực gì hai người.

Gia đình Trịnh Nhị nhờ người mai mối hỏi Trương Quỳnh Như, phu nhân ý muốn gả vì Trịnh Nhị giàu nhất phủ.

Kiến Xuyên Hầu đãi tiệc Trịnh Nhị và cả Phạm Thái. Quỳnh Như tái mặt suýt chết giắc vì biết Trịnh Nhị đốt nát lại sắp thành hôn phu, trong tiệc Phạm và Trịnh làm thơ đối đáp, Kiến Xuyên Hầu thấy Trịnh Nhị đốt nát, Phạm Thái học rộng tài cao.

Quỳnh Như bị ép duyên tự vẫn, Kiến Xuyên Hầu muốn gả cho Phạm Thái nhưng phụ nhân đòi gả cho Trịnh Nhị, Phạm Thái về thăm mộ nàng khóc vật vã.

Hai năm sau Quang Ngọc gặp Nhị Nương ở tử quán bên đường, họ nói chuyện Phạm Thái mê gái. Về việc đảng, chưa gặp vận, các đồng chí tan tác cả. Phạm Thái thất tình say rượu”.

Tiêu Sơn Tráng Sĩ là tác phẩm dài và công phu nhất của Khái Hưng, để viết truyện này ông đã nghiên cứu kỹ lưỡng lịch sử, địa lý, phong tục, thi ca, văn chương nước ta thời Tây sơn, nghiên cứu những danh từ cổ xưa để dựng lại cả một xã hội phong kiến xa xưa y hệt như một nhà làm phim ảnh vậy. Có thể nói nó là một trong những cuốn tiểu thuyết đã sử công phu nhất của văn học Việt Nam cận đại và hiện đại.

Chúng ta không thấy tác giả đề cao triều đại nhà Lê, cũng không thấy kết án Tây Sơn mà chỉ diễn tả ca ngợi tinh thần cách mạng, chí khí anh hùng của các tráng sĩ trong đảng Tiêu Sơn, những chiến sĩ gan dạ, mưu lược quả cảm coi cái chết nhẹ tựa lông hồng để mưu đồ đại sự, khôi phục lại triều đình nhà Lê. Các nhân vật Quang Ngọc, Phạm Thái, Nhị Nương gợi lại cho chúng ta hình ảnh những vị anh hùng hào kiệt xa xưa như Kinh Kha, Lưu Bang, Hạng Võ, Tống Giang, Triệu Cái trong Đông Chu Liệt Quốc, Hán Sở Tranh Hùng và Thủy Hử Truyện

“Quang Ngọc đỡ lấy thanh kiếm ném mạnh lên giường, rồi cười nhạt, đi đi lại lại vừa nói dần từng tiếng:

-Chết! hừ! chết! ngày xưa đời Trần, Trần Bình Trọng chết vì nước... bị bắt thì tìm cách tháo thân để đánh nữa, đánh mãi cho đến khi được, hay chết. Mà không có cách gì tháo thân thì chết ngay. Đời làm tướng chỉ có ba cái kết quả: Được trận, thua trận, chết trận...

... ..Hơn một trăm năm sau... đảng Thái Tổ nhà Lê khởi nghĩa ở Lam Sơn, một lần vua bị khốn ở Chí Linh, khó phá vòng vây mà trốn thoát được. Bây giờ có ông Lê Lai... liều thân vì nước, xin nhà vua cởi áo ngự bào ra cho mình mặc, rồi cưỡi ngựa ra trận đánh nhau với quân giặc. Quân Minh tưởng đó là Bình Định Vương thật, xúm nhau vây đánh giết đi... Đó là một cái chết anh hùng, mãnh liệt, có suy xét... cái chết không có không xong. Vĩ đại thay những hành vi kín đáo, nhún nhường, xả kỷ dù hành vi ấy là sự bại trận, sự thắng trận hay chỉ là cái chết”

Đảng Tiêu Sơn có một nghìn quân, đầy đủ gươm đao và súng hỏa mai, nhưng còn quá yếu so với hàng vạn tinh binh của triều đình Tây Sơn. Đảng chưa lập được thành tích lớn lao đáng kể ngoài việc cứu được bà Hoàng phi, giải thoát Đào Phùng, Lê Báo và Trịnh Trác nóng tính xuất trận giết một viên tiểu quan và một bọn quân lính địa

phương. Nhị Nương âm mưu xúi giục nổi loạn tại Bắc Thành thất bại nhưng đảng đã thể hiện được lòng trung thành, chí khí can trường quả cảm của những tráng sĩ mưu đồ đại sự. Tác giả ca ngợi tinh thần dân thân của các đảng viên, không chịu khoanh tay phục tùng thiên mệnh.

“Phạm Thái thở dài bảo Đào Phùng:

-Người anh hùng cứu quốc khi nào lại chịu phục tùng số mệnh? chỉ biết một việc là hành động, hành động cho tới giờ cuối cùng... tránh sự gian nguy mà mình biết chắc chắn đương đợi mình, để được an nhàn ở một nơi dật lạc, không bận trí đến việc đời, việc nước, hạng ấy người ta cho là bậc ẩn sĩ, nhưng tôi, tôi chỉ cho là phường ích kỷ, ham sống có đáng kể chi.

... Tài lực của đảng anh hùng phải cố đoạt nổi số mệnh; bằng không thì chết mà chết như thế còn có nghĩa lý hơn cái chết dần mòn của kẻ ẩn sĩ trong số tối...

... Nhị Nương yên lặng đứng nghe từ nãy tới giờ. Bỗng nàng mỉm cười bảo Đào Phùng:

-Bậc hảo hán không bao giờ chịu đợi thời thế”

Tác giả ca ngợi tinh thần dân thân, nhập cuộc, cho đó là việc quan trọng.

“Nhưng ai nấy ngừng bật, vì vừa thoáng nhìn thấy hai má Hoàng Phi đầm lệ. Chưa kịp hỏi duyên cớ thì bà đã lau nước mắt, buồn rầu nói:

-Nếu quả thực vận nhà Lê hết rồi thì các em nên thôi đi, đừng hành động nữa mà mất công vô ích.

Phạm Thái cúi đầu đáp:

-Tâu lệnh bà, đời kẻ tráng sĩ chỉ có một nghĩa là hành động. Còn sự thành bại cùng sự sống chết, không nên để trí nghĩ quá”

Tiêu Sơn Tráng Sĩ cũng là tác phẩm của tình yêu, Khải Hưng đưa vào những tình tiết éo le lãng mạn để thu hút đám đông, rồi diễn đạt tâm tư cách mạng của mình. Cuộc tình của Quang Ngọc, Nhị Nương thật là hào hùng cao đẹp và mối tình Phạm Thái Quỳnh Như yếu hèn uỷ mị. Cũng y như Tolstoi trong Anna Karenine đã đưa ra hai mối tình để diễn đạt quan niệm về hạnh phúc của mình: cặp Anna và Wronsky đắm đuối trong tình yêu tội lỗi, cặp Levine, Kitty êm ấm hạnh phúc bên nhau.

Cuộc tình Quang Ngọc Nhị Nương thật lý tưởng, hai người lập đảng Tiêu Sơn, yêu thương nhau nhưng đại sự cách mạng vẫn là trên hết:

“Ngừng một lát Ngọc lại nói tiếp:

-Chính nàng đã cùng ngu huynh lập nên đảng Tiêu Sơn. Nàng đã giúp đảng được nhiều việc lắm, ấy là không kể cái công cứu sống cho Ngọc đây.

Lê Báo cười sảng sặc:

-Thế mà hai người không yêu nhau thì cũng lạ!

Quang Ngọc buồn rầu đáp:

-Nói kính trọng nhau thì đúng hơn. Đương lúc theo đuổi công cuộc lớn lao, còn bụng đâu nghĩ tới ái tình. Vả lại nhị đệ hiểu cho rằng, tuy mình không thực bụng tu hành, song đã nhờ cái áo cà sa để trốn tránh thì cũng không nên làm nhem nhọ nó.

Phạm Thái mỉm nụ cười ngờ vực, ngồi im. Quang Ngọc lại nói:

Nàng cũng bảo ngu hữu rằng khi nào việc lớn xong xuôi đã, hai người mới cùng nhau đi chu du khắp nước Nam như Phạm Lãi Tây Thi đời xưa chứ nay còn ở thời kỳ nằm gai nếm mật, nghĩ chi tới hạnh phúc êm đềm của tình ái. Lời vàng ấy, ngu hữu đây đã khắc ở bên lòng, thế không bao giờ dám sai.

Lê Báo bông đùa một câu:

- Nghĩa là hai anh chị còn tạm là đôi bạn cầm kỳ để chờ ngày trở nên đôi bạn cầm sắt chứ gì?”

Chính Nhị Nương cũng đã tâm sự với bà Hoàng Phi về tình cảm của nàng với Quang Ngọc:

“Rồi một ngày đảng một đông, một ngày em thêm mến phục Quang Ngọc, mến vì nét phục vì tài. Nhưng xin thú thực với chị rằng, ngoài sự mến phục ra không có gì nữa Quang Ngọc coi em như một đảng viên... còn em thì mãi mê trong cuộc hành động... em không bao giờ để lòng em...”

... Em xin tự xử làm sao cho xứng đáng lòng tin cậy, lòng quý mến của Quang Ngọc, của đảng trưởng. Thưa chị em nhất định không bao giờ chịu để cho Quang Ngọc đoán biết tâm sự của em. Biết đâu ngạn ngữ nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản lại không đúng nghĩa với cả những hạng người theo đuổi việc lớn như Quang Ngọc”

Khái Hưng gọi cho độc giả sự cảm thương và khâm phục Nhị Nương, Quang Ngọc qua mối tình cách mạng, cả hai đã kềm chế lòng mình khi cùng theo đuổi sự nghiệp của đảng Tiêu Sơn.

“Quang Ngọc không dấu nổi sự sung sướng, âu yếm đứng mỉm cười nhìn Nhị Nương... đã hơn hai tháng, ngày ngày chàng vẫn áy náy mong đợi tin tức nhất là tin Nhị Nương, khi ở gần nhau chàng không cảm thấy chàng yêu, nhưng khi xa nhau chàng mới rõ hết nỗi khổ tâm của kẻ thương nhớ, dù có công việc đảng luôn luôn chiếm đoạt ý nghĩ của chàng”

Tại chương cuối cùng “Trên đường thiên lý”, hai năm sau một buổi chiều trời đông, một tráng sĩ cưỡi ngựa rong ruổi về Nam, chàng ghé vào tửu quán nhắm rượu, gặp Nhị Nương... đôi bạn hàn huyên kể lể ... đảng Tiêu Sơn đến lúc suy tàn, các bạn đồng chí tan tác, Trịnh Trục bị hành hình, Đào Phùng bị bắt, Lê Báo nay mộ đạo như một nhà

chân tu, cho tới lúc chia tay họ vẫn giữ được mối tình cao đẹp.

“Sáng hôm sau hai người từ biệt nhau: Nhị Nương ngược Bắc thành, Quang Ngọc xuôi Nam thành, hẹn một ngày kia sẽ hội ngộ.

Nhị Nương kìm cương ngựa hỏi với một câu:

-Nhớ không hội ngộ?

-Cũng chẳng sao! vì linh hồn chúng ta bao giờ cũng ở bên nhau, một người trong bọn ta làm việc trái với bổn phận, đã tưởng nghe rõ tiếng thống trách của bạn, đã tưởng nhìn thấy cặp mắt nghiêm nghị của bạn. Mà khi ta có việc đáng thi hành ngay, ta đã tưởng trông thấy cái gật biểu đồng tình của bạn rồi. Vậy thì chúng ta có ở xa nhau đâu? tình bằng hữu của chúng ta đã thành một sự thiêng liêng.

Nhị Nương chấp tay vái:

-Vâng tình bằng hữu của đôi ta!...

Rồi nàng rẽ cương quay đi”

Cuộc tình Quang Ngọc, Nhị Nương cao đẹp chừng nào, thiên tình sử Phạm Thái, Quỳnh Như tầm thường yếu hèn chừng nấy: hồi chàng mới đến dinh cơ của họ Trương lần đầu, nàng khuyên chàng nên dấn thân vào sự nghiệp cách mạng, chàng cảm phục Quỳnh Như:

“-Thực ta đoán không sai, nàng là bậc cân quắc anh hùng, nàng khuyên ta làm việc lớn, rong ruổi bước đường gió bụi, chờ lúc hát khúc khải hoàn trở về, nàng ước hẹn cùng ta. Âu yếm biết bao! phòng tiêu đầm ấm rạng ngày xanh”

Chàng nhớ lại thời kỳ theo Nguyễn Đoàn gian nan nguy hiểm, cưỡi con ngựa hồng, xông pha tên đạn, giáo, gươm, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng và khi giã từ họ Trương, chàng cho là thoát nạn:

“chàng coi như vừa thoát được tai nạn ghê gớm hơn cả những tai nạn trong rừng gươm đao ‘Trời ơi mình mà chìm đắm vào bể tình, thì bao giờ báo đền được ơn vua, trả thù cho nhà cho đảng?’”

Và rồi được đảng trưởng giao cho đi quyên giáo trong trấn Sơn Nam, chẳng tìm được bậc chí sĩ nào, Phạm Thái lại quay trở về nhà họ Trương làm thầy đồ chờ thời vì nay Tây Sơn còn mạnh, kỳ thực chàng nhớ đến đôi mắt mỹ nhân:

“Thực ra đó chỉ là một câu nói, một ý nghĩa của kẻ anh hùng đã bắt đầu thoái chí, đã bắt đầu hơi chán nản thời thế. Thường họ tự an ủi như thế. Rồi dần dần họ quên việc lớn, trong chén rượu nồng hay trong lòng một người thiếu nữ. Trời ơi! cái tuổi ngoài hai mươi, hăng hái thì hăng hái thực. Nhưng đến lúc nguội lạnh thì nguội lạnh hơn tro tàn. Lúc bấy giờ họ sẽ đem chủ nghĩa yếm thế vắn vơ ra mà che đậy một tâm hồn hèn yếu”

Chàng ta và Quỳnh Như lại lén lút gửi thư cho nhau, chàng cho biết tình thế của đảng

khó khăn, quỹ ngày một cạn, sự thất bại gần kề. Sự thực chàng nói dối, cái dáng mỹ nhân thấp thoáng trong hoa, giọng nói du dương vắng vắng chốn khuê phòng khiến cho tráng sĩ hóa ra mơ mộng.

“Mơ mộng đến nỗi viết nên những bài thơ đầy tình uỷ mị như bài thơ độc vận sau này:

Chơi hoa nay đã biết danh hoa,
Nhưng nghĩ tình hoa thẹn với hoa,
Rất réo chiều xuân oanh hót liễu
Càng thêm ngao ngán khách tìm hoa

Ý tứ bài thơ trên không tả một chút tâm trạng gì gọi là tâm trạng một nhà sư hay tâm trạng một danh sĩ có chí khí. Đó chỉ hoàn toàn là tâm tình một anh chàng mê gái”

Và rồi Quỳnh Như cũng lộ chân tướng: một tiểu thư dạt dào tình cảm, chẳng bao lâu chàng và nàng yêu nhau, say mê nhau, trao đổi văn thơ xướng họa:

“Lúc ấy còn đâu là chí phấn đấu, còn đâu là tình khuyến khích”

Chàng soạn xong một thiên tiểu thuyết bằng thơ “Sơ Kính Tân Trang” để tặng khách má hồng. Khái Hưng lấy truyện xưa tích cũ để nhắc nhở các chiến sĩ cách mạng như sau:

“Cho hay ái tình có sức mạnh đến thế. Xưa kia theo đuổi việc lớn, Phạm Thái chưa làm nổi một công trình gì có kết quả mỹ mãn như việc soạn sách này.

Truyện Sơ Kính Tân Trang đã làm cho tên Quỳnh Như bất hủ. Nhưng nó se mãi mãi răn bảo những bậc anh hùng ái quốc rằng chớ nên tạm bước vào vòng tình ái để cố quên hay an ủi một sự thất bại ái tình sẽ chiếm lấy cả tâm hồn ta, không nhường cho việc lớn ta đang theo đuổi một chỗ cón con”

Một hôm mưa to gió lớn, sấm chớp đầy trời, Phạm Thái nhớ tới thời oanh liệt, nghĩ tới các anh em đồng chí đang dấn thân xông xáo tìm cái chết, cái chết thì xa, tình yêu ngay bên cạnh, nó dễ dàng an ủi dẫn dụ chàng vào cõi mộng. Chàng cũng biết tội bỏ đảng của mình và biết xấu hổ:

“Rồi chàng giật mình kinh hãi, nhắm ôn lại những điều lệ nghiêm khắc của đảng Tiêu Sơn đối với các đảng viên. Phải, bị triều đình Tây Sơn truy nã thì còn có thể trốn tránh được, chứ bị đảng Tiêu Sơn kết án thì chỉ có một việc chờ chết.

Hôm nay Phạm Thái càng lo sợ và toan bỏ đi ngay. Chết chàng không quản. Nhưng vì một người con gái mà sao nhãng chí lớn, dù sao nhãng trong một thời kỳ ngắn ngủi, chàng lấy thế làm xấu hổ với lương tâm”

Quỳnh Như treo cổ tự vẫn vì bị ép duyên ngay hôm ăn hỏi, Phạm Thái phi ngựa Đến cạnh mộ, nằm vật ra khóc thảm thiết. Tác giả nhìn Phạm Thái bằng cái nhìn rẻ rúng như sau:

“ -Người ấy là Phạm Thái, cựu quân sư của Nguyễn Đoàn, phó đảng trưởng kiêm chức quân sư của đảng Tiêu Sơn. Người ấy đã bao phen xông pha trong rừng gươm đao, nay chỉ còn là một kẻ tầm thường không còn một chút nghị lực để phấn đấu.

Vì người ấy yêu.

Nằm khóc một hồi lâu, Phạm Thái ngồi dậy lau nước mắt, mở đẫy lấy hương và sáp ra thắp. Rồi quỳ bên mộ đọc bài điệu văn sau này:

Nương tử ơi! Chớ oán căn ấy bởi vì đâu? oan thác bởi vì đâu? Cho đến nỗi xuân tàn hoa nọ, thu lẫn trăng rằm.....

.....
nay qua năm cỏ xanh, tưởng người phận bạc, sùi sụt hai hàng tình lệ, giải bày một bức khóc văn; đốt xuống tuyền đài tỏ cùng nương tử”

Lúc cuối truyện, Nhị Nương, Quang Ngọc ra chiều khinh miệt Phạm Thái, Nhị Nương đưa cho Quang Ngọc truyện Sơ kính tân trang và nói :

“-Đây tác phẩm của anh chàng mê gái mà ngu hữu đã sưu tầm được, tuy hãy còn khuyết điểm nhiều.

Quang Ngọc đọc sơ một lượt, rồi buồn rầu, giận dữ ném tập thơ xuống giường”

Từ đây Phạm Thái chán đời, say rượu, thất tình lang thang câu cá, có lần chàng thốt lên: “Ha! Ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu!

Nghĩ một lát chàng lại nói:

... Ha! Ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy hai con mắt mỹ nhân!”

Tiêu Sơn tráng sĩ, một tác phẩm cách mạng được viết năm 1940 khi Khái Hưng dẫn thân vào đảng Đại Việt tranh đấu giành độc lập, tự do, ông lấy truyện xưa che mắt bọn thám tử thực dân để khơi dậy lòng yêu nước của các thanh niên và cũng đưa ra hình ảnh Phạm Thái sa ngã vào bể tình yêu để họ thấy cái gương xấu mà tránh xa.

Câu “Than ôi! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy đôi mắt mỹ nhân” đã được truyền tụng sâu rộng trong dân gian như một danh ngôn bất hủ vì người ta cảm thương cho tâm sự của kẻ thất thời lỡ vận.

Nhưng dưới ngọn bút nghiêm khắc của Khái Hưng, một nhà cách mạng đáng kính, Phạm Thái chỉ là kẻ yếu hèn không còn nghị lực, nhân cách. Từ một tráng sĩ anh hùng

đã một thời ngang dọc, làm quân sư, phó đảng, đã từng múa gươm trên lưng ngựa vào sinh ra tử giữa chốn ba quân, sông pha rừng gươm, đao, tên, đạn, giữa tiếng chuông trống rầm trời, bụi bay mù mịt...

Nay chán đời, thất tình, say rượu, bỏ đảng, giã từ vũ khí, bỏ hết tất cả mọi lý tưởng cao xa, báo đền ơn vua, trả thù cho nhà cho đảng, bỏ hết mọi sự nghiệp lớn lao chỉ vì ĐÔI MẮT MỸ NHÂN.

Túy Hà

Tuyết trắng đường Xuân.

Mùa Xuân lạnh ngắt phương này
Quê nhà nắng ấm, có đầy bát cơm?!

Ba mươi hạp bạn chiều hôm
Nâng ly cạn hết lại ôm nhau cười
Trong làn nước mắt đang rơi
Đắng thêm vị rượu đầy vơi xứ người.

Thì ra Tết đến trong đời
Lưu vong xa xứ cuộc chơi ngậm ngùi
Làm sao cho trọn niềm vui
Khi quê nhà Mẹ thiếu người thân quen.

Nhìn Xuân mưa tuyết buồn thêm
Nhớ ngày nắng lụa nhớ đêm quây quần
Làng xa cho đến xã gần
Râm ran tiếng pháo dòn tan tiếng cười.

Quê nhà không tuyết trắng trời
Chỉ là mưa bụi rớt rơi ghẹo người.
Lạnh chút thôi, ấm một đời
Xuân xa vạn dặm ngàn khơi nhớ hoài.
Lại thêm một tuổi lạc loài
Mai Lan Cúc Trúc Huệ Lài kém tươi
Ở đây thiếu vắng nụ cười
Từ trong chân thật của người thiện tâm.

Chỉ là những lỗ với lỗ
Chỉ là hào nhoáng gói âm thầm buồn
Bánh chưng vuông bánh dày tròn
Tàn theo ký ức, không còn như xưa.

Như người từ thời cày bừa
Chia tay ruộng lúa bóng dừa quê ta
Sang sông theo bến bờ xa
Nhuộm màu tóc mới thay da đổi đời.

Lại còn đôi luôn cuộc chơi
Trái tim lạc hướng bỏ rơi phận mình.
Tưởng rằng ngày sáng bình minh
Đâu ngờ đêm tối rập rình bước chân.

Riêng tôi từ thuở chia phần
Nỗi đau mất nước. đón Xuân khóc thầm
Trời nước Mỹ dưới độ âm
Thương về Quê Mẹ trắng trâm còn nguyên.

Thôi thì lời chúc bình yên
Mong người tâm tịnh, Tân Niên bảo hòa
Còn đời gian dối điều ngoa
Tôi xin lãnh trọn, hương hoa tặng người.

Mùa Xuân hoa tuyết lại rơi
Nỗi buồn đông đá, khóc cười lưu vong.

Song hành

Người về từ núi hoang vu
Ta về từ biển ngát ngư rã rời
Người-ta, như thiệt như chơi
Sắc không vô tướng nói lời gì đây
Người mây trôi, ta gió bay
Cũng là nghiêng ngả mê say một thời
Người mây lạc bốn phương trời

Còn ta gió nổi tả tơi lâu rồi
Phong vân hội ngộ tiếp hơi
Cùng nhau gây lại cuộc chơi chưa tàn
Cho dù đã từng tan đàn
Hay là rả nhé cũng cần có nhau.
Bên trời gác kiếm phong đao
Chung thân biệt xứ ba đào nổi trôi.
Còn nguyên dấu ấn một thời
Nam chinh bắc chiến cùng bơi ngược dòng
Đã là phận nước long đong
Ngựa hồ nhớ ngọn bắc phong cảm hoài.
Người và ta nợ trần ai
Trên đầu nhật nguyệt chung vai gánh đời
Nhất bộ tam bái không lời
Tụng kinh vô tự tứ thời nhập tâm.

Anh hùng bản sắc phân thân
Âm binh ngạ quỷ thắng Thần được sao
Gió đưa câu hát đồng dao
Mây còn lừa nước đổ vào ruộng ta
Sợ gì trời gần đất xa
Còn sông còn núi còn người thương nhau
Còn tự hào trước như sau
Là còn giữ được sắc màu dân ta.
Cám ơn ngày tháng phong ba
Cho ta hiểu được chính tà là đâu
Đã qua bao cuộc bể dâu
Quê hương vẫn giữ được câu tự tình.

Người về từ cõi ba sinh
Ta về hương lửa thấp tình quê hương.
Song hành cho hết đoạn trường
Lưu danh góp máu tình vương ý đời.

Phan Các Chiêu Hằng

nhắc chi hoài trăm năm

nhìn trăng treo cuối phố
nhớ màu trăng năm nào
trăng này là mấy nữa
héo tàn trên hư hao

nhìn đêm sâu trăn trở
nhớ gôi chẵn ban đầu
đêm nay là mấy nữa
chìm hẫng xuống lao đao

nhìn tay thon ngón nhỏ
nhớ tay trên phím đàn
đâu rồi tay một thuở
lùa trong tóc em ngoan

nhìn gương soi mắt đỏ
vẫn long lanh kiếm tìm
gương ơi, còn đâu đó
hình hài trong đáy tim

nhìn mưa qua buổi nọ
che kín lối trăng vàng
trăng ơi, thôi đã lỡ
nhắc chi hoài trăm năm.

buổi sáng

sáng rảnh rang, ra chiều mơ mộng
ngồi tập tành uống cà phê đen
sắt se cong đôi vành môi ẩm
chợt bàng hoàng nhớ khói hương quen

sáng ngẩng nhìn lá vàng lười lỉnh
chưa chịu lìa cành, đứng ngó nghiêng
tháng mười bàng hoàng trong trí tưởng

xao xuyến về khóc giữa lặng thinh

sáng ra nhìn trời thu man mác
bỗng nghe thềm làm thơ Việt Nam
mưa tháng mười rơi không ướt mặt
sao hôn ta mù mịt sương giăng

sáng lồi gương ra, ngời soi bóng
nghe tim đau một chút giả vờ
mai già rồi, ta xin cầu khẩn
tim vẫn còn sót mấy vần thơ...

Đi chùa

Hình như nắng sớm ngủ quên
Cho mây len lén về trên vai nàng
Em đi giữa lối hoa vàng
Tháng hai giữ lụa trên tàn lá cao

Áo em đôi vạt xôn xao
Lượn bay trước cổng xuân chào mùa sang
Nhấn người phương ấy về ngang
Bên sân chùa lắng nghe hàng thông reo

Lời kinh chìm giữa quạnh hiu
Ru em từng tháng ngày đều đặn qua
Bướm ơi, xin nhớ hồn hoa
Hẹn mai chết dưới hiên chùa tịnh tâm

Khi môi thơm khép nghìn năm
Tàn hơi thở muộn khóc lần chia phôi
Bướm gom mộng chở về trời
Làm mưa rơi ẩm trên đời người thương

Em đi chùa tóc mây buông
Lời kinh cầu gửi người ngàn năm xa
Em quỳ, nghiêng xuống hư vô

Khói hương che khuất đôi bờ thiên thu...

Nguyễn Thị Thanh Dương

Mùa Xuân

Trên Cây Sầu Đông

Tôi đã thức giấc nhưng vẫn lười biếng cuộn mình trong chăn ấm, chưa muốn rời khỏi giường. Thời tiết giữa mùa Đông lạnh, dù máy sưởi nóng lúc nào cũng chạy cho đủ ấm trong nhà, mà tôi vẫn cảm thấy hơi lạnh từ ngoài không gian đang len lén thấm vào qua từng khe cửa.

Hôm nay là thứ Bảy, và vì tôi đang buồn nên có quyền hư một chút, dậy sớm cũng chẳng biết làm gì, cơm nước thì đã có mẹ tôi lo. Nhưng nằm mãi cũng chán, liếc nhìn đồng hồ trên tường đã 9 giờ sáng, tôi tung mền ngồi dậy, ra kéo màn cửa sổ lên.

Ngoài trời, hàng cây mùa Đông không lá trơ cành héo khô đứng im buồn trong màu trời u ám, đã từ lâu tôi vẫn gọi những cây này là “Cây Sầu Đông”, vì nó chỉ vui tươi ra lá khi trời hết lạnh, khi gió Xuân về.

Tôi dỗi hờn nghĩ tới những mùa Đông lạnh như thế này trong đời, “Cây Sầu Đông” đã cho tôi những nỗi buồn nên thơ lãng mạn. Hôm nay cũng chính hình ảnh ấy lại cho tôi một nỗi buồn... thê thảm, vợ chồng tôi đang giận nhau, gay go lắm, chồng tôi bỏ về nhà cha mẹ anh ấy, tôi cũng chẳng vừa, cuốn gói về nhà cha mẹ mình sau một cuộc cãi vã to tiếng, và ngôi nhà của hai người bỗng... trở thành vô chủ.

Gia đình đôi bên ở cùng thành phố, chúng tôi lấy nhau tưởng rằng sẽ thuận tiện đi về nhà cha mẹ sum họp mỗi cuối tuần hay những ngày lễ nghỉ, nào ngờ, lại là nơi trú ẩn cho mỗi người, trở về mái nhà xưa không hào hứng vui vẻ gì, và cũng chẳng được cha mẹ chờ mong đón tiếp.

Khi vừa thấy tôi đứng trước cửa với cái valy quần áo to lù lù, mẹ tôi đã xụ mặt xuống, gay gắt:

- Lại cãi nhau, giận nhau với chồng hả?
- Vâng, mẹ cho con tạm trú vài ngày cho bớt căng thẳng...

Dĩ nhiên mẹ tôi không thể quăng valy của tôi ra ngoài như người chủ nhà tổng khứ kẻ thuê nhà không có tiền trả. Bà cần nhắc:

- Đáng lẽ con không nên bỏ đi, bất cứ giá nào người vợ cũng phải ở nhà, rồi sóng gió sẽ qua đi. Ngôi nhà vẫn là tổ ấm.
- Nhưng anh ta là người bỏ đi trước, con chẳng đại gì ôm lấy cái tổ một mình cho lép vế.

Mẹ tôi lo lắng hỏi:

- Nhưng vợ chồng con đã xảy ra chuyện gì?

Tôi kể tội chồng:

- Anh ta đã tự ý đóng góp tiền với gia đình để gởi về cho những thân nhân còn lại bên Việt Nam nhân dịp Tết sắp đến này mà chẳng hỏi ý kiến con lấy một câu, con phát hiện ra cần nhằn thì anh ta nói con ích kỷ, hẹp hòi với nhà chồng, có mấy trăm đồng bạc mà cũng bắt chồng phải khai báo, còn hơn là hải quan Việt Nam hạch học Việt Kiều khi về nước.

Mẹ tôi thở phào:

- Mẹ tưởng chuyện gì to tát, chuyện ấy có đáng gì, nó nói thế là đúng rồi, nó làm ra tiền cũng có quyền tiêu xài riêng chút đỉnh, hơn nữa để làm quà cho người thân ở Việt Nam nhân dịp Xuân về. Nhà nào cũng thế con à, cuối năm cũng thu vén tiền bạc gởi về làm quà cho người thân vui Tết, chồng con có lừa tiền dối bạc cho gái hay hoang tàn ăn nhậu đâu mà con nổi nóng lên.

- Nhưng đáng lẽ anh ta phải nhẹ nhàng giải thích cho con hiểu, đằng này anh ta to tiếng trước, mắng con trước...

Rồi tôi oán trách:

- Sao ngày đó chính mẹ đi coi tướng số nói hai đứa con hợp tuổi nhau, trên thuận dưới hòa, và chọn “ngày lành tháng tốt” tổ chức đám cưới. Hai năm sống chung đã cãi nhau mấy lần rồi. Con không tin vào thầy bói, tướng số nữa đâu, bạn con trước ngày cưới cả hai bên gia đình cũng xúm vào coi tuổi, và chọn “Ngày lành tháng tốt” mà bây giờ đang li dị đó.

Mẹ tôi khuyên:

- Con ạ, vợ chồng trẻ, nên động một tí là tự ái rồi cãi nhau, nếu không biết nhường nhịn thì dễ đổ vỡ một cách oan uổng. Mai này có con cái sẽ ràng buộc nhau, biết nhường nhịn nhau hơn.

Mẹ tôi lôi quá khứ ra chứng minh:

- Mà con cũng chẳng vừa, tính nết con vừa kiêu vừa hay lấn lướt người khác, hồi còn bé đã lộ ra rồi, chuyên ăn hiếp chị, xí phần của chị, cái gì cũng đòi trước, đòi hơn. Người ta đã nói: “Giang sơn dễ đổi, tính nết khó dời” là thế. Còn cái chuyện “Ngày lành tháng tốt” vẫn đúng với nhiều người chứ con, “có thờ có thiêng, có kiêng có lành” mà.

Tôi lôi hiện tại ra chứng minh:

- Chợ búa, hàng quán của người Việt Nam cũng chọn “ngày lành tháng tốt” để khai trương. Nhưng thử bán hàng vừa dở vừa mắc xem có đông khách không? Hay là sập tiệm sớm? Còn chợ Mỹ, khỏi cần chọn ngày giờ khai trương, cứ bán hàng rẻ là đông khách, như chợ Wal-Mart, còn chợ Tom Thumb gần nhà mình đó, trái cây, rau ría, xếp

thật đẹp, nhưng giá cả trời ơi, mắc hơn các chợ khác nên chẳng ai sò tới, chợ vắng như chùa bà Đanh.

Đang nghĩ lan man đến đây thì tiếng mẹ tôi gọi vào:

- Con ơi, dậy chưa ra ăn bánh cuốn nóng với mẹ ...

Công nhận mỗi lần giận chồng về nhà mẹ mình được nuông chiều sướng thật, đỡ “vất vả” hơn sống với chồng, phải phục vụ anh ta mà có khi còn chưa vừa lòng, vẫn bị chê canh mặn, cơm khô.

Tôi ngồi vào bàn với đĩa bánh cuốn nóng mà mẹ vừa làm. Vừa ăn tôi vừa nghĩ đến chồng, chắc anh ta cũng đang được mẹ cưng chiều như tôi, điều này tôi biết từ trước khi lấy anh, mẹ chồng tôi thương con đặc biệt, lúc nào cũng bày ra các món ăn ngon cho con mình, đến nỗi khi về ở riêng với tôi, chồng tôi còn luyến tiếc ước ao:

- Giá mà mẹ ở chung với chúng mình.

Tôi đã phải vùng vằng:

- Anh muốn ở với mẹ thì đừng lấy em nữa.

Mẹ chồng tôi có tài nấu ăn ngon, bất cứ món nhỏ món lớn gì bà đều làm thành món tuyệt vời, chỉ mấy con cá đù tầm thường dưới bàn tay ảo thuật của bà đã trở thành món cá kho ngon lạ miệng, miếng cá se cứng, thấm gia vị đậm đà ăn hoài không thấy ngán, hay đơn giản như món sương sa mùa hè bà hay làm, ăn đến đâu thơm mát đến đó, và mát vào cả tới tim gan phèo phổi.

Cho nên mỗi khi vợ chồng cãi vã giận hờn anh ta lại về nhà mình, vừa làm cao với vợ, vừa nhân thể được ăn ngon để ... bù đắp lại những thiếu sót, vụng về của vợ.

Làm con dâu một bà mẹ chồng giỏi bếp núc, tôi đã vụng về, lại càng trở nên vụng về hơn bao giờ hết.

Mẹ tôi nhìn tờ lịch trên tường và khuyên:

- Còn một tuần nữa là Tết âm lịch, vợ chồng nên bảo nhau làm huê cho vui nhà vui cửa, và đón Tết theo truyền thống ông bà cho phải phép.

Được mẹ chiều, cho ăn ngon vừa ý, chắc là chồng tôi sẽ... quên mất ngày về “đoàn tụ” với vợ, và tôi sẽ “ăn nhờ ở đậu” với mẹ tôi lâu hơn, Tết nhất thì có nhằm nhò gì. Tôi tự ái:

- Không cần mẹ ạ, con sẽ ăn Tết với mẹ, còn anh ấy ăn Tết với mẹ anh ấy. Thế là cả hai cùng... vui.

- Con nói thế sao được, vợ chồng là phải có nhau chứ.

Tôi chạnh lòng vì câu nói của mẹ, bỗng dưng thấy nhớ nhà, nhớ những khung cửa sổ đang khép kín, vắng hơi người, im tiếng nói tiếng cười của đôi vợ chồng trẻ. Đáng lẽ giờ này những cánh cửa sổ nhà đã mở, mùi cà phê buổi sáng anh pha thơm trong gian bếp, và tôi với anh sẽ đứng bên một khung cửa sổ nào đó cùng nhìn “Cây Sầu Đông”,

mà mơ mộng, băng khuâng, tay anh âu yếm quàng qua vai tôi, sẽ ấm cúng biết bao.

Tôi vào phòng thay quần áo, mẹ tôi ngạc nhiên:

- Con đi đâu sớm thế? Sao không ở nhà đợi chồng con đến đây? mẹ có linh cảm là hôm nay nó sẽ đến tìm con làm huê đấy.

- Con về nhà lấy thêm vài món đồ cần dùng mẹ ạ.

- Gì ơi, con tính ở đây lâu dài hả?

Tôi nói dối mẹ vì lòng tự ái của tôi cao như mây trên trời, làm sao tôi dám nói với mẹ rằng tôi cũng nhớ nhà, nhớ chồng, và đang tha thiết mong gặp lại anh? Đã 2 ngày qua, tôi nguôi giận và thấy mình cũng có lỗi trong chuyện cãi vã này.

Tôi lái xe về nhà, ngạc nhiên thấy từ xa những khung cửa sổ đã mở. Thì ra anh đã về nhà trước, khi tôi bước vào là lúc anh đang pha một ly cà phê thơm phức như tôi vừa tưởng tượng lúc nãy. Ôi, khung cảnh quen thuộc, mùi thơm quen thuộc... đây mới chính là nơi chôn của tôi.

Hai vợ chồng nhìn nhau, cả hai như cùng được điều khiển bởi một mệnh lệnh vô hình, chạy tới ôm chầm lấy nhau cùng một lúc:

- Em tha lỗi cho anh nhé?

- Anh cũng đừng trách em nhé?

Anh cương quyết nhận lỗi:

- Không, anh mới là người có lỗi, đáng lý ra anh bàn bạc với em trước về việc góp tiền cùng gia đình gửi về quà Tết cho thân nhân, họ hàng bên Việt Nam thì hay hơn.

Tôi cũng cố tranh dành:

- Em mới là người có lỗi, đáng lý ra em nên nhẹ nhàng từ tốn hỏi anh thay vì cằn nhằn sừng xĩa thì tốt hơn. Làm hai vợ chồng mình giận nhau, làm mẹ em và mẹ anh đều buồn và tốn công phục vụ cơm nước cho hai đứa mình.

- Tại anh mà!

- Tại em mà. Thôi thì tại mỗi người một nửa anh nhé? cuộc sống ngắn lắm, mình giận hờn nhau là đã bỏ phí đi một khoảng thời gian vô giá để yêu thương nhau rồi đấy.

- Anh vừa buồn vừa nhớ em vô cùng, nên quay về nhà, tính uống xong ly cà phê sẽ sang nhà mẹ đón em về.

- Thì ra mẹ em đoán chẳng sai tí nào...

Tôi nòng nân úp mặt vào vai anh:

- Em cũng thế, cả buổi sáng nay cứ thấy lòng băng khuâng, thấy nhớ nhà và nhớ anh nên em trở về. Nãy đứng bên cửa sổ nhà mẹ nhìn “Cây Sầu Đông” mà em buồn muốn khóc.

Rồi tôi trêu chọc:

- Thế anh không muốn ở lại nhà mẹ lâu hơn để được nuông chiều với các món ăn ngon

lành nữa sao?

Anh thì thăm âu yếm:

- Thà ăn dở mà được gần em vẫn hơn. Mẹ anh cũng như mẹ em, nói là em đang mong chờ anh về. Anh nhớ em, anh cần em, anh cũng nhìn “Cây Sầu Đông” bên cửa sổ nhà mẹ anh mà nhớ em muốn điên cả người, vì anh biết em thích mơ mộng với hình ảnh ấy, nên chỉ mong sao có em đứng bên cạnh. Để anh được mơ mộng mơ cùng.

Giọng anh vui hẳn:

- Bên mẹ đã mua sắm chuẩn bị cho những món ăn Tết cổ truyền Việt Nam, mẹ nói Tết năm nay mình sang bên mẹ ăn Tết cho vui.

- Nhưng em muốn mình vẫn có cái Tết của riêng mình, tại nhà mình.

- Vậy chiều nay vợ chồng mình đi mua đồ sắm Tết, tới ngày Tết mình sẽ làm một bữa mời cha mẹ hai bên cùng vài người bạn thân, sau đó sẽ lần lượt đến ăn Tết bên anh, bên em để cho hai bà mẹ yên chí, ăn ngon ngủ yên.

- Vâng, anh tâm lý thật, mỗi lần thấy em xách va ly về nhà là mẹ em lo buồn lắm. Làm như em là của nợ đời.

- Còn mẹ anh thì bồn chồn, chỉ muốn tiễn anh về nhà sớm. Không phải lúc nào vòng tay mẹ hiền cũng mở rộng đón con thân yêu đâu nhé em.

Tôi nũng nịu:

- Anh phải chở em đi farm để mua gà tươi sống, em sẽ nấu món miến gà cúng chiều 30 Tết thật ngon cho anh ăn. Cái món mà anh vẫn thích mẹ anh nấu ấy. Hi vọng món miến gà của em sẽ “cạnh tranh” được với miến gà của mẹ anh.

Chồng tôi rồi rít khen:

- Không ngờ em lại giỏi đến thế.

- Vì em thấy anh khen mẹ anh hoài nên em “tự ái” phải lo học hỏi bạn bè để biết nấu món như người ta, bảo đảm món miến gà sẽ làm anh vừa lòng, nước lèo thơm ngon, sợi miến trong dai, thịt gà luộc vừa chín tới, xé nhỏ, rắc tí tiêu và hành ngò lên thì không thua gì món nhà hàng cao cấp nhé.

- Nhất định anh sẽ để bụng đói để ăn món miến gà chiều 30 Tết của em. Thôi, để anh ra uống ly cà phê kéo nguội mát...

Anh mang ly cà phê đến bên tôi, chúng tôi đứng bên khung cửa sổ. Giọng anh êm đềm như gió Xuân từ nơi đâu thổi về:

- Em ơi, mùa Xuân của quê hương mình đang về, nên dù ở đây là mùa Đông mà vẫn ấm lòng em nhỉ?

- Anh chỉ nói đúng một nửa thôi, một nửa còn lại là vì chúng mình vừa làm lành với nhau, biết tha thứ cho nhau, nghĩa là vẫn yêu nhau tha thiết.

Ngoài kia những “Cây Sầu Đông” vẫn chìa bao nhiêu là cành khô màu nâu nhạt, hiu

hắt, khăng khiu giữa nền trời mây xám giăng giăng và lạnh đầy. Nhưng kỳ diệu thay, tôi không thấy u buồn nữa, mà chỉ thấy một mùa Xuân tươi thắm đang rực rỡ trên những “Cây Sầu Đông” của tôi .

Dương Quân

Khúc tình buồn

Đã qua rồi, vàng thu bay lá rụng
Hoàng Gia ơi! Công Chúa ngủ trên rừng
Ta nhớ mãi, biển hoàng hôn gió lộng
Người về đâu? sương khói phủ rung rung.
Người về đâu? gót son mờ thắm ngọc
Nét dung nghi kiều diễm rợp thêm hoa
Xiêm áo mỏng, xua hôn ai ngậy ngát
Tòa thiên nhiên cong vút vóc thân ngà.
Ta chợt thấy ta như người chết đuối
Hoàng Gia ơi! xá tội kẻ thần dân
Xin cung hiến trái tim này chuộc lỗi
Và bài thơ thổn thức mộng phai tàn.
Sao thê thiết, buồn mênh mông lặng lẽ
Công Chúa ơi! có còn ngủ trên rừng?
Người về đâu? để nhạt nhòa nhân thế
Ta đầm òa giấc ngủ chiếu chăn đơn.
Ta nhớ lắm! ngát ngậy, hôn cháy bỏng
Thuở vàng thu, mây trắng, biển tương tư
Xin hái cho ta cành hoa Tuyết Vọng
Ta sẽ chờ dưới nấm mộ hoang sơ.
Nhớ nắng
Bây giờ chắc đã vào xuân
Mà sao vẫn lạnh như gần cuối thu
Vẫn mây trĩu thấp, sương mù
Vẫn thương nhớ lắm, vẫn tương tư nhiều.
Vì đâu đình đở, quán xiêu
Thế nhân bỗng chốc tiêu điều xác xơ?
Hỡi ơi! biển nhớ vô bờ
Xuân thu nhạt nắng, dật dờ khói mây.

Hỏi em, đơn giản câu này:
“Bây giờ bên ấy bàn tay ai cầm?”
Ngọt ngào gọi tiếng tri âm
Nắng xuân chắc đã từ tâm trở về.
Tiếng ai đang thốt lời thề
Nửa hồn tỉnh táo, nửa mê luân hồi
Nhặt lên giọt nắng vừa rơi
Tìm trong thu cũ có người ngủ quên.
Ngón ngang một gánh ưu phiền
Chắc gì xuân đến ngoài hiên nắng mừng
Chắc gì đã thật vào xuân
Vì sương tuyết nhuộm mấy tầng hoàng hôn.
Thì ra: Nhớ nắng mỗi mồn
Mà sao xuân vẫn mãi còn phiêu lưu?
Lời ru mùa xuân
Ru em về ngủ bên hoa
Màn sương giăng mỏng, trăng tà lung linh
Ru em tròn giấc yên bình
Cho môi em mọng, cho tình em say
Cho nhô triền núi cao đây
Cho rừng ven suối cỏ cây chập chùng
Ru em bờ bãi mệnh mông
Triều dâng sóng vỗ ngợp vòng bình nguyên
Xuân nồng dài tiếng ru em
Gối đầu tựa cánh tay mềm thon von
Mai này xuân dẫu phai mồn
Tình em vẫn thắm khi còn cội hoa.

Lan Cao

Bóng tình yêu

Đêm thủy tinh rơi
Cô gái tóc vàng tĩnh lặng
Tương tư người yêu, sa mạc mặt trời
Từng phút sống, canh chừng phút chết
Hơi thở vào không kịp nuốt buồn vui.

Ngoài vườn hoa hồng nở
Mắt nàng đắm chiều
Dây phở già ngủ say trong mộ tuyết
Heo hắt đèn khuya
Tóc xỏa bóng linh hồn yêu khao khát
Đuổi giấc mơ, xin chân thật quay về.

Tiếng gió tri tro
Cây lá khóc, hạt buồn nhỏ xuống
Nàng cũng khóc
Góc lòng rớm máu bóng người thương
Vòng tay hụt hẫng
Tuổi đang yêu, chưa kịp trẻ miên trường.

Tiếng bom tự sát
Vỡ trái hồn đôi trẻ hẹn chờ nhau
Mùa chín ngọt, vườn môi ân ái
Lạnh lòng như mây trôi
Gió lòng nổi loạn
Bóng hình nào! Ôi hạnh phúc ngàn sau.

Cảm thấy đời

Đời như khúc gỗ mục
Trôi trên biển thiên tai
Trong dòng đời bão tố
Nắm mộ ôm thi hài.

Đời vàng như đốm lửa
Chợt tắt trên thân người
Em quỳ lên sám hối
Mở trang Kinh ghen lời.

Đời như hoàng hôn tím
Khiêng nặng một linh hồn
Leo lên đồi dốc đá
Hụt hơi trong đêm buồn.

Đời bức tranh cát bụi
Lõa thể với trăng sao
Anh nghe thâm viên mẫn
Gió hư không gọi vào.
Đời sinh ra đã khóc
Nằm xuống trắng hai tay
Viết tình yêu vào mắt
Bài thơ đời chua cay.

Xuân Du

Vẫn như xưa

mấy ông
chừ bánh quá chừng
còn tôi
thì vẫn lừng khùng
như xưa
một đời
đá cá
lăn dưa
sáu mươi lăm tuổi
còn chưa ra hồn
cũng may
cái xác này còn
sáng
lên núi ngủ
chiều
lon ton về...

Nhớ quê

chiều lên
buồn nhớ
quê hương
nhớ con dốc nhỏ
em thường thường qua

nhớ vàng rắng
nắng
chiều pha

nhớ đàn cò trắng bay
và nhớ em
chiều lên
con phố im lìm
bỗng dưng
nhớ tiếng
chim bìm bịp kêu
bỗng dưng
nhớ buổi cơm chiều
dưới giàn hoa lý
gió dịu dịu đưa
chiều lên
ngồi
ngó vu vơ
ngó
con dốc nhỏ
nằm
chờ xe qua
bỗng rung rúc
nhớ
quê nhà
nhớ
bầy đom đóm
lập lờ
đêm đông
chiều lên
ngồi nhớ hương đồng
nhớ bờ tre
tiếng
chim còng cọc kêu
nhớ đêm
nghe tiếng sáo diều

Nhớ hàng so dưa
lá điều hiu rơi.

Nguyễn Thị Thanh Dương

CHỢ CHIỀU 30 TẾT.

Tôi đã thấy chợ chiều ba mươi Tết,
Buổi chợ cuối cùng trong suốt một năm,
Kẻ bán người mua vội vàng hấp tấp,
Để kịp về nhà sửa soạn đón Xuân.

Vài con gà nhốt trong lồng trơ trọi,
Chắc đang buồn vì xẻ lúa tan bầy?
Giá đắt rẻ không như lòng mong đợi,
Người cần mua hay cần bán chiều nay.

Bà bán hàng thịt heo đang thu xếp,
Những miếng thịt ôi lặng lẽ nằm chờ,
Đã bao bàn tay cầm lên đặt xuống,
Đến bây giờ vẫn chưa có người mua.

Vẫn kiên nhẫn đợi chờ người khách cuối,
Không có tiền nên sắm Tết cận ngày,
Miếng thịt ế hay con gà mua vội,
Cũng đón Xuân về dù chẳng bằng ai.

Nhà nghèo con đông mua thêm chục trứng,
Thịt kho tàu ăn dưa giá cũng ngon,
Nải chuối xứ xanh trên bàn thờ cúng,
Hộp mứt dừa, trái dưa hấu hai bên.

Những người bán hàng chiều ba mươi Tết,
Muốn kiếm thêm tiền nhân dịp cuối năm,
Để trang trải món nợ nần vay mượn,
Hay có chút tiền tiêu lúc ra giêng.

Những kẻ mua hàng chiều ba mươi Tết,
Bằng đồng tiền ít ỏi cực trăm bề,
Mong mua rẻ món hàng vào phút chót,
Kẻ bán người mua cùng nổi nhiều khê.

Chiều dân tàn, chợ cũng dần thưa vắng,
Bước chân người mua bán đã về đâu?
Những chậu hoa Xuân bây giờ thành rác,
Những lá rau tàn vương vãi, hồn đau?

Tôi đã thấy chợ chiều Ba Mươi Tết,
Buổi chợ cuối cùng trong suốt một năm,
Bỗng như thấy cảnh chợ đời mỗi mết,
Thấy quanh mình buồn hiu hắt gió Xuân.

Tình Hoài Hương

Chuyện non nước
và chuyện chúng mình

Mộng hải hồ anh vui đời lính chiến.
Em tiễn anh tre nghiêng bóng ven đường.
Giếng mắt u hoài chợt sáng niềm thương.
Con dê uốn khúc gập ghềnh đây đó.

Xin cái hẹn đến người em bé nhỏ.
Dẫu tháng ngày cuộc chiến có điều linh.
Năm tay nhau ta nguyện ước chung tình.
Kề vai dạo bước trăng thanh thân ái.

Có nhau rồi đời nên thơ biết mấy!
Sóng thuyền yêu gió lướt đẩy mây đưa.
Dù nhau hò hẹn những buổi sớm trưa.
Lòng son sắt như người xưa vườn Thúy.

Tình thâm thiết đôi ta hăng chung thủy.
Yêu quê hương anh vui mộng công hầu.

Đừng để tháng ngày xa cách dài lâu.
Chuyện non nước, chuyện cùng nhau nguyện ước.

Đường xa trải khi anh hùng mỗi bước.
Đừng gót giang hồ nghỉ phép thăm em.
Dưới giàn hoa thiên lý mộng trăng thêm.
Anh hồi hộp... nắm tay em hôn nhẹ.

Yên Sơn

KHÚC KHUYU DÒNG ĐỜI

ngày 13.10.10

Buổi sáng thứ Tư trong tuần mà điện thoại trong phòng làm việc của hấn reo liên tục, vừa hết cú này sang qua cú khác! Trong lúc hấn đang tìm mọi cách để giải quyết trục trặc hệ thống server của một khách hàng “nặng ký” qua điện thoại thì thằng Quản Đốc tới bảo là lên văn phòng gặp hấn sau khi giải quyết xong vấn đề của khách. Hấn giật mình nhưng đang nói chuyện với khách nên gạt đầu ra dấu “nhận hiểu” và tiếp tục cuộc điện đàm.

Gác máy điện thoại xong, hấn ôn lại cuộc điện đàm vừa qua để kiểm soát thử mình có nói điều gì vi phạm “guideline” của hãng hay không. Chuyện “lỡ lời, thiếu kiên nhẫn, mất bình tĩnh” với các ông bà nội khách hàng cứng đầu, ta đây, mất lịch sự vẫn không tránh khỏi mặc dù công ty đã có những biện pháp nghiêm cấm nhân viên làm mất lòng khách hàng ở bất kỳ hoàn cảnh nào, khía cạnh nào hoặc hình thức nào. Tất cả các kỹ sư trong Technical Department này đều được cấp trên tặng cho những “sản phẩm” làm bằng mủ nhẹ, để “hả giận” nếu gặp nhằm những khách hàng khó ưa, xấc láo. Dù vậy, chuyện các “ngài kỹ sư” đá thùng rác, động bàn, động vách, hoặc những tiếng kêu trời sau khi “mute” đầu dây điện thoại, rồi vò đầu bứt tóc, than vãn như bông vãn xảy ra trong “khu phố” như cơm bữa... Gọi là “khu phố” vì mỗi giám thị trông coi một khu, có khoảng chừng 20 văn phòng lẻ (partition) nằm sát vách nhau. Công ty có “auditing department” để kiểm soát tất cả các cuộc điện đàm của nhân viên với khách hàng. Rất nhiều khi giám thị hoặc quản đốc cũng theo dõi nhân viên dưới quyền tại văn phòng của họ. Việc Giám thị hoặc Quản đốc bỗng nhiên xuất hiện mời lên văn phòng cũng không phải là điều xa lạ gì đối với nhóm kỹ sư trong department này. Bản thân hấn cũng đã vài lần bị sao quả tạ. Nhất là có một lần thằng khách hàng trời đánh gọi hấn là “stupid Chinaman”! Vốn liếng tiếng Mỹ của hấn đâu có tệ nhưng có lẽ nước mắt đã ướt đầu lưỡi hấn cứng cáp hơn nên dù có sửa đổi cách mấy cũng không thể qua mặt

những người sành sỏi âm giọng ngoại quốc. Ngoài ra, lâu lâu cũng có đồng nghiệp chửi khách hàng thẳng tay, chửi luôn cấp trên xong tự động ra về nghỉ việc. Ôi! Cái thời buổi thị trường Computer cạnh tranh nhau một cách gắt gao; thời buổi mà các công ty điện toán đua nhau đưa “job” ra nước ngoài để có thể cắt giảm chi phí tối thiểu, để có thể hạ thấp giá thành sản phẩm tối đa mong bảo tồn market share, quả thật vô cùng chua cay cả cho chủ lẫn người làm. Ôi! Quả là thời buổi gạo châu củi quế!

Dò đi dò lại không thấy có vấn đề gì rong những cuộc điện đàm từ sáng tới giờ, hấn yên tâm logged out, đứng lên đi về phía văn phòng. Vừa đi vừa suy nghĩ lung tung. Không biết có chuyện gì đây, không lẽ được báo tin nghỉ việc?!? Không thể thế được mặc dù công ty đang dần dần sa thải nhân viên! Không thể có chuyện sa thải hấn trong lúc department còn quá nhiều đồng nghiệp “non tay ấn”, nhiều nhân viên có tiếng lười biếng, hoặc có thành tích “con rùa”! Hấn nghĩ là hấn sẽ phải là nhóm người ra đi cuối cùng của department nếu việc cắt giảm nhất định phải xảy ra. Hấn tự tin lắm vì ngoài tài giải quyết vấn đề cho khách hàng nhanh chóng, giải quyết nhiều vụ khó khăn mà nhóm kỹ sư “tiền tuyến” đầu hàng. Hấn lại có thâm niên công vụ nữa, đã từng được nhiều thưởng từ cấp trên với thành tích siêng năng – không bao giờ từ chối làm giờ phụ trội, làm cuối tuần; tình nguyện làm ngày lễ hoặc có ai yêu cầu làm thế – Hơn thế nữa, hấn đã từng được tuyên dương là “nhân viên xuất sắc của tuần, của tháng” – mặc dù cũng có vài lần bị giám thị bắt gặp quả tang hấn đang ngồi miệt mài viết email riêng tư mà không bị khiển trách. Trên tất cả những điều như đã kể, hấn còn hơn đồng nghiệp về tính tình vui vẻ lẫn chuyên môn. Luôn sẵn lòng giúp đỡ đồng nghiệp khi họ gặp khó khăn dealing với khách hàng! Hấn đã có trong tay những chứng chỉ đòi hỏi trong ngành nghề; đặc biệt nhất, hấn đã lấy xong bằng MCSE (Microsoft Certified System Engineer) tháng rồi, sau hơn một năm dài miệt mài vừa học vừa ngủ gục sau giờ tan sở. Hấn hãnh diện lắm vì hấn là một trong số bảy người có bằng cấp này trong cả technical support department hơn hai trăm mạng. Trời ơi, thi xong bảy cái test khác nhau của cấp bằng này là cả một cố gắng phi thường cho một người vừa làm toàn thời gian, vừa đi học chứ phải dễ dãi gì đâu. Cả tháng nay hấn vẫn trông chừng bao giờ được tăng lương mặc dù có sự cắt giảm nhân viên đang xảy ra! Chỉ cách năm bảy năm trước, ai có được bằng MCSE cũng được bảo đảm số lương tối thiểu là sáu chục xấp. Dù bây giờ có phổ thông đi nữa, giá trị của nó cũng còn là niềm hãnh diện và phúc lợi cho người sở đắc trong lĩnh vực điện toán. Hấn tự trấn an “không thể nào đâu” khi bước vào văn phòng Quản đốc.

Trong văn phòng đã có thằng Giám thị khu vực của hấn ngồi đó. Quản đốc lịch sự mời hấn ngồi đối diện với thằng Giám thị, xong tự đứng lên đóng cửa văn phòng. Dù việc đóng cửa văn phòng bao giờ cũng xảy ra để giữ riêng tư cho cuộc thảo luận, nhưng

bỗng nhiên làm hấn hồi hộp lạ thường, nhất là không khí nghiêm trọng trong văn phòng lúc này. Hấn ngược mắt nhìn gương mặt của thằng Giám thị rồi hướng về phía người Quản đốc! Trong đầu hấn bỗng nhiên mất cả tự tin “không thể như thế được!” Anh chàng Quản đốc là một người Mỹ trắng khoảng 40 tuổi, bình thường nói năng nhã nhặn, lịch sự, tính tình phóng khoáng và vui vẻ. Từ lúc anh chàng về làm Quản đốc department này đến nay, cũng đã hơn bốn năm rồi, dường như hấn chưa bao giờ thấy anh chàng nghiêm nghị như hôm nay. Lòng hấn xao xuyến khi nghe anh chàng hỏi:

- Anh nghĩ là chúng ta sẽ nói chuyện gì hôm nay?
- Chắc chắn không phải tôi có vấn đề gì với khách hàng phải không?
- Cứ đoán đại thử (take a rough guess)!
- Tôi được tăng lương?
- Không! – anh chàng Quản Đốc tránh ánh mắt hấn.
- Các anh đừng nói với tôi là tôi sắp phải ký giấy nghỉ việc đó nha!
- Thật là điều không may mắn, nhưng đó là sự thật! – anh chàng Quản đốc nghiêm nghị. Hấn mở to mắt như không nghe, không tin điều hấn vừa nghe:
- Tôi hy vọng các anh không đùa dai với tôi đấy chứ?
- Rất tiếc! – anh chàng nói giọng đưa đám – Chúng tôi cũng ngạc nhiên như anh!
- Tại sao? – hấn cao giọng như muốn gào lên.
- Lệnh của cấp trên và không có giải thích
- Là Quản đốc, là Giám thị các anh hấn phải biết họ cho nhân viên nghỉ việc dựa trên căn bản nào chứ?
- Chúng tôi ao ước có được câu trả lời thỏa đáng cho anh! Nhưng tôi biết chắc một điều anh cũng biết là department này sẽ dần dà đóng cửa. Việc chúng ta đang làm sẽ là việc của một công ty bên Ấn Độ mà anh đã giúp huấn luyện cho họ từ mấy tháng qua.
- Thì ra là vậy! Nhưng sao tôi lại là người đi sớm?
- Anh biết mà! Lương bổng của mỗi người chúng ta bằng lương của năm, bảy người kỹ sư bên Ấn Độ làm cùng công việc!
- Tôi thật sự không tin là tôi bị nghỉ việc vì lương cao. Các anh biết đó, tôi đã hoàn tất văn bằng MCSE mà vẫn chưa được tăng lương tương xứng!
- Nếu anh được giữ lại chắc là người ta phải trả lương tương xứng. Tôi chỉ đoán vậy thôi nha, và nên giữ điều đối thoại này tại văn phòng này.
- Tôi hiểu rồi!!! Department này trước sau gì cũng đóng cửa và người ta không muốn có thay đổi gì trong ngắn hạn?
- Không ý kiến!

Vừa nói, chàng Quản đốc vừa đưa ra xấp hồ sơ và chỉ cho hấn ký vào những nơi cần ký. Hấn ngỡ ngàng như người đi trong mộng, e dè cầm bút mà trong đầu vẫn tự hỏi tại

sao. Vừa ký giấy vừa hỏi cả hai tên những câu hỏi không ai có câu trả lời. Liệu hấn có bị đối xử bất công, hay bị kỳ thị chủng tộc hay bị phân biệt tuổi tác gì không? Hấn chỉ là một trong hai người kỹ sư Việt Nam trong department này, mà anh bạn kia đã bị cho nghỉ cả tháng rồi. Sau cùng, cả hai ông xếp bắt tay và chúc hấn may mắn. Cho hấn biết là hấn từ từ dọn văn phòng, hấn vẫn được trả lương cho đến thứ Sáu. Chiều thứ Sáu, trước khi ra về, giao chìa khóa văn phòng và công việc cho Giám thị. Và còn nói thông một câu:

- Nếu anh tin rằng anh bị đối xử không công bằng thì cứ liên lạc với sở lao động! Điều phải đến đã đến!

Ai cũng biết chuyện gì tới sẽ tới, nhưng thường “những sự tới” hay xuất hiện bất thành linh, rất đột ngột làm người ta hụt hẫng, chói với, bàng hoàng và không biết phản ứng ra sao hết! Bước chân ra khỏi văn phòng, hấn đã thấy có vài cặp mắt nhìn hấn như dò hỏi. Hấn thản nhiên bảo đồng nghiệp là việc gì chúng ta lo sợ xảy ra thường xảy ra rất mau, thế thôi! Về lại văn phòng, hấn gieo mình xuống ghế, đầu óc nặng trĩu những u hoài. Một vài người bạn sát bên qua thăm hỏi và chia buồn với hấn. Hấn trực nhớ lại những tiếng xầm xì, thương hại cũng có, phiên trách chê bai cũng có của một số đồng nghiệp về một đồng nghiệp khác bị nghỉ việc vào đầu tuần (anh ta ký giấy nghỉ việc rồi về văn phòng đập phá sau khi khóc lóc là mới mua nhà, mua xe... bị an ninh của hãng còng tay dẫn đi), hấn quyết định chọn thái độ phớt lờ, nói cười tự nhiên dù trong lòng là những tơ vương trăm mối. Không trăm mối sao được khi kỹ nghệ điện toán càng ngày càng sa thải nhân viên, khi những kỹ sư trẻ ra trường rất khó khăn để tìm được một công việc trong ngành nghề này, nhất là hardware; nếu có được thuê mướn cũng chỉ được đồng lương không tương xứng! Không trăm mối sao được khi ngành hardware điện toán được các hãng xưởng đua nhau đem ra nước ngoài! Dù có MCSE, nhưng bao nhiêu kinh nghiệm của hấn đều thuộc hardware! Không bi quan sao được khi tuổi đời đã quá giới hạn để cạnh tranh công việc với sinh viên mới ra trường với số lương tối thiểu; hoặc can đảm nào để “làm lại từ đầu”? Nghĩ tới bốn chữ này tự nhiên hấn rùng mình! Từ ngày qua Mỹ tới nay, 28 năm có dư, hấn đã phải năm lần bảy lượt “làm lại từ đầu”? Khi còn trẻ người ta không ngại lắm, nhưng ở Mỹ, qua tuổi bốn mươi rất khó bon chen, hưởng hồ chi... Dù không một hãng xưởng nào đặt điều kiện tuổi tác khi thuê mướn nhân viên (nghiêm cấm là đằng khác. Ở Mỹ, luật sư nhiều tương đương với kỹ sư, bác sĩ... ở một đất nước mà hở ra một chút là có thừa có kiện, để đáo tụng tiền đình), nhưng luật bất thành văn ai ai cũng hiểu, cũng áp dụng. Kinh nghiệm này hấn học được qua các khóa Quản Trị sơ cấp và Trung cấp của hệ thống nhà hàng hamburger Wendy's International khi làm supervisor rồi manager cho một nhà hàng ở miền Bắc California. Cũng như trong các khóa Quản trị nhân viên, khi làm International Sale and

Marketing Assistant Director cho hãng Schwan's Asian Foods.

Hắn muốn gọi điện thoại cho vợ để thông báo tin buồn, nhưng nghĩ đi nghĩ lại là không nên làm nằng phiến muộn trong lòng đang khi làm việc. Hắn ngồi thừ người suy nghĩ hết chuyện nọ đến chuyện kia, đầy những âu lo, và bấp bênh trước mắt! Không âu lo sao được khi cả hai đứa con lớn đang học đại học, đứa nhỏ đang ở cấp trung học! Không âu lo sao được khi hai vợ chồng đều phải đi làm tất bật mỗi ngày để thanh toán cuộc sống vật chất với hàng trăm thứ nợ, để con cái khỏi phải vay mượn tiền học, tránh được cho con những số nợ khổng lồ sau khi ra trường. Thế mà bây giờ chỉ còn lại một người! Liệu với số tiền dành dụm lâu nay và số bồi hoàn nghỉ việc sẽ chống đỡ được bao lâu. Đời sống của hắn chắc chắn sẽ vô cùng xáo trộn. Nhưng trên tất cả, câu hỏi vẫn lớn vồn trong đầu “rồi mình sẽ làm gì, đời sống sẽ ra sao”?! Hắn không đủ tự tin là sẽ dễ tìm được việc làm trong ngành nghề này. Càng suy nghĩ càng tức và tiếc. Khổ công chăm chỉ sách đèn cả năm trời, vừa thi đậu đã thành vô dụng! Nếu biết thế, tội gì!

Nếu biết thế, tội gì! Hắn bỗng bật cười! Dường như câu này rất ư thân thuộc, nhất là ngày bỏ nước ra đi! Khi bỏ nước ra đi để lại một người nguyện ước trăm năm mà hắn vẫn trân quý, yêu mến, giữ gìn sau bao nhiêu tháng năm thân thiết. Nếu biết là sẽ chạy thực mạng thì đêm trước đó hắn đã bỏ sở chạy ra Saigon đón nàng cùng đi. Khi bỏ nước ra đi, trong nhà băng hắn để dành hơn nửa triệu bạc. Hắn đã phải giới hạn chi tiêu tối đa, dè sẻng từng đồng để dự định với nàng một đám cưới cho rõ ràng với bạn bè hai bên! Chưa kể “nếu biết thế” đã rất nhiều lần đến với hắn trong những thăng trầm cuộc sống tha hương

Hắn bước ra khỏi văn phòng tính đi lấy café. Hắn vẫn uống café cả ngày đó mà, nhất là sau những cú phone hóc búa! Đồng hồ đã chỉ 3 giờ chiều, hắn sực nhớ là hắn đã bỏ cơm trưa mà không thấy đói. Hắn tự hỏi “mình ở lại làm gì, mình đã là free man rồi mà, đâu có ai bắt buộc mình phải tiếp tục làm việc khi đã được thông báo cho nghỉ việc!” Hắn thu xếp rời văn phòng sau khi chào thẳng giám thị.

Con đường dài cả tiếng đồng hồ với tốc độ trung bình 70 dặm một giờ đã đưa hắn đi về mỗi ngày hai bận, rờn rã hơn 5 năm qua, hôm nay xe cộ dường như thừa thớt! Thói quen nghe nhạc trên đường cũng trở thành ồn ào khó chịu. Hắn tắt máy, mở toang các cửa sổ cho gió lộng ào ạt vào xe. Dù là tháng cuối cùng của mùa xuân ở Houston, Texas nhưng khí hậu đã có vẻ oi nồng như đầu hạ, không như ở vùng “Thung Lũng Hoa Vàng” phía bắc, hoặc Orange County phía nam của California – những nơi mà hắn đã từng ở qua. Hắn cố không nghĩ tới chuyện không vui hôm nay, nhưng không thể nào đẩy lui những ưu tư đang dày xéo trong tâm thức được! Không biết gia đình hắn sẽ phản ứng ra sao! Nhất là gương mặt sầu não của “con gái rượu” – nó vẫn gọi nó là daddy's girl. Nhớ lần thất nghiệp trước, con bé mới có 14 tuổi mà đã cảm nhận được

nỗi vui buồn của bố nó. Nó cứ quẩn quít một bên, khi nào gặp hấn ở nhà, sau giờ học về mỗi ngày. Nó cứ nói: “bố đừng buồn nghe bố, bố sẽ tìm được việc sớm mà”. Hoặc: “con sẽ không đòi học lái xe khi con 16 tuổi, con sẽ không đòi mua xe mới, con sẽ học giỏi, sẽ rất ngoan, sẽ không đi học đại học xa nhà...” Mới đó mà nó đã học năm thứ ba rồi, vẫn như ngày còn bé, vẫn là con gái rệu, vẫn loanh quanh chuyện trò với bố những vui buồn hàng ngày, đã giữ lời hứa chỉ học lái xe để đi học đại học trong thành phố, đã không vội mua xe mới khi ra trường “top ten”. Hấn thật sự không sợ vợ hấn buồn mà chỉ lo con gái!!!

Hấn lắc đầu thật mạnh, cổ xua đuổi hình ảnh không vui làm tay lái chao đảo. Chiếc xe lạng qua bên trái một chút, tiếng bóp kèn cùng với tiếng va chạm đụng xe... Hấn điếng người, tìm cách tấp nhanh vào lề phải cùng lúc với chiếc xe kia. Người tài xế là một anh trung niên da màu, mặt mày giận dữ, dùng tiếng Đức xả láng với hấn khi hấn vừa bước xuống xe. Thấy tài xế không việc gì hấn thật hú vía, ngỏ lời xin lỗi! Hấn nói là hấn có bảo hiểm, đề nghị trao đổi chi tiết không cần chờ cảnh sát nhưng tên tài xế không chịu, nhất định gọi cảnh sát. Trong khi anh chàng gọi cảnh sát, hấn có dịp quan sát cả hai xe. Ở cửa sau bên trái của xe hấn đã như chiếc bánh tráng nhúng nước trong khi đầu bên phải xe anh chàng cũng bể hết đèn và móp thật sâu. Cả hai xe đều là xe Nhật Bản! (người miền nam nước Mỹ rất chuộng xe Nhật Bản trong khi dân miền bắc bao giờ cũng rất bảo thủ, 90% người dân chỉ mua xe Mỹ).

Nỗi bực bội càng thêm bực bội khi nắng chiều vẫn còn rọi xuống chang chang. Đứng ngoài nắng chờ cảnh sát tới biên phạt quả là không thể không phiền! Mãi tới gần tiếng đồng hồ sau mới lãnh xong cái giấy phạt về tội bất cẩn (reckless driving). Càng phiền não hơn khi sực nhớ là xe mình chỉ có bảo hiểm một chiều! (khi có tai nạn mà mình là người có lỗi thì hãng bảo hiểm chỉ đền cho người ta). Chao ôi nào là đóng tiền phạt, tiền sửa xe, bảo hiểm sẽ tăng giá... và sự bất an của gia đình trong những ngày tháng tới!!!

Đang ngủ ngon giấc thì con bé vào gọi dậy ăn cơm tối. Nhìn đồng hồ thấy đã 8g. Trên bàn ăn có đông đủ mọi người, nhất là thằng con trai lớn rất ít gặp. Rất ít gặp vì nó đi chơi với bạn bè nhiều hơn ở nhà. Học bao nhiêu năm rồi mà vẫn chưa tới đâu, trong khi bạn bè trang lứa của nó đã xong đại học, đứa học thêm, nhiều đứa đã đi làm! Ít gặp vì khi nào gặp cũng bị hấn la rầy nên tránh mặt! Đang muốn hỏi chuyện nó nhưng thấy tia nhìn khác lạ của vợ khiến hấn chột nghĩ lại thân phận mình! Hấn im lặng ngồi xuống, cảm nhận như có điều bất thường.

Xong bữa cơm, đang khi mấy mẹ con dọn bàn, thằng con lớn mời mọi người ngồi lại vì nó có chuyện muốn nói. Hấn ngạc nhiên lắm, không biết chuyện gì mà trông nó nghiêm trang chưa từng thấy. Trục nghĩ tới vẻ mặt nghiêm trang của thằng Quân đốc hôm nay ở

sở, hẩn nhột nhột trong lòng, ngồi yên lặng. Hẩn đã tính khi mẹ con dọn bàn xong thì hẩn sẽ nói về chuyện hôm nay, chưa kịp lên tiếng thì thằng con đã làm hẩn lên ruột:

- Thừa Ba Mẹ, con xin lỗi đã làm phiền lòng Ba Mẹ từ mấy năm nay, con không thể nào chú tâm vào sách vở được! Những điều con sắp nói ra đây, hy vọng không làm Ba Mẹ và các em thất vọng. Con đã suy nghĩ nhiều về đề nghị của Ba Mẹ năm trước là nếu con không thể học được thì nên đi vào quân ngũ một thời gian! Lúc đầu con rất buồn lòng Ba Mẹ, nhưng càng ngày con càng thấy là con không còn lối thoát nào hơn! Con đã lên Ba Mẹ nộp đơn vào quân đội, muốn làm pilot như Ba hồi xưa nhưng họ nói con cao quá (6 feet 5), vì thế con làm đơn xin gia nhập Bộ Binh từ nhiều tháng nay. Con đã hoàn tất việc khám sức khỏe và xong phần điều tra lý lịch cá nhân. Hôm nay con nhận được giấy báo trình diện nhập ngũ. Con phải đi ngày thứ Bảy tới này. Con sẽ đi về ngành thẩm vấn điều tra Quân đội. Đó là tất cả những gì con muốn nói hôm nay. Một lần nữa con xin lỗi Ba Mẹ đã không học hành thành đạt như Ba Mẹ mong ước!

Thằng con nói một hơi, nửa Việt nửa Mỹ, nhưng mạch lạc, rõ ràng. Mẹ nó với nét mặt âu lo và phảng phất buồn, hỏi chương trình huấn luyện ra sao, ở đâu? Nó cho biết là 3 tháng huấn nhục (boot camp) và căn bản quân sự ở Fort Sil, Oklahoma; 4 tháng tiếp học ngành chuyên môn ở Fort Huachuca, Arizona; xong sẽ về trường Sinh Ngữ Quân Đội ở Monterey, California để học tiếng Trung Hoa 2 năm. Sau đó sẽ được bổ nhiệm đi Châu Á!

Hẩn ngồi yên lặng từ đầu tới cuối, lòng đắm chìm trong những buồn vui lẫn lộn, mắt ngó thằng con chăm chăm. Vui vì cuối cùng nó đã thấy được những lỗi lầm và có thể tự quyết định điều đúng đắn. Nhưng buồn ời thấy con như chim chưa đủ lông cánh đã bay vội vào giông bão cuộc đời! Mặc dù cả năm qua ít thấy mặt nó ở nhà nhưng dù sao nó cũng còn đi đi về về, chỉ ham chơi hơn sách vở chứ không có rượu chè hút xách gì cả. Hẩn thấy như có chút hụt hẫng, mất mát!

- Anh nghĩ sao mà không nói với con một lời như vậy? – Mẹ nó hỏi. Không hiểu sao hẩn lại trả lời cụt ngắn:

- Thì dù gì nó cũng đã tự quyết định rồi mà!

- Ba không giận con chứ? – thằng con e dè phân trần – Con chỉ muốn surprise Ba Mẹ và các em thôi chứ không cố tình dẫu điểm Ba Mẹ đâu!

Mẹ nó vội đỡ lời:

- Thì mấy năm trước anh đã không khuyến khích nó đi Quân Đội là gì?!

- Ba không có gì để nói, chỉ muốn mọi sự tốt lành cho con! Ba không giận con nhưng thấy không được vui trong lòng, cảm thấy có cái gì mất mát!

Nói xong hẩn đứng dậy rút vào phòng đọc sách. Không muốn nói gì thêm trong lúc này khi thấy mặt mấy mẹ con buồn dàu dàu và không khí khá buồn tẻ! Một ngày thôi! Một

ngày ngắn ngủi mà có bao nhiêu là điều oan trái xảy ra! Dù sự nhập ngũ của con trai lớn không hẳn là sự mất mát nhưng sao cảm giác cứ bùi ngùi! Dù sự mất việc không là một điều mới mẻ trong tình trạng kinh tế chung hiện nay, nhưng kéo theo tai nạn đụng xe quả nhiên là một đại họa trong lúc này! Nếu người ta hay ví “Sông có khúc, người có lúc” thì đây quả là một khúc khuỷu nguy hiểm của dòng sông, là một trong những lúc khó khăn nhất trong đời tỵ nạn của hân vậy!

Song An Châu

Tình anh vẫn mãi đậm đà
Mong em về lại quê nhà
Tình anh vẫn mãi đậm đà như xưa
Dù rằng sớm nắng chiều mưa
Lòng anh tạc dạ, tình xưa vẫn còn.
Dù em góc núi đầu non
Mong em ngày tháng mỗi mòn nhớ nhung
Chừng nào trở lại miền Trung
Nhớ về quê cũ tương phùng anh mong.
Sông Hương nước chảy theo dòng
Giờ đây hết lũ, tiết đông không hàn
Nhưng anh đau xót vô vàn
Thương em xứ lạ có gian nan hèn.
Bây chừ nặng gánh sơn khê
Nặng tình phụ mẫu trăm bề lo toan
Màn rãng hết nỗi cơ hàn
Đổi đời anh sốc, bàng hoàng lâu nay.
Dù cho mù mịt đường bay
Nhớ về gói trọn tình này nghe em
Trăng khuya đã xế bên thềm
Hương xưa ngày cũ dáng em xuân thì.

Em về tìm lại những gì
Mà em đã mất lúc đi xa nhà
Tình anh vẫn mãi đậm đà
Mong rằng muôn kiếp đôi ta chung đường.

Vui xuân thái hòa

Hoa Xuân nở rộ bên thềm

Sao lòng chẳng thấy ấm êm chút nào

Xuân về lòng lại nao nao

Nhớ quê, nhớ mẹ dạt dào tình thâm.

Bỏ quê, xa mẹ bao năm

Nay thân viễn xứ đêm nằm lệ tuôn

Giờ đây là khách viễn phương

Quê người tạm trú, tạm nương nấu nhừ.

Chờ cho quê mẹ bao giờ

Đêm dài bừng sáng dựng cờ đón Xuân

Nước non một mối ăn mừng

Toàn dân đoàn kết vui xuân thái hòa.

Xuân này em có vui không

Xuân này em có vui không?

Em có mua được pháo hồng mừng Xuân

Mua hoa quả bánh để chưng

Ngày ba mươi Tết đón mừng tổ tiên

Xuân này nếu em có tiền

Mua dùm anh chút oan khiên trong đời

Cho người dân được thanh thoi

Cho muôn người nở nụ cười ngày Xuân

Xuân này anh cũng chúc mừng

Em vui đón Tết, mừng Xuân thanh bình

Vui Xuân phải nhớ quê mình

Mấy Xuân chưa được hồi sinh ngày nào

Xuân này mình phải làm sao

Chia vui xẻ đắng đồng bào mình thương

Bao năm gánh chịu tai ương

Sống trong nghèo đói trăm đường khổ đau

Vui Xuân em nhớ năm nào

Lìa xa Tổ Quốc còn đau đón lòng

Xuân này mẹ đợi em mong

Bạn bè dăm đứa cũng trông mình về

Mừng Xuân vui Tết nơi quê
Cả nhà đoàn tụ trăm bề vui Xuân.
Chiều xuân đất khách
Chiều 30 Tết, con nơi đất khách
Đốt nén hương, vọng bái quê nhà
Mùa xuân nữa, không về thăm mẹ
Bao năm rồi, chưa viếng mộ cha.
Nay lòng con buồn không thể tả
Nỗi niềm riêng chan chứa sâu thương
Ngày ra đi, nuốt hận lên đường
Con đâu muốn giã từ Tổ Quốc!
Ngày cuối năm, sầu lên chát ngất
Nhìn quanh. Ô! Đất địa người ta
Nương thân cho ngày tháng trôi qua
Đâu phải thiên đàng hay đất hứa!?
Tuy xa cách, lòng con luôn nhớ
Quê hương mình là nước Việt Nam
Chiều nay cuối năm, nơi đất khách
Đốt nén hương, cầu cho đất nước:
- Được BÌNH AN!

Lưu Ca

Tình buồn
Sương thu che khuất núi đồi,
Sao không phủ kín giùm tôi nỗi buồn !
Chiều thu lặng ngấm mưa tuôn,
Sóng thu biên biệt xa nguồn thân yêu,
Lá thu vàng úa tiêu điều,
Bao nhiêu xác lá, bấy nhiêu cơn sầu.
Đêm thu tình cũ còn đâu,
Hương thu gọi nhớ, ngàn dâu thần thờ,
Khói thu lơ lửng chơ vơ,
Sắc thu vàng vố như chờ đợi ai,
Mây thu lạc hướng bay bay,
Tiếng thu da diết bi ai nào nề,
Nhạc thu tình khúc lê thê *
Lắng nghe nửa đoạn đã tê tái lòng,

Tình thu lỡ tiễn sang sông,
Đôi bờ ngăn cách, đôi dòng châu rơi.

(* Les feuilles mortes)

Sáo bay

Tôi không đem sáo sang sông
Mà sao sáo vẫn sổ lồng sáo bay!

Sáo vù ra khỏi tầm tay
Cho tôi khắc khoải đêm ngày ngóng trông
Chiều chiều ra đứng bờ sông
Nhìn nam ngó bắc chờ mong sáo về

Cách xa nghìn dặm sơn khê
Sáo ơi có nhớ thương về cố hương?
Đi tìm, áo nhuộm bụi đường
Giày mòn, chân mỏi, phong sương gọi sầu

Đêm nay thức trắng canh thâu
Nghe tim nhói buốt, dòng châu sắp tràn
Sáo bay, buồn chiếm không gian
Bặt tăm tin sáo, ngõ ngàng phận tôi

Từ khi sáo đã bay rồi
Ngày ngày tôi ngắm mây trời cuối thu
Mơ màng nỗi nhớ chơi vơi
Dường nghe tiếng sáo, bồi bồi niềm đau

Nửa khuya nhớ lại ngày nào
Sáo theo hoàng hạc khuất vào chân mây.

Phan Xuân Sinh

THƯ TÌNH, THỜI ĐI HỌC

Trong thời còn là học sinh, ai cũng có những mối tình. Có thể thương thầm nhớ trộm, có thể có một chút tình ý với nhau, có thể tiến xa hơn là hai bên đã phải lòng với nhau.

Từ xưa cho đến nay tình yêu bao giờ cũng tiến triển tuần tự theo các giai đoạn đó. Thời trước như thế nào thì tôi không biết, chứ thời học sinh của thế hệ tôi, chỉ chừng hơn ba mươi năm trước thôi, tình yêu lúc ấy sao cũng còn lắm rào cản của định kiến chi phối. .. Nhất là những thành phố nhỏ ở Miền Trung thì lại càng có nhiều điều cấm kỵ. Trai gái ra phố cầm tay nhau tung tăng, đùa giỡn, đã là điều gai mắt cho nhiều người. Hôn hít nhau thì phải tìm chỗ kín đáo không ai thấy. Hẹn hò nhau thì phải ở nơi vắng vẻ. Chuyện tỏ tình bao giờ cũng dùng cái phương tiện “thư tín”, nên thường gọi là “thư tỏ tình”, để khởi đầu cho một cuộc tình. Nói thế chứ vẫn có những cách khác, tuy nhiên nó không nên thơ, và dễ thương bằng dùng thư để nói lên nỗi lòng của mình. Nó còn đượm tính chất văn hóa hơn, và tránh đi trường hợp khó xử của người nữ hoặc người nam, nếu họ không thuận tình.

Đúng ra trong thời chiến tranh, sống vội vàng, yêu cũng vội vàng. Thế mà lúc ấy chúng tôi lại chậm chạp trong vấn đề này. Từ khi quen biết, cho đến khi tỏ tình, yêu nhau. Tiến qua biết bao nhiêu giai đoạn chông gai, gập ghềnh. Ngồi nhớ lại mà thấy tức cười và tội nghiệp cho những thằng con trai mới lớn thuở ấy. Bây giờ nhìn các con tôi tình yêu đến và đi sao mà nó dễ dàng quá. Ôm nhau, hôn nhau tại chỗ đông người chẳng có chi ngượng ngập. Những cử chỉ âu yếm nó cũng mạnh bạo hơn, điêu luyện hơn, tự nhiên hơn. Làm gì có cái chuyện thư từ phiền phức như hồi đó. Mới hay thời đại tân tiến tình yêu cũng bắt kịp theo sự nhanh nhẹn của khoa học.

Trường hợp của bọn tôi lúc ấy cũng theo những thông lệ đó. Nghĩa là tuần tự trải qua những giai đoạn liếc mắt đưa tình, hồi hộp đợi chờ, hẹn hò tình tự. Tuổi choai choai cũng biết đi “cua gái”. Phải nhịn ăn để lo mặc cho thơm tất, chưng diện để se sua với gái. Trước khi ra khỏi nhà là phải chải chuốt kỹ lưỡng, áo quần thẳng nếp. Cua gái thì cũng phải có bộ mã coi cho được. Trước hết, bên ngoài phải tỏ mình lịch sự. Sau, mới tới tướng tá đẹp trai. Tôi không thuộc loại điển trai, nên phải cẩn chú ý thận trọng cách ăn mặc, chứ không thể xuề xòa được. Lớp học của tôi nổi tiếng có nhiều gái đẹp, sau này có người thành Á Hậu Việt Nam đó là chị Kim Uyên (vợ của Nhà Thơ Trang Châu sau này). Gái đẹp trong lớp chẳng có ai thèm ngó đến thứ ba trợn như tụi tôi, các chị này dành cho các anh lớp lớn. Cỡ tuổi tụi tôi thì phải cà rà mấy em ở lớp dưới. Nhưng chỉ thực hiện lúc tan trường ra về, bày đặt dờ hơi cua gái trong trường thế nào cũng bị tóm cổ. Vì trường tôi theo học là một trường Công Giáo ở Đà Nẵng nên các Cha, các Thầy rất khắt khe. Lớp học của tôi thuở ấy có nhiều anh lớn tuổi, có anh đã có vợ con mà vẫn còn đi học.

Một hôm đến giờ ra chơi, anh Tính chặn tôi ở cửa lớp. Nói là bạn học cùng lớp chứ anh ấy lớn hơn tôi chừng năm tuổi. Anh đề nghị tôi viết giùm một lá thư tỏ tình, nội dung “phịa” thế nào cũng được miễn sao cô bé anh thương phải xiêu lòng là được. Tiền công

anh thuê tôi viết giả là một gói thuốc Ruby. Tôi thấy mỗi này có lý nhưng khó nuốt trôi, vì hồi nào tới giờ tôi chưa hề mang tâm trạng này, nên có thể sự diễn tả của tôi vụng về sẽ làm mất đi sự thuyết phục. Tôi còn đang suy nghĩ, thì ảnh động viên tinh thần tôi: “Mi giỏi Việt văn thì ăn thua chi thứ ni, xem như làm một bài luận, viết huyền thuyên mà không sợ lạc đề.”. Tôi miễn cưỡng nhận lời. Tôi đó về nhà tôi ngồi vào bàn viết, cầm bút mãi chẳng biết mở đầu ra sao. Tôi viết một đoạn xem lại, rồi xé bỏ. Cứ như thế mà giỏ rác phòng tôi đầy ắp giấy pelure, thức trắng đêm mà không viết được chữ nào.

Sáng hôm sau đi học người tôi rã rượi, tôi chưa biết yêu mà tưởng chừng như ném mùi khổ lụy vì tình. Gặp tôi, anh Tính chạy lại hỏi vồn vã: ” Sao, được đoạn nào chưa mi? Cho tau xem thử có hay không? ” . Tôi lắc đầu, mỗi một trả lời: “Tôi không viết nữa, anh thuê người khác viết đi”. Mặt anh thộn ra đờ đẫn thật tôi nghiệp. Tôi nhìn anh mà lòng tôi cũng đau điếng. Nếu cô “bò” anh thấy cái thất vọng này của anh, cô ta sẽ yêu anh ngay. Tôi không dám nhìn anh nữa mà lặng lẽ bỏ đi nơi khác. Vào lớp tôi nhìn qua bàn anh, thấy mặt anh buồn thiu và thần thờ như người mất trí. Thật tội nghiệp, tôi không cầm lòng nổi nên nguyện trong lòng, đêm nay bằng mọi cách tôi phải cố gắng viết xong lá thư tỏ tình giùm cho anh. Đến giờ ra chơi anh tìm tới tôi, giọng nói anh ngọt ngào cầu khẩn: “Mi cố gắng viết giúp cho tau đi, vài gói thuốc tau cũng chịu được”. Tôi vỗ vai anh an ủi: “Bây giờ không phải là chuyện mặc cả. Lúc đầu tôi nghĩ thật đơn giản, nhưng khi cầm bút tôi thật sự không biết mình đương viết gì. Tôi còn nhỏ, chưa có chút yêu thương nào, nên không biết thế nào mà diễn tả. Để tối nay tôi cố gắng thử lại xem sao”. Anh trả lời với tôi: “Thôi được rồi, tối nay tau với mi ra bờ sông, tau sẽ nói cho mi biết lòng tau. Nhưng tuyệt đối không nói cho ai biết”.

Ăn cơm tối xong, tôi vừa ra đầu ngõ, thì thấy anh dựng xe đạp đứng chờ tự hồi nào. Anh chở tôi ra bờ sông, hai đứa tìm chỗ ngồi, rồi anh thông thả rút trong túi gói thuốc Ruby mới mua ra mời tôi, anh cũng lấy một điếu trịnh trọng đặt trên môi, châm lửa rít một hơi dài. Mắt anh đăm chiêu, điếu thuốc trên môi vẫn cháy đều, gần tàn mà anh vẫn chưa mở đầu kể cho tôi nghe câu chuyện rạo rức của lòng anh. Lúc ấy tôi mới mười lăm tuổi mà anh thì trên hai mươi. Tự nhiên tôi thấy tình yêu sao mà nó dễ sợ quá vậy. Nó đầy ải, hành hạ con người một cách đau đớn như vậy sao. Nó là cục đường nghẹn ngang cổ họng, nuốt không trôi mà nhả ra cũng không được, thấy ngọt ngào mà lại trả một giá quá đắt. Anh hút đến điếu thuốc thứ ba, mà cũng chưa mở miệng được, để mô tả những gì mà lòng anh chất chứa. Mắt anh nhìn ra sông mà sao thấy điệu vợi như kẻ thất thần. Nói cho tôi biết anh đang nghĩ gì về cô bạn của anh, yêu thương, nhưng nhớ như thế nào mà anh còn thô? không ra lời, hướng gì tôi là người ngoại cuộc thì làm sao hiểu hết nội tình để giúp anh. Ngồi với tôi cả giờ mà anh chẳng biết nói thế nào với tôi, thì làm sao anh có thể mở miệng để nói chuyện với cô bạn của anh. Tôi đứng dậy và

bảo anh chờ về với một lời hứa an ủi cho anh yên tâm: “Ngày mai anh sẽ có một lá thư tỏ tình tuyệt vời”. Tôi định tối nay sẽ lấy các tờ báo Tiếng Chuông của ông Đinh Văn Khai, Sài Gòn Mới của bà Bút Trà, ra đọc các chuyện tình lâm li của các tác giả Bà Tùng Long, Dương Hà, để lấy cảm hứng và theo đó tán đại ra cho dài, chẳng cần cân nhắc gì cả. Nghĩa là viết cho thật kêu, cho thật ướt át, cho thật mùi mẫn.

Chờ tôi về anh cho biết người yêu của anh là con bà chủ nhà trọ. Cô ta cũng liếc mắt đưa tình với anh nhiều lần. Như vậy, xem như cô ấy đã chịu đền với anh rồi, chỉ còn thủ tục “tổng tình” nữa là xong ngay. Tôi bảo với anh tại sao anh không lựa lúc nào vắng người, đề đầu hôn đại. Như vậy tránh bớt thủ tục rờn rà nhiều khô như hiện nay. Cái trực tiếp lại không làm, mà lại làm chuyện lòng vòng. Anh lắc đầu cho tôi là thứ con nít không hiểu chuyện người lớn, chuyện đại sự mà giải quyết đơn giản theo suy nghĩ của trẻ con thì hỏng mất. Tôi thấy trong lời nói của anh, tỏ vẻ rất tôn trọng người mà anh đã yêu. Anh còn cho tôi biết, nếu như cô không chấp nhận lời tỏ tình trong thư của anh, thì anh phải tức tốc dọn đi nơi khác. Con người của anh có vẻ hiền từ, đến độ khờ khờ như vậy mà tình yêu sao nó hùng hực, bốc cháy mãnh liệt như thế. Tôi còn suy nghĩ xa hơn, nếu anh thất bại trong mối tình này, có thể anh cùng quần và liều lĩnh làm những việc rò dại khác, nguy hại đến tính mạng. Anh không quên dúi vào tay tôi bao thuốc lá còn lại, để trong đêm nay, tôi mặc sức phì phà khói thuốc cho ra được cảm hứng, viết một lá thư tình quan trọng cho anh. Trước khi thả tôi xuống đầu ngõ anh còn căn dặn, cố gắng giúp anh. Tối hôm đó ngồi vào bàn, hình ảnh thiếu nữ của anh lại xuất hiện. Tự nhiên tôi thấy thương anh hơn, và tôi phải có bổn phận giúp anh, phải hoàn thành công việc anh đã tin tưởng giao phó. Tôi cũng không hiểu lúc ấy có sự trợ giúp nào mà tôi viết một cách ngon lành, trôi chảy. Dòng mực tím của tôi trên mười trang giấy pelure mỏng ngày hôm sau, đã làm cho anh phải sưng sờ thán phục. Những gì trong lòng anh đang mong muốn, tôi đều nói lên vanh vách. Trang giấy hình như có chất chứa toàn những thứ ướt át, chờ mong, khổ lụy v.v... Đọc tới đâu đôi mắt anh sáng rực tới đó. Đây cũng là lá thư tình tôi viết đầu tiên trong cuộc đời ô trọc này, nhưng không phải là của tôi, mà chính là nỗi lòng thầm kín của anh.

Giờ ra chơi, anh rủ tôi ra gốc soài nằm khuất ở góc sân. Anh trịnh trọng mở lá thư ra đọc. Khuôn mặt của anh tươi tắn lạ thường, anh rất thỏa dạ những gì trong lá thư tôi viết. Tâm trạng của tôi lúc ấy rất hãnh diện, rất tự mãn. Tôi đã hoàn thành xuất sắc một công việc quan trọng mà anh đã đặt hết tin tưởng. Hai đứa đang ngồi trao đổi những lời khen tặng một cách hí hửng, hứng thú, thì bất chợt, thằng Tâm núp ở phía sau gốc soài, nghe lén chúng tôi nói chuyện. Nhanh như chớp, nó chụp lá thư trên tay anh Tính chạy mất. Tâm là một đứa nghịch ngợm, phá phách nhất trong lớp tôi hồi đó. Anh Tính đứng dậy chạy đuổi theo nhưng không kịp, nó luồn lách đâu mất. Anh sưng sờ, lặng người.

Chúng tôi biết lá thư vào tay nó, thì không thể lường được tai họa, cũng như mọi thứ xui xẻo sẽ xảy ra.

Đến giờ vào lớp chúng tôi cũng không tìm thấy nó. Nó chỉ xuất hiện phía sau lưng Thầy Nguyễn Tàu – giáo sư Việt văn của lớp tôi – khi thầy vào dạy. Nó nhìn tôi và anh Tính cười một cách ngạo mạn. Tôi ghét cay, ghét đắng cái mặt ngỗ nghịch của nó, muốn tới đấm một cái cho vỡ mặt nó để hả cơn giận. Tôi biết thế nào rồi sấm sét sẽ ụp trên đầu chúng tôi. Cái thằng cô hồn này đùa thì không ai chịu nổi, nó bắt kẻ chi là danh dự của người khác. Tôi thì không sao, nhưng anh Tính là người lớn tuổi nhất trong lớp, làm sao anh chấp nhận cái đùa của thằng trời đánh này. Thầy Tàu giờ sách giảng về “Cung oán Ngâm Khúc” của Nguyễn Gia Thiều, đến cái đoạn:

Bóng gương lấp loáng trong màn,

Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa.

Chìm đáy nước cá lừ đừ lặn,

Lũng lũng trời nhận ngẩn ngơ sa,

Thầy nói về sắc đẹp của người đàn bà, cái sắc đó đã làm cho cỏ cây cũng động tình, chim thì sa, cá thì lặn. Thầy đang thao thao bất tuyệt nói về nhân dáng cốt cách, nói về lời ăn tiếng nói, về bước đi thế ngồi v.v... các mỹ nhân Trung Hoa thời xa xưa. Thì thằng trời đánh Tâm giờ tay xin có ý kiến. Tôi như muốn đứng tim, tai họa sắp sửa trút xuống đầu tôi rồi. Tôi không biết nó chuẩn bị giở trò gì ra đây, tôi len lén nhìn qua nó và chắc rằng bộ mặt của tôi méo xệch, xù như bánh bao chiều, trông thật thảm thương. Cái nhìn của tôi có ý năn nỉ van lơn, nhưng nó chẳng thèm để ý. Nó đồng dục đứng lên một cách kiêu hãnh, với một khí thế đặng đặng sát khí, quyết quật ngã tôi cho tới cùng: “Thưa Thầy, Em không đồng ý cái lối tả mỹ nhân của Nguyễn Gia Thiều trong “Cung Oán Ngâm Khúc”. Lối mô tả như vậy không xác thực, kiểu cợt và quá tầm thường. Em thích cái lối mô tả mỹ nhân của anh Xuân hơn. Người đẹp mà ảnh trình bày thật lộng lẫy, kiêu sa và hấp dẫn hơn nhiều”.

Thầy Tàu ngơ ngác, chẳng biết thằng trời đánh này ăn nói huyên thuyên kiểu gì đây. Thầy ngạc nhiên hỏi: ” Ừa, anh Xuân làm gì có tác phẩm mà tả mỹ nhân. Anh có đùa không?”. Nó lễ phép và trịnh trọng: “Thưa Thầy, Em không dám đùa đâu, tác phẩm của anh Xuân đây ạ”. Nó rút trong túi quần ra một xấp giấy pelure nhàu nát. Chết tôi rồi trời ạ. Tôi điếng hồn, không biết thằng dở hơi này bày trò chi đây. Nó quyết hạ nhục tôi, nó quyết không cho tôi một lối thoát. Xấp giấy mà tôi trịnh trọng xếp trong tập thẳng tưng, nắn nót từng chữ, không có một vết dơ. Thế mà khi qua tay thằng khôn nạn này, nó thành một thứ bụi nhùi, dơ bẩn.

Tất cả con mắt của các bạn trai gái lớp tôi đều đổ dồn vào nó. Nó đọc lên, tôi nghe như từng tiếng sét đánh ngang tai mình: ” Liên yêu dấu,” . Một sự trùng hợp lạ lùng, người

yêu của anh Tính tên Liên, trùng tên với cô bạn gái học cùng lớp, thường đến nhà rủ tôi đi học, tên là Mai Thị Liên. Tất cả đều cho rằng tôi viết thư tỏ tình với Mai Thị Liên, nên họ đều “ồ” lên một tiếng. Không ai chịu hiểu cho rằng thằng bé con mới 15 tuổi chưa biết yêu là gì, phải gánh chịu một thứ “tình yêu” nặng ngàn cân đè trên vai mình. Mai Thị Liên gục đầu trên bàn xấu hổ, tôi thì mặt cắt không ra một giọt máu. Làm sao tôi giải thích cho mọi người hiểu nỗi oan ức này của tôi.

Tôi nhìn qua anh Tính, mặt của anh ngơ ngác, thất thần. Tâm trạng của anh lúc ấy cũng chẳng kém gì tôi, anh như đang ngồi trên đống lửa, gan ruột của anh nóng sôi lên. Tôi nghiệp cho anh, thằng khốn đó đã làm cho anh mất đi một cơ hội hiếm có. Tôi cũng thầm trách anh sao lại lơ đãng đến vậy. Anh sầm se đọc tới đọc lui nhiều lần làm gì, để bây giờ phải ra nông nỗi này, làm khổ thân cho anh, cho tôi và cho cái con nhỏ Mai Thị Liên vô tội ấy. Tại sao anh không đem thư về nhà, đóng cửa phòng nằm ngửa mặc sức mà đọc, mặc sức mà nghiền ngẫm. Nôn nóng làm chi để bây giờ phải mắc cỡ, thẹn mặt với mọi người.

“... em có biết rằng, sắc đẹp của em đã làm tê tái lòng anh hay không? Em có biết rằng, đôi mắt em là vì sao đã thu hút hồn anh hay không? Ô, làm sao anh mô tả hết những nét long lanh, kiều sa của em, bóng dáng mỹ miều, thanh lịch của em. Anh chỉ còn biết quỳ dưới chân em, để xin em bố thí cho một chút tình yêu để sưởi ấm và áp ủ đời anh. Anh nguyện sẽ làm tên nô lệ, thuần phục em suốt đời...” Cứ cái giọng thật là “ma-ri-sén” như thế này, “cải lương” như vậy, mà tôi đã tưởng tượng viết ra được mười trang giấy pelure cũng không phải là chuyện dễ dàng. Lúc đầu thằng Tâm mới đọc, cả lớp còn cười chế nhạo. Đến lúc sau cả lớp im phăng phắc như để từng câu, từng chữ, thấm dần trong huyết mạch. Cái lạ là, càng nghe tôi lại càng không thấy ngượng, mà ngược lại tôi thấy hãnh diện cho văn chương lưu loát của mình. Tôi nghe như có lời thổ thề thật êm tai, chứ không còn chút âm thanh chan chát như trời giáng lúc ban đầu. Mặt tôi không còn đỏ, sắc diện trở lại bình thường. Tôi cũng phải công nhận rằng, giọng đọc ra rả Bắc kỳ của thằng Tâm thật duyên dáng, thật hấp dẫn lạ lùng. Nó đã dẫn dắt mọi người đi vào thế giới yêu đương mùi mẫn lúc nào không hay. Đến lúc chấm dứt lá thư, cả lớp vỗ tay vang dội. Thằng Hạnh ngồi cạnh tôi, nắm lấy tay tôi đưa lên như thể hiện một sự chiến thắng lẫy lừng.

Tôi nhìn nét mặt của thầy Tàu để xem ông có ý phiên trách gì tôi không, ông nhìn lại tôi với đôi mắt thật hiền từ và nói với cả lớp: “Hôm nay tôi đang giảng về “mỹ nhân”, thì lại được nghe anh Xuân đã tả một cách đầy đủ về người đẹp. Từ cổ chí kim, từ đông sang tây quan niệm về cái đẹp của người đàn bà tuy có khác nhau, nhưng chung quy họ cũng chỉ làm cho bọn đàn ông chúng tôi khốn đốn, điên dại. Tôi mong rằng các chị có nhan sắc trong lớp này, phải có cái nhìn mã thượng hơn, hãy đối xử với bọn đàn ông

bằng trái tim chứ không phải bằng tính toán những con số. Bài học về Mỹ Nhân đến đây chấm dứt” . Cả lớp lại vỗ tay một lần nữa cho ông thầy dạy Việt văn chịu chơi.

Thầy Tàu bảo Tâm đưa lá thư đó cho thầy. Rồi thầy gọi tôi lên hoàn trả lại, với lời dặn dò hiền hòa: “Lo học đi, chứ đừng viết bậy bạ nữa”. Tôi cũng nói nhỏ với thầy rằng đây là lá thư tôi viết giùm cho anh Tính. Thầy vò đầu tôi cười.

Bắt đầu từ đó, các anh lớn trong lớp tôi có chuyện rắc rối về thư tình đều tìm tới tôi nhờ vả. “Văn ôn, võ luyện” , thư tình viết nhiều càng ngày càng tiến bộ. Viết thư tình cho mấy anh ấy, sau này tôi không cần phải đắn đo suy nghĩ. Nắm được sự thể của câu chuyện, là tôi đặt bút viết ngay. Tôi cũng là người biết được thâm cung bí sử, mọi diễn tiến những mối tình gay go của hầu hết các anh lớn trong lớp. Các anh các chị trong lớp thương yêu nhau tha thiết nhưng bề ngoài không thấy gì, làm mặt lạ, tôi đều biết hết tron. Sau này lại kèm thêm cái mục làm chim xanh, đưa thư giùm qua lại cho những người yêu nhau. Tôi lại thấy mình có thêm một chức quan trọng. Tất cả những giận hờn, yêu, ghét, thù hận, ghen tương, trước khi tới tai người yêu của họ, là họ đổ xối xả lên trên đầu tôi trước nhất. Tôi đã chứng kiến bao nhiêu chuyện tình xum họp, cũng như chia ly. Tôi đã vui trong cái vui của họ và cũng buồn trong cái buồn của họ.

Năm tôi học đệ nhị, thì anh Tính cưới chị Liên. Bấy giờ anh là một giáo viên tiểu học ở Quảng Nam. Sau khi đỗ trung học, anh theo học một khóa sư phạm cấp tốc ở Huế. Anh chị đến nhà mời tôi dự đám cưới. Lúc này tôi mới nhìn được dung nhan thật sự của một người, mà trước đó ba năm tôi đã viết thư tỏ tình giùm cho anh Tính. Sự ca ngợi trong trí tưởng tượng của tôi về sắc đẹp của chị, bây giờ nhìn lại quả thật không ngoa chút nào. Hèn gì mà lúc ấy anh Tính không mê một đời. Anh kể cho chị Liên nghe về lá thư tỏ tình bị thằng Tâm đọc oang oang cho cả lớp thưởng thức. Chị cười hiền hòa và công nhận lá thư đó thiệt hay. Tôi cúi mặt giấu nụ cười, lá thư nghe ra ngô nghê, sáo rỗng, lượm nhặt trong các chuyện tình lâm li đăng tải trên các nhật báo thời đó, thế mà chị lại khen. Tôi nghe chị nói mà lòng tôi âm lại, vui biết mấy. Tôi đã làm được cái chuyện mở đầu cho những mối tình, và chính nó đưa tới vấn đề hôn nhân cho các anh chị sau này.

Thời này mà nói đến cái chuyện thư tỏ tình kiểu đó, thì cũng giống như ta đang nói về thời kỳ đồ đá. Trai gái bây giờ gặp nhau thấy “bắt mắt” là nhào tới cặp kè ngay. Chuyện phòng the, được công khai giảng dạy trong lớp học, chứ không còn là thế giới riêng tư của hai người. Thế nhưng tôi không bao giờ quên được những chuyện lấm cẩm như thế này. Nó đã bén rễ trong tôi, mỗi lần nhớ lại những hình ảnh xuất hiện như mới đây, thật dễ thương, thế mà đã vài chục năm rồi. Bây giờ các cặp trai gái tiến tới tình yêu, sao thấy đơn giản và nhanh chóng quá chừng. Làm gì có cái chuyện nước mắt ướm đầm tiền nhau trên sân ga, phóng xe solex đuổi theo đoàn tàu chở người yêu mình đi xa. Những

hình ảnh thơ mộng đó làm sao tìm được bây giờ nhất là trên đất nước Hoa Kỳ này.

Lưu Nguyễn Từ Thúc

ĐIỆP KHÚC CHO NHAU

Cho nhau hạnh phúc tình cờ
Cho nhau nửa ánh trăng mờ cuối trời
Cho nhau giọt lệ buồn rơi
Cho nhau giấc ngủ nửa đời chiêm bao
Cho nhau ngày tháng xanh xao
Những cơn mộng mị rơi vào bờ mê.

Cho nhau ngày tháng nào nề
Cho nhau sương khói lê thê nhạt nhòa
Cho nhau mặt đất xót xa
Cho nhau gió thảm mưa sa trùng trùng
Cho nhau duyên kiếp nào nùng
Một lần hai lỡ lạc vùng đau thương.

Cho nhau chớp biển mưa nguồn
Cho nhau những giọt tình buồn tuôn rơi
Cho nhau thương nhớ bồi hồi
Cho nhau ghềnh thác một đời miên man
Cho nhau nửa ánh trăng tàn
Con tim héo úa vỡ vàng thâu canh.

Cho nhau một kiếp phong trần
Cho nhau ngày tháng phù vân ngậm ngùi
Cho nhau bao nỗi buồn vui
Cho nhau dòng nước trôi xuôi qua cầu
Cho nhau tình đã úa nhàu
Rung rung ánh mắt một màu hoang sơ...

Chu Thụy Nguyên

Đến Cali chợ
gặp lại mùa Xuân

Nắng tàn, lửa nhạt

rừng the
Thâm sì môi tái
le te những chồi
Cỏ đêm
sương mặn chia vôi
Năm ôm mộng cũ
lăn trôi xuống đèo
Hây hồng
chỗ thắt đáy eo
Lửa liu riu cháy
xì xèo mộng du
Trí toan tạp niệm
rối mù
Đèn khêu bắc lụn
bóng phù du tan
Xa quê lâu
bổng ngỡ ngàng
Nhìn xuân xư lạ
bàng hoàng cúc mai....

Đám cháy

Đám cháy đốt bữa qua
Những tàn tro của lá
Những tàn tro của đời
Về đất bay lả tả

Đám cháy đốt uất hờn
Hay tự tình rong ruổi
Hay bè bạn ba lơ
Chạm đầu nhau cháy rụi

Đám cháy đốt trận cười
Ngựa nghiêng bàn tiệc rượu
Thở khè những tanh hôi
Của tháng ngày phẫn nộ

Đám cháy đốt si mê
Rướm máu con tuyệt vọng
Đi chẳng biết ngày về
Đầu bốc cháy khét khô

Đám cháy thiêu hy vọng
Chẳng mong thấy bình minh
Trời vẫn chưa tận thế
Sao phận người điều linh?

Đám cháy thiêu rụi tình
Trong ngăn tim dự trữ
Hóa bụi tro ba sinh
Chẳng thấy ta đâu cả

Đám cháy thiêu rụi ta
Và linh hồn cháy nám
Khóc như kẻ mất nhà
Bay tứ phương hạt bụi.....

Luân Tâm

Cảnh khô

Buồn đông treo nặng cảnh khô
Lá xanh đi vắng sương chờ bóng chim
Mịt mờ trời đất không tìm
Dấu chân kỷ niệm nổi chìm bể sâu
Tuyết chôn bóng lạnh trể tàu
Xác xơ trắng áo bạc màu tha hương
Nhà xưa không dấu đoạn trường
Nhện già treo xác cuối vườn tuổi thơ
Vui hư buồn thực tình cờ
Trăm nghìn con nước quay tơ bọt bèo
Mông toi giậu đỏ bìm leo
Đội mồ dế khóc cỏ nghèo thương vay
Tàn tro bếp lạnh thờ dài
Rêu phong lối cũ ăn mày bóng ma ...

Chẳng còn thơ

Nếu chẳng còn em chẳng còn thơ
Hết hoa hết bướm hết mộng mơ
Anh như tan rã như khô héo
Trả lại đường xưa dấu bụi mờ

Anh sẽ lang thang đến kiếp nào
Tìm em tìm lại bóng chiêm bao
Lần đầu gặp gỡ như sương khói
Tà áo then thùng chân bước mau

Trở lại trường xưa hai đứa mình
Nắng chiều thương nhớ nắng bình minh
Con đường quen thuộc thềm hương áo
Lớp cũ còn đâu giữ bóng hình

Anh không còn xác không còn hồn
Không tỉnh không say sao chập chờn
Như khói hương xưa còn phảng phất
Bên mộ hoang nhuộm bóng hoàng hôn

Anh gọi tên em hết bốn mùa
Chỉ nghe ly biệt tự nghìn xưa
Dâng đầy trong cỏ khô rêu úa
Trên lối ghen hờn bóng đón đưa

Lang thang mòn mỏi bốn phương trời
Rừng lạ núi quen chẳng đáp lời
Tình si lận đận thuyền không bến
Cuối nẻo mịt mờ bong bóng trôi

Đường đến thiên thai đã không còn
Mệnh mong hư ảo lạ nước non
Tiếng buồn hay tiếng mưa ngày cũ
Còn chút lòng đau cũng mỗi mòn

Đêm tối quanh co không lối về
Thì thôi... mặc kệ người khen chê
Gục đầu trên cánh hoa tàn úa
Giọt lệ thiên thu lỗi hẹn thề...

Đội mồ đẻ khóc cỏ nghèo thương vay
Tàn tro bếp lạnh thờ dài
Rêu phong lối cũ ăn mày bóng ma ...

Tìnhhoàihương

Phiêu lãng tình trần

Đêm Noel! Đêm về thật sâu lắng. Sương muối hạt to to mòng mọng tròn tròn lung linh là đà rơi đầy trên thành phố trầm lắng mà huyền hoặc, nên thơ thi vị và mơ mộng. Cái lạnh xoáy buốt se se thịt da mà ăn sâu vào lòng người buốt giá vô cùng. Từng bè mây trắng xóa bay bay về cuối đời. Gió lồng lộng lũ lượt thổi qua vườn thông sau đồi nhà, nghe lao xao, rì rào vi vu bất diệt. Bầu trời tỏa lạnh cùng khắp mạch núi rừng hoang dại. Nhạc thông reo vi vu. Mây phiêu lãng cuộn thành từng lọn trắng, bông bành nhấp nhô lơ lửng trôi trên không trung tan loãng sương mù. Phố núi Lâm Viên chìm sâu xuống giấc mộng đào nguyên muôn màng, nhưng đầy thi vị và hữu tình biết bao! Bất giác lòng tôi se lại qua khe rèm hở giữa hai cánh cửa chớp. Mùi thơm muôn hoa trong vườn, quyến lẫn mùi nhựa thông thoang thoảng đưa vào, khiến tôi hồi tưởng không biết bao nhiêu buồn vui xếp lớp lẫn tẩn, và nhịp tim đập dồn dập mạnh cuồng quay trong những phấp loạn.

Sau khi các bạn đã đi rồi. Tôi tỉnh ngủ nhưng vẫn leo lên giường nằm đắp mền kín cổ. Tôi nhìn mấy con thạch sùng cắn đuôi nhau chạy quanh ánh đèn néon. Lòng cảm thấy trống trải, ưu phiền, băng khuâng vô ngần. Chen lẫn nỗi buồn chán tiếc nhớ vãn vơ, ghen ngào muốn ứa lệ. Tôi không thể hiểu tôi cần gì, muốn gì!? Bây giờ... Có thể “người ta” đang vui, tung bừng rộn rã đón mừng đêm Noel, đang hòa mình vào làn sóng người lượn trên phố như trẩy hội. Chứ chả ai ngu dại chi nằm đắp mền lên tận cổ, trùm mình vào nỗi cô quạnh không cùng như tôi. Tôi hiểu rằng: Từng này cảm xúc, buồn phiền, tủi hờn, có thể quật ngã một con người khỏe mạnh, vui tươi nhanh chóng như vậy! Ừ nhỉ! Lẽ ra mình không nên “ác” với Phú trước mặt các bạn anh. Không nên điều cốt tình cảm với Nam đến thế! Để làm gì? Tất cả những thứ đó chỉ là đùa trò trẻ con và lối bịch. Vì những tha thiết mặn nồng yêu thương chân thật, tôi có thể tìm thấy ở

Phú (nếu không phải là người xưa, hay là ai khác). Thế nhưng, tại sao tôi lại chối từ Phú? Sao tôi nỡ lòng quay lưng ngoảnh mặt, “tự dày vò làm khổ nhau” đến vậy không biết?! Tại sao? Hay chả còn bao lâu nữa, tôi sẽ lạnh lùng quay mặt về hướng khác, vứt bỏ sau lưng quãng đời dài thân thiết nhất? Dù những chuyện đó sâu thẳm như thung lũng tình yêu. Hấp dẫn đầy ắp như chân trời hứa hẹn một tương lai tươi sáng đang bùng tỉnh?

Bỗng chú kiến lửa cắn vào cổ tôi đau nhói. Tôi nhăn mặt xuýt xoa, vụt ngồi dậy. Tung mền ra, tôi quay quắt chà xát vào chỗ đau nhiều lần. Sợi dây chuyền (ngày xưa “chàng” trao tặng) vướng vít vào ngón tay, bị đứt lìa ra hai đoạn. Sợi dây chuyền này vào dịp Noel năm xưa, chàng đã ưu ái đeo vào cổ tôi, ân cần nói những lời âu yếm nồng nhiệt yêu thương xiết đổi. Kỷ vật đó suốt tháng năm tôi mang trong cổ qua bao giông tố thời gian vẫn không rời. Tôi ngẩn người cầm hai đoạn dây chuyền đưa ra ánh đèn xem xét, lòng mình cảm thấy tiếc ngẩn tiếc ngơ. Dường như tôi vừa đánh mất một cái gì quý giá nhất đời: hầu như tôi vừa đánh mất một cánh tay, một bàn chân, một nhịp thở lỗi nhịp, một mảnh tim vỡ hay một chéo mộng quan hoài. Trời! Xin đừng nhắc lại làm gì chuyện cũ, để vết thương lòng thêm héo hắt hơn. Bởi vì chuyện chia xa này rất phi lý là: chính tôi đoạn tuyệt mối tình nên thơ êm đẹp rất trong sáng, mặc dù cả hai người đối với nhau thì chẳng hề có lỗi lầm nho nhỏ nào! Do lỗi tại tôi tự ý “tự biệt”... muốn như thế thì đừng khêu to đóng tro tàn bên lò sưởi. Đừng đốt thêm ngọn bạch lạp bên góc phòng xưa. Dư vị quá khứ đắng cay đọng trên lệ nền này. Và, khung ảnh gỗ xinh xinh lồng tấm ảnh bán thân của chàng ngày ấy, nay còn trống chỗ vẫn ở trên mặt bàn lạnh từ bao năm.

Bản tính muôn thuở của tôi vốn dĩ không thích thay đổi, tôi rất mến yêu kỷ niệm, thủy chung. Kỷ vật đã yên ổn an vui trong vị trí tôi đặt để: Lọ hoa màu huyết dụ còn cánh nhưng hồng héo úa gục đầu đơn lẻ. Bàn viết. Ghế dựa. Sách vở, bút viết, tạp chí, giấy trắng với bình mực tím voi cạn. Những phong thư bạn bốn phương nằm im trong hộp đựng. Tủ quần áo, giường nệm độc thân y chỗ cũ. Chúng lẳng lặng nhìn chân dung bột màu do Kim Oscar vẽ hình tôi rất đạt, đang ủ dột thần thờ treo trên bức tường vàng lạnh lẽo. Tôi tin rằng mình không sai lầm khi con búp bê đã đặt trên giá sách, búp bê Mỹ do anh Vinh gửi từ Mỹ về biết cười nói khi tôi vui. Cạnh ô cửa là chú mèo lông xù của Thắng. Bên đàn gà mẹ gà con lít chít của Đan. Phía dưới là chú nai tơ xinh xắn của Phú ngơ ngác nhìn khi tôi buồn rầu đau đớn. Cạnh đó là chú gấu đen của Nam bùng giận lúc tôi chán chê cuộc đời. Trên tường là ông sáo đồng của Sanh. Mấy cành hoa giấy đỏ đỏ của Yến Nga. Lọ thủy tinh của Trúc. Hộp kính đựng cô gái Phù Tang của cô bạn tên Nghi cúi đầu rơi lệ khi tôi khóc. Những món quà vô tri vô giác nhưng thiết tha triu mến vô ngần: Chúng đã từng theo gót chân tôi phong trần đi đó đây suốt quãng đời dài.

Chúng có thể lẳng lẳng “đồng cảm” vui buồn thương giận, đã yêu và đau khổ không thốt nên lời chẳng!? Sáng, trưa, khuya, chiều, sớm, tối; “chúng” đã lặng câm chia sẻ nỗi niềm cùng tôi. Chúng nhìn trân trân nhưng tôi vẫn say đắm trong cơn mê. Chúng muốn nhả nhủ tôi điều gì!? Gọi lên lòng mình những bài học đã bị vùi quên vào dĩ vãng xót xa. Chúng nhìn tôi như thâm trách bao điều không thể nói được. Vì thế, chúng lạnh lùng câm nín giận dỗi gương đôi mắt nai tơ chổi từ thân thiện. Tôi yêu chúng vì chúng đã tận hiến cho tôi bao kỷ niệm đắm say, yêu kiều dịu ngọt lẫn vò xé nỗi đớn đau tận cùng. Chúng trọn vẹn tận hiến cho tôi một lần duy nhất trong cuộc đời vô tri, rồi lặng lẽ xếp đời vào niềm vui kỷ vật lẩn lẩn sóng gợn.

Còn đây, bên gần khung cửa sổ là những kỷ vật của “người xưa”: sợi dây chuyền vàng có hai chữ H là quà tặng đính ước của hôn phu đêm giáng sinh, đã nói với tôi điều gì!? Tôi thấy trước mắt là những đợt sóng ngằm lạnh lùng xô bờ, vùi dập tan biến hình ảnh người yêu đã mất hút tầm nhìn vào vùng kỷ niệm những ngày qua. Dù nay đã xa rồi, nhưng bừng sống lại trong đêm này, khiến tim tôi đau thắt và sợ hãi kinh khủng. Cùng với sự giận dữ vô cớ bừng bừng dâng cao, phản ứng vô tình chớp nhoáng, nhanh hơn nhịp đập tim co giật trong lồng ngực cuồng quay. Tôi nhảy phốc xuống giường, chạy đến mở cửa sổ, mạnh tay quăng hai khúc dây chuyền vào đêm tối, xa thật xa khu vườn thông rợp bóng đêm. Gió lạnh ùa vào phòng tê buốt khiến toàn thân tôi co ro, cúm rúm, mặt mày dúm dỏ, tái méc, tay chân mình nổi ốc trâu sần sùi, hai hàm răng va vào nhau lập cập. Tôi bàng hoàng, xúc động, run rẩy ngẩn ngơ tựa lưng vào tường, đắm đắm nhìn giá sách mập mờ đông đưa kỷ niệm vàng son một thuở.

Tại sao thế nhỉ?! Nhất cử nhất động hôm nay, là để bước lại những bước chân quá thuộc lối trên nẻo đường mòn hôm qua. Ở mỗi lối ngoặt trong cơn lốc đều hiện rõ từng nét mặt thân thiết, ân cần mời gọi, nhớ nhung, mơ hồ, hay tuyệt vọng. Cho dù sóng thần có cuốn phăng đi chân dung người tình, và gió bão ùa về xua mây mù che khuất nẻo. Thì cái thế trong tôi vẫn không nao núng cơ mà!

Tất cả kỷ niệm xa xưa về cuốn phim đó ẩn hiện chập chùng trên sóng nhấp nhô, bừng sống trong khoảnh khắc, nhưng rõ đến nỗi tôi nhìn trân trân vào bóng tôi, mà hình dung có bước tình ai rón rén bên hiên nhà, có tiếng ai thì thầm rất khẽ lời tỏ tình mùa đông!

---o0o---

Bầy蝶 reo hoan ca hát trong đêm muôn trùng, chúng quay cuồng bay lượn, bu quanh trên những ngọn đèn đường vàng vọt trước cổng nhà. Vòng bay mỗi lúc một nhanh. Khi chúng bay tỏa rộng ra, khi thì thu nhỏ lại, rồi bất thần rơi phịch xuống đất. Ngay chỗ tôi đứng, con cánh cam từ đâu bay vù vù vào khung cửa kính, nó đập đầu vào ô cửa

kêu cái cộp. Nó có lớp vỏ cứng, bóng láng, ánh lên màu biếc xanh, trông rất đẹp, nó xòe đôi cánh, bên trong lộ ra hai cánh nâu mỏng te có nhiều sợi gân nổi trên lớp cánh mềm mại, xinh xinh khéo léo uyển chuyển khép dần coi thật gọn ơ. Tôi mở cửa sổ ra, len lén thò tay bắt con cánh cam, và cúi xuống nâng niu trong hai bàn tay khẽ khàng bùm lại.

- Hương Thụy! Làm gì mà ngần ngại ra vậy? Em?

Giật bắn người khi ngờ ngờ nghe Cảnh gọi, tôi bàng hoàng nhìn ra đường ngõ ngác tìm kiếm anh trong bóng đêm mà run run. Cứ tưởng người đứng dưới cánh cổng cao dày kia là kẻ trộm. Con cánh cam thừa lúc tôi sơ hở không bùm chặt tay, nên vượt ra khỏi lòng bàn tay tôi, nó bay đi mất dạng. Những giọt sao đêm Noel qua ô cửa lấp lánh nghiêng mình vẫy gọi tôi bước xuống lầu. Tôi đi trên lớp sỏi trắng nghiêng lạo xạo dưới đôi dép da dọc theo khu vườn hoa đã thắm đẫm sương đêm, dẫn ra cánh cổng sắt rất to và cao lút đầu người. Tôi ngỡ ngàng giấy lát, do dự chào Cảnh, và tới gần cổng ngoài lách cách mở ổ khoá cho chàng vào. Anh nhìn tôi mỉm cười, rồi e dè hỏi:

- Trong nhà đi lễ hết rồi sao? Em!

- Dạ vâng. Chẳng còn ai.

- Anh đến bất ngờ. Xin lỗi em.

- Ừ hừ...

- Em dám ở nhà một mình?

- Sao lại không.

- Ghê ha.

- Lễ là... người thì xa lạ. Còn ma quỷ cũng sợ em chẳng dám tới đây quấy phá.

- “Yên hùng” hơn anh rồi.

Cười títt mắt, cùng anh bước vào phòng khách, tôi trêu ghẹo Cảnh:

- Anh thì không sợ gì bằng... sợ bị ký củ ngày thứ Bảy, Chủ Nhật. Nên anh thấy em “yên hùng” hơn anh. Ha.

- Em nhảy vô trong tim đen của anh rồi còn gì...

Tôi cười, nụ cười ngọt hơn mía lùi. Cảnh ngồi vào chiếc ghế bành da. Tôi loay hoay chút xíu dưới bếp, để pha cho anh ly cà phê sữa bốc hơi nóng thơm phức.

Bưng ly cà phê ra đặt trên bàn, tôi mỉm cười mời anh. Cảnh mỗi điem hút thuốc, anh nhả khói thuốc thành từng vòng chữ O uốn khúc bay lượn lên trần nhà. Dường như anh gắn chúng với dòng suy nghĩ, dẫn đo nào đấy. Tôi lại trở vào bếp làm cho anh hai miếng bánh mì kẹp thịt nguội quét ba tê. Tôi khệ nệ bưng đĩa bánh ra, vui vẻ ngồi xuống ghế đối diện Cảnh. Chúng tôi cùng nhìn nhau mỉm nụ cười vu vơ. Tôi cũng ăn lát bánh lát phết chút đường và bơ. Bất ngờ tôi nghe anh nói:

- Ngày lễ trọng đại, vui vẻ vậy, mà em không đi chơi đâu sao?

- Biết đi đâu bi giờ! Anh!

- ... Anh được trường cho phép đi ra ngoài phố. Nên cố ý đến thăm em, mà anh cứ do dự và lo lo, thắc mắc riết. Anh đi qua đi lại ngoài đại lộ này, mấy vòng rồi. Anh thấy nhà tối đen, ngỡ là không có ai ở nhà. Nào ngờ có em. Vui quá và may mắn thật. Bây giờ tôi mới để ý thấy trên góc kệ, cạnh cái bàn tròn có gói quà nho nhỏ thất nơ hồng. Cảnh để xuống đó từ lúc nào.

- Anh có món quà mọn này gửi tặng em.

- Anh đến thăm em, dù bất ngờ... nhưng vui rồi, quà bánh làm gì anh.

- Em vui là anh mừng hóm.

Tôi mỉm cười nhìn Cảnh giả vờ tròn mắt lên, rồi nheo nheo lại. Cảnh cũng không vừa, anh đá lông nheo kịch kịch. Chúng tôi cười to.

- Hương Thụy nghĩ sao về việc chúng mình được quen biết nhau?

- “Được” quen biết nhau?!

- Chính vậy.

- Nếu anh nói “được”, thì em phải trả lời “rất hân hạnh”. Còn anh nói “bị”, thì em thành thật trả lời “không có chi”.

- Một câu đáp lễ sâu sắc.

- Còn anh, anh nghĩ sao khi hỏi em câu đó?

- Sau bóng mây đen cùng cơn gió lộng, sẽ có trận mưa dầm mà âm áp mát mẻ như trời Đà Lạt luôn trong lành thoáng mát ấy em à.

- Chưa hẳn thích.

- Bởi vì chưa quen. À... Ngày mừng Tết Dương Lịch, anh xin có nhã ý mời em vào trường Võ Bị dự buổi dạ tiệc. Hen!

- Sao anh lại mời em? Em thiết nghĩ chị Dung, bạn ấy thân anh hơn em nhiều.

- Thân không có nghĩa là thương. Thương lại chưa hẳn là yêu. Nhất là Dung kia không phải là Hương Thụy này.

- Em chịu thua.

- Như vậy, có nghĩa là em từ chối khéo ha?

Tôi cười cười, vui vui nhìn Cảnh giả lả:

- Anh nghĩ sao về việc em vừa nói?

- Dễ thương đến thế là cùng.

“Dễ thương” theo nghĩa của Cảnh nói, khi vang lên nghe hay hay thế nào ấy! Nó ẩn chứa cái gì đó vừa hờn mát trách yêu, lẫn dịu ngọt ân cần vầy gọi nhau thân thiết. Như tiếng nước suối giao hòa rì rào, se se chảy qua bờ bụi lau lách. Như vết điêu khắc thần tiên sống động của nghệ nhân tài ba tạc trên đá. Không có nét “dễ thương” thì bức vẽ sẽ vô cảm, vô hồn.

Tuy thế tôi không thể dễ dàng, tự do, nhanh chóng đường đột nhận lời Cảnh đi vào

trường Võ Bị ngay. Vì; đây là lần đầu tiên tôi trực diện Cảnh, cùng trao đổi chuyện trò với người thanh niên mới quen biết vài tháng trước, trong căn nhà vắng lặng đến rợn người và... khuya khoắt hoang sơ thế này, cũng là điều quá đáng lắm rồi.

Chúng tôi ngồi nói chuyện về gia đình cha mẹ, các em của anh, Cảnh là anh Hai, trai trưởng mà! Tôi cũng nói về gia đình cha mẹ, anh chị, các cháu của tôi. Chúng tôi vui cười về vài sự kiện nào đó. Tếu tếu với nhau những câu vớ vẩn, không thân mà chẳng nhạt, đôi khi dặt ý về vài vấn đề nào đó lại nhìn nhau khúc khích cười.

Chuông giáo đường rộn ràng ngân vang báo hiệu giờ tan lễ nửa đêm Noel. Từ giã tôi, Cảnh ra về và anh tạm nghỉ ở nhà của anh chị bạn ngoài đường Phan Đình Phùng.

Chúc Anh

CHIỀU NHỚ NHUNG

Một giọt nắng
ngóng trông ai
tàn nhạt phai .
Mòn ánh mắt

Mây lãng đãng
giăng sợi buồn
sợi vương vương .
Rung rung lệ

Bóng xưa lặng
hạt mưa ngẫu
gõ phím sâu .
Hoàng hôn tím

Giọt sương nhỏ
đến bao giờ
hết bờ thờ .
Mờ ảo ảnh

Ngày mai hồi
gieo nắng vàng
chuỗi lạc quan .

Sưởi góc hẹn

Người phương ấy
thấu nơi này
gió bụi bay.
Nhớ vô tận

Mây Ngàn

Bể sâu

Phải chi đời không bể sâu
Đêm đêm đứng đợi bên cầu nước trong
Từ ngày em bỏ theo chồng
Vườn hoa trước ngõ cánh hồng héo khô
Bao năm hò hẹn cơ hồ
Như dòng nước chảy biết mô mà tìm
Người đi để lại con tim
Hằng trăm mảnh vụn máu bầm tím đen
Hơi sương dấu kín mùi hương
Bàn chân bước vội con đường em qua
Cỏ cây chứng tích xóa nhòa
Đò qua bến lạ xót xa tình sầu
Đi đâu em đã về đâu
Phấn hương mùi tóc chìm sâu đáy lòng.

Nguyễn Khoa Lộc

Đố em

Em hốt hoảng nhìn ta trong bờ ngõ
Hiệp sĩ say quay mặt bước tỉnh cầu
Nhìn vũ trụ nổ tung ngàn tinh tú
Có quá nhiều ôm trọn một mình ta.
Ta lặng lẽ nhìn em trong pháo nổ
Tiếng cười vang chúc tụng bước vu quy.
Viết tên em Thiên sứ giặc trời uy

Thiên sứ ấy cười- say, em có biết!

Thầm lặng

Thảnh thơi đón gió đầu Xuân
Mai cần- trúc lạnh- quây quần vợ con
Khói nhang quyện lấy bóng hình
Con say giấc ngủ - vợ sâu giấc tình
Có chẳng phép lạ riêng mình
Thoát cao nhìn xuống u-minh-cười khà
Tái sinh ơn mãi xin chờ
Hùng anh hẹn gặp thiên cơ dựng cờ.
Chờ Xuân trăng lặn sao mờ
Hùng đông rực lửa đợi chờ tới đâu.

Song thy

Mưa Buồn
Rồi một ngày mưa làm ta rơi lệ
Con mưa ngày dai dẳng đến mưa đêm
Khóc cho ai hay chỉ khóc riêng mình
Thương thương quá! Giọt mưa buồn lệ thấm!

Chiều qua đi gọi mời mưa nán lại
Tí tách rơi giọt nhớ chảy về đâu?
Lệ tuôn rơi qua ngấn mắt âu sầu
Ta cũng ướt vì mưa hay vì lệ . . .

Rain or Tear!
Oh! A rainy day makes me cry
It drags on till night
And I cry for someone or for myself
Love it, love so much! A rain drop as my sad tear

An evening invites rain to stay
Rain dripping carrying my memory to elsewhere
Keep crying, tear filling my sad eyes

I'm soaking wet because of rain or of tears . . .

Phạm Tương Như

(họa vần)

MƯA BUỒN

Mưa rơi hay trời gửi ta sợi lệ
Nỗi nhớ lòng anh kẻ lẻ thâu đêm
Nước mắt ai hay anh khóc một mình
Dòng tâm sự lẫn lung linh hạt thắm

Em bỏ đi rồi ! Con mưa ở lại
Tóc ướt thuở nào, áo ướt về đâu
Ta lắng nghe ta tí tách giọt sầu
Để thương nhớ thành mưa ngâu thay lệ

RAIN OF TEARS

Oh! Raining or the sad nature cry
Flowing my sorrow into the night
Who else sob and shed tears but myself
My soul weeps and rolls as crystal tear

Oh! Lover has gone; left the rain to stay
Your wet long hair and soaking silk dress gone elsewhere
You left yourself in my soul and eyes
All our memories have fallen to become the rain of tears
Written by Pham Tuong Nhu

Nguyễn Thế Giác

Nghĩ gì về Thi Tập Thấp Đồi
Của Nhà Thơ Lan Cao

Đọc thơ Lan Cao vào một ngày Đông đến muộn, những bông tuyết lay bay, trên cành cây trụi lá, dưới khung trời Houston buốt giá, mờ mờ ẩm đục, lòng người co ro bỗng đọng ẩm lại, như một sự mâu nhiệm nào đó, thì ra cái thể thơ Lục Bát quái ác, làm tôi ngơ ngác trước sự cầu trúc quá ư tài tình, của anh chàng Kiến Trúc Sư chữ nghĩa có tâm

vóc.

Thể thơ dễ thực hiện, nhưng nghe khó xuôi tai này, đã làm tôi ít khi dám đặt bút, nay có kẻ nghiêm nhiên đứng trên đầu gió chiến thắng, tha hồ bày biện, khéo léo sắp xếp những con chữ vô tư, rồi truyền thần hết sức mạch lạc, khác nào phả vào một lời trần tình ngoạn mục, ưu ái cũng như san sẻ niềm suy tư, cho kẻ cùng tâm cảm, dìu nhau bước lên diễn đàn văn học.

Nghĩ lại, tôi đắn đo mãi, chỉ vì Lục Bát dễ làm như cho tay vào túi lấy tiền, nay đã được người bạn vong niên, chẳng chút gì ngần ngại phóng tác, ngòi bút cứng cáp như cây tùng cây bách, cho tôi khiêm nhường tuyên dương, với danh xưng: Lan Cao là nhà thơ Lục Bát Lục Chi Bảo! Thật vậy, càng đọc thơ sáu, tám của ông, làm nhớ đến Nguyễn Đình Chiểu viết Lục Vân Tiên vô cùng!

Chịu khó lục lại chuỗi thời gian dài dằng dặc, ngày... tháng... lênh đèn nhồi nhớ, trong bầu ký ức mông lung, chập chùng thương tiếc. Thế là nỗi thống thiết, lẫn niềm vui chồng chất lên nhau, không biết bao nhiêu mảnh vụn cuộc đời, từ hăm hở của một thuở thiếu thời, đến âm thầm nghe chiều chậm chậm rơi, trên mái tóc vội vã ngã màu.

Mới đây, dòng thời gian chảy xiết, làm sao quên được cơn đại hồng thủy trái mùa, đổ dập lên nửa phần đất nước thương đau, nền văn học bất hạnh có thừa nhân bản của quốc gia cả đời tự vệ, bị vùi sâu dưới mấy tầng địa ngục đa đoan, do kẻ chiến thắng mưu toan dùng mọi ưu thế điều ngoa trừ dập, anh em văn nghệ sĩ của bên này vĩ tuyến mười bảy, sống âm thầm như hòn cuội lăn lóc giữa bầu trời nghiệt ngã. Tuy nhiên, vẫn có kẻ cố gắng nuôi mãi lý tưởng sống còn, vực dậy một nền văn học dưới đồng gạch vụn ngổn ngang hận thù, nhưng biết chắc lần nữa cũng sẽ bị xoi mòn, khi thời gian bất thiệp, nhìn lưu lượng của con sóng vô tình dòn dập, mà đau lòng không ít.

Trước xu thế thời đại, ngậm ngùi soi lại bóng bóng mình, chú học trò năm xưa đã già từ mới tuổi trình nguyên, ngót mấy thập niên rồi đó, cố ngoái nhìn cái dáng hồn nhiên vương lên, như lộc non cành biếc của Mùa Xuân năm nào, qua chiếc áo thiên thần, nhưng than ôi, tất cả cũng đã âm thầm chấp cánh bay cao, trả lại một vùng trời ảm áp kỷ niệm.

Đăm chiêu thả mắt vào dòng thơ lúc mềm mại lúc óng ả, đưa hồn mơ màng lên khoảng không gian vô tận, miệt mài nhìn đến thân phận của người cầm bút, thứ xao xuyến luyến lưu trong im lặng, có khác gì một kẻ bất lực, đã lầm đẫm đi vào vùng miên viễn xót xa nào đó, mà người xưa thường bọc bạch, như lời tự thán dễ thương trước sự xâm thực của thời khắc không ngừng vượt ve: Lão giả an chi!

Thế là mọi chuyện thế gian ngổn ngang cũng xin gác lại, cho tâm tư lắng đọng đôi chút, giữa cảnh phồn hoa đô hội không ngừng thôi thúc. Nhưng, chẳng thể nào làm ngơ trước

một hiện tượng, tâm hồn vốn dĩ ưu tư văn chương chữ nghĩa khá sâu đậm, nên cũng khó lòng làm ngơ cho được, khi bạn mình ưu ái trình làng đứa con tinh thần, vẫn biết trong lúc chợ chiều văn học hải ngoại, làm rục rĩa ánh tà dương rớt muện, trên bước đường lưu vong.

Tôi thiết nghĩ, nhà thơ Lan Cao nếu không là nghiệp dĩ quán quít lấy đời ông, thì cũng khó lòng can đảm đến thế, chỉ vì thời buổi gạo châu củi quế, đã làm tiêu tán cả nghị lực còn lại. Dễ hiểu thôi, sách vở bây giờ chẳng còn mấy ai thiết tha, giữa lúc con người đang ở vào thời kỳ thông dong trên siêu xa lộ tin học, điện toán thu ngắn địa cầu và khoa học thực tiễn xé nát biết bao huyền thoại dễ thương, nên văn chương đã không trù tượng ra nổi những gì, mà mình muốn ký thác.

Bạn tôi bất chấp mọi nghiệt ngã, vô tư lự đứng trước sự dửng dưng vây hãm, như chấp nhận thách thức người cầm bút bản lĩnh. Dĩ nhiên, nhà thơ của chúng ta chả cần đo lường đến nỗi thiết thời, e làm tiêu tán nghị lực chẳng? Có điều thử hỏi, dù thế hệ trẻ có quan tâm đến quốc gia dân tộc cách mấy đi nữa, nhưng tiếng Việt đã không là nhu yếu phẩm thực tiễn, dẫu cố tâm vùng vẫy, nhưng cuối cùng gần như đi vào vùng quên lãng, sớm muộn gì cũng trở thành một ngoại ngữ hiếm hoi, không ảnh hưởng nhiều đến xã hội của người dân bản xứ, thì làm sao con cháu mình được cơ hội nuốt trôi một tác phẩm văn học có tầm vóc giữa chợ đời bốn ba hải ngoại.

Dĩ nhiên, đối với tôi không ngần ngại chia xẻ ngọt bùi, khi tiếng mẹ đẻ còn có kẻ vun quén, vùng vẫy muốn thoát ra khỏi cái kén bất lực. Nếu ý nghĩ nhắm mắt trước cảnh đời văn chương chữ nghĩa mặt vắn, là phụ lòng một người có tâm hồn chất ngát niềm tự hào, ưu tư không ít đến thế hệ mai hậu. Cuối cùng, phải chăng là vô tình thiêu rụi nguồn sống của một nền văn học vừa hồi sinh, được chắt chiu sau cuộc đời bi đát.

Tôi đọc ngẫu nhiên, nuốt trôi thi tập Thấp Đồi của nhà thơ Lan Cao. Nhất là nghiền ngẫm lối vào cửa ngõ Lục Bát. Phải thành thật mà nói, ông đã thành công mỹ mãn về thể thơ này. Có lẽ, chỉ vì người thơ của chúng ta đam mê chữ nghĩa không ít, còn cố tâm trù tượng hóa hiện vật, thành những hình dung tự dễ thương, mới nghe qua từng cung bậc của âm thanh, tưởng chừng ông đã phong phú hóa trường phái, tinh anh như loại văn chương bác học.

Càng đi sâu vào vườn hoa chữ nghĩa, khi người thơ cố tâm thổi vào một luồng sinh khí, thế mới biết Lan Cao của chúng ta bất chấp mọi thua thiệt về vật chất đe dọa, ngang nhiên đứng lên trên mọi gièm pha nếu có, cho dù của những kẻ khó tính, chỉ biết phê bình mà chẳng cần đi sâu vào vườn hoa văn học có tầm vóc kích thước.

Đọc đi đọc lại, cho thơ ông nhẹ nhẹ đi vào hồn mình, để nghe ít nhiều trần trở của người cầm bút. Lan Cao vẫn ung dung trên con đường nghệ thuật, không một chút gì ngần ngại, cũng như nao núng đến lời phẩm bình cho dù của nhiều bậc uyên thâm, lão

luyện về thể thơ Lục Bát trước kia, lúc nào cũng dè dặt nói với thể hệ cầm bút tương lai:

Thơ Lục Bát dễ làm nhưng khó hay, không khéo rơi vào Ca Dao hoặc vè chẳng hạn.

Nhà thơ của chúng ta với tinh thần khai phóng, tôi tin rằng một kẻ bản lĩnh có thừa. Thế là ông đã thành công với ngón nghề này. Tôi vẫn đinh ninh khẳng định, dường như ai đam mê những gì mà mình mong muốn, sẽ gặt hái trọn vẹn như một sự tất nhiên.

Lan Cao, lão luyện thể loại Lục Bát, là một dẫn đo tuyệt vời, cứ nghe bốn câu thơ dưới đây, mới thấy một sự thành công đáng kể:

Ngày mai biển gọi người về.

Ngày mai nào được cận kề hôm nay.

Hát lên rượu rót cho đầy.

Hát lên tình khúc, môi say tình đời.

Thì ra mới biết thứ vô vi Lão Trang đã âm thầm diễn đạt qua cuộc sống đầy an nhiên và tự tại, làm mình cũng đứng đưng, tưởng chừng, để cho linh hồn được bình thản, trước sự xâm thực của thời gian vô tư mặc nhiên đến với con người.

Hẳn biết, đất tạm dung đã cho ông vẫy vùng triết lý sống còn của kẻ lưu vong, dù ánh sáng cuối ngày cũng điểm diện trên vuông chiếu văn học. Thế nhưng, trong lòng hải ngoại thứ phù vân thi ca chẳng thiếu, đã làm mai một ý chí người làm văn học chân chính với chữ nghĩa thên thang!

Tôi đọc thấy nhà thơ Lan Cao cũng thao thức không ít đến lâu đài văn học bị vùi sâu dưới mấy tầng ký ức đa đoan, đau trong niềm đau mát mát, tuy biết còn chút tư duy vụn vặt, cô Thấp Đồi mong sao giọt nắng cuối cùng, đi vào từng nhiễm thể văn chương chữ nghĩa, không ngoài những ước ao gói ghém tâm sự mình qua cung bậc của dòng Lục Bát phá thể, để nghe tiết tấu của thơ vang lên trong tâm hồn bình dị, làm nhẹ nhõm tinh thần của người cầm bút ưu tư không ít đến tiền đồ.

Con người ưu tư đến nền văn học lưu vong, Lan Cao tưởng chừng vẫn long đong không ngớt với vận mệnh, tôi đọc thấy trong thơ ông như có cả một trời hoài vọng, đang quán quít bên người.

Lý nào nhà thơ của chúng ta không nhận chân đến sự thật hẩm hiu của nền văn chương hải ngoại? Dĩ nhiên, dù muốn dù không, trước sau gì cũng bị đào thải, khi bánh xe thời gian miệt mài lăn trong tâm hồn bỏ ngõ. Bởi thế, thơ ông nhiều khi yếm thế không kém, có lúc nghiêm nhiên trên dòng văn chương bác học, làm người đọc chưa ra khỏi cái bình dân mộc mạc, lại leo lên ghềnh thác đầy suy tư, cho nên không kịp diễn đạt sự thâm thấu trong hồn.

Cổ lộ ngược con sông đời, của một thời hồn nhiên, nghe lưu lượng còn chút âm ba bên bờ ký ức, bất động soi cả hình hài của chính mình, trong xao xác của nghĩ suy, cũng

muốn rửa tay gác kiếm, ngỏ hầu vui thú điền viên, thứ vô vi Lão Trang như an bài cho một đời người, trước dòng cuồng lưu miệt mài xâm thực cuộc sống.

Nhưng, luyện tiếc không ít những gì đã vụt khỏi tầm tay, còn thơm mùi mực, cho dù vụng về bằng hành động, vùng vẫy nhảy qua vũng lầy định mệnh khắc khe. Có lẽ, mình thấy chưa đủ niềm vui cho tuổi già định nghĩa sống còn chẳng? Ngoảnh lại vẫn còn quan ngại, vừa hồi tiếc cho dĩ vãng, rộn ràng chút hy vọng, quyến luyến không ít đến tương lai, cho tay vội vã chụp lấy thi tập Thấp Đồi của nhà thơ Lan Cao, lại đọc tiếp một lần nữa, cứ thế làm nhiều lần, nhai bằm đập những mẫu tự mềm mại, lắng tai đón nghe từng tiếng thì thầm của thơ, rón rén đi qua đời thường, để sống lại một thời trai trẻ, không dám dối lòng mình, trước sự xâm thực khó hiểu của thơ, mới biết mình cũng đã từng da diết yêu bộ môn văn học nghệ thuật này, nhất là thơ của Lan Cao, chỉ vì nàng thơ quyến rũ tâm hồn mình tự hồi nào, còn bắt tôi tìm chỗ đứng trọng vọng trong trái tim đoan hậu, chưa hết thế mà ra sức hành hạ kẻ đam mê, suốt cả một chiều dài thời tiết bất thường đổ về tới tấp.

Đành vật lộn với chữ nghĩa chứ biết sao hơn, nhưng rồi tin chắc đến lúc nào đó cũng no nê, trước ngọn sóng thi ca âm thầm phả lên miền suy tư, màu mực tím ngày nào, tưởng chừng cũng nhạt phai theo thời gian, bụi phấn không còn đọng đưa trước mặt. Thế nhưng, hình ảnh ông Thầy Giáo già trường Giòng phụ trách môn văn chương, đồng dạy nói với lũ học trò chúng tôi, vẫn còn sừng sững trong trái tim kính mến một thời, qua lăng kính bỗng dựng hội tụ.

Ngày ấy, Thầy tôi bước lên... bước xuống... bục giảng, vẻ mặt hưng phấn thấy rõ, Thầy thao thao bất tuyệt, như đã chuẩn bị sẵn tư duy, biết chắc Thầy cả quyết một điều gì, khi đã hội đủ tư tưởng. Cuối cùng rồi cũng khẽ giọng với lũ học trò yêu văn chương, thi phú. Cứ nhìn qua đôi mắt đắm chiêu của Thầy, biết nhà mô phạm muốn nhồi nhét thêm kiến thức vào môn đệ người, hẳn nhiên Thầy đoán được lũ học trò cũng đam mê tha thiết những tinh túy của hồn nước, Thầy đồng dạy:

-Các con nên nhớ rằng ai nói đến thơ, thể nào cũng phải nhớ đến quân bình và nhạc luật. Muốn có một bài thơ hay và truyền cảm, tác giả lại không thể nào bỏ quên những yếu tố đó, dầu thơ mới hay thơ cũ chẳng nữa.

Nhớ lời Thầy, tôi chợt nghĩ ngay đến Lan Cao, ông là chương môn thượng thừa về đủ cả loại thơ. Duy Lục Bát tôi phải cúi đầu ngưỡng mộ trước sự chế thơ tài tình, làm người đọc tưởng thể thơ phá thể nào đây, mà ông đã có công sáng tạo một trường phái mới.

Thái Bạch Vân

Một thoáng
tương phùng

Một thoáng anh về một thoáng thôi
Bỗng dưng ngọt lịm cả vành môi.
Ngày xưa áo tím em chung lối
Ước hẹn bên anh suốt một đời

Một thoáng anh về một thoáng thôi
Bỗng dưng nồng đượm chén khai bồi
Những mùa thu cũ vòng tay ấm
Tình vẫn đông đầy mộng chẳng vơi

Một thoáng anh về một thoáng thôi
Bỗng dưng rào rạt nhạc lòng ơi!
Nhớ nhung thoáng mắt bên song cửa
Chát ngát tình ta phút tuyệt vời.

Anh có về dù một thoáng thôi
Để lâu hoang vắng hết đơn côi.
Cho hoa thắm sắc, rừng thay lá
Cho mộng đông đầy tựa biển khơi.

Một thoáng... anh ơi! tận cõi trời
Nhìn nhau phút chốc dạ khuây nguôi.
Tương phùng mộng mị... như sương khói
Tĩnh giấc lệ tràn đọng khóe môi!

Chào nghiêng bờ hạnh phúc

Cơn buồn dâng vời vợi
Thương yêu rót ngập thềm
Hiên ngoài sương xuống lạnh
Nỗi nhớ mòn vũng đêm

Đèn khuya hiu hắc bóng
Trăn trở bao nỗi niềm

Âm thầm hàng lệ chảy
Ai lưu dấu ngõ về

Sau lưng từng hạt sỏi
Dấu chân buồn lê thê
Đường mòn in rõ lối
Ngõ nào tìm ước mơ

Đom đóm chiều lập lờ
Sa mù buông trước mặt
Lối nào cho tình Thơ
Lời nào lên men đắng

Chợt mộng tình bơ vơ
Chao nghiêng bờ hạnh phúc

Xuân hoài niệm

Xa cách muôn trùng... dệt ước mơ
Mùa xuân hoài niệm chẳng lu mờ
Mai vàng hé nụ khoe duyên thắm
Nắng óng vờn sương cảnh như thơ.
Thuở ấy nghe lòng sao ấm áp
Giờ đây thấy dạ chợt bơ vơ
Xuân về xứ lạ... thêm khao khát
Vườn cũ... quê xưa... mãi đợi chờ!

Xuân nơi xứ lạnh
Thái Bạch Vân

Tuần Đình

Hoài niệm
Lang thang hạt bụi bên đường
Lên đênh tàn tạ nỗi buồn truân chuyên
Âm thầm giọt nhớ ưu phiền
Xôn xao lá rụng bên triền cỏ may

Ngậm ngùi khói nhạt mây bay
Bên trời trắng gió hàng cây lặng lẽ
Trái sầu rơi rớt hồn thơ
Bên bồi bên lở vật vờ dòng sông
Hắt hiu gió lượn ngoài sân
Nhớ cây xưa, đã mấy lần tàn hoa
Thoáng nhẹ nhàng thêm thiết tha
Bờ rêu nắng mỏng la đà hương đưa
Bên vườn hoa thắm giậu thưa
Bềnh bồng tình mộng ngày xưa êm đềm
Chút liêu trai, bờ môi em
Nụ hôn hò hẹn, tay tìm vòng tay
Chìm đáy mắt, hồn đắm say
Chùm hoa hoài niệm trời mây cũng tình
U hoài non nước điêu linh
Quê xa dặm nhớ nợ tình mù khơi
Tấc lòng theo gió mây trôi...

Thi Văn Đoàn TRÂM HƯƠNG

Chân thành cảm tạ Quý Văn Thi Hữu

Quý Bạn Đọc và Quý Mạnh Thường Quân đã góp bài vở,
Động viên khuyến khích và nhất là Quý vị ủng hộ tài chánh.